

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH THUẬN



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
NĂM 2025

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Lâm Đồng, tháng 12/2025

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	4
PHẦN I. KHÁI QUÁT.....	5
1. Đặt vấn đề.....	5
2. Tổng quan chung.....	8
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	10
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra.....	10
<i>Tiêu chí 1.1:</i>	<i>10</i>
<i>Tiêu chí 1.2:</i>	<i>12</i>
<i>Tiêu chí 1.3:</i>	<i>14</i>
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	15
<i>Tiêu chí 2.1:</i>	<i>16</i>
<i>Tiêu chí 2.2:</i>	<i>16</i>
<i>Tiêu chí 2.3:</i>	<i>18</i>
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....	19
<i>Tiêu chí 3.1:</i>	<i>19</i>
<i>Tiêu chí 3.2:.....</i>	<i>20</i>
<i>Tiêu chí 3.3:</i>	<i>21</i>
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.....	23
<i>Tiêu chí 4.1:</i>	<i>23</i>
<i>Tiêu chí 4.2:</i>	<i>25</i>
<i>Tiêu chí 4.3:</i>	<i>27</i>
Tiêu chuẩn 5: Tuyển sinh và hỗ trợ người học	31
<i>Tiêu chí 5.1:</i>	<i>31</i>
<i>Tiêu chí 5.2:</i>	<i>32</i>
<i>Tiêu chí 5.3:</i>	<i>33</i>
<i>Tiêu chí 5.4:</i>	<i>34</i>
<i>Tiêu chí 5.5.....</i>	<i>35</i>
<i>Tiêu chí 5.6.....</i>	<i>36</i>
Tiêu chuẩn 6: Đánh giá kết quả học tập của người học	37
<i>Tiêu chí 6.1:</i>	<i>38</i>
<i>Tiêu chí 6.2:</i>	<i>39</i>
<i>Tiêu chí 6.3:</i>	<i>40</i>
<i>Tiêu chí 6.4:</i>	<i>42</i>

<i>Tiêu chí 6.5:</i>	43
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ cán bộ quản lí, giảng viên, giáo viên và nhân viên	44
<i>Tiêu chí 7.1:</i>	44
<i>Tiêu chí 7.2:</i>	45
<i>Tiêu chí 7.3:</i>	46
<i>Tiêu chí 7.4:</i>	47
<i>Tiêu chí 7.5:</i>	49
<i>Tiêu chí 7.6:</i>	50
Tiêu chuẩn 8 Thư viện trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác	51
<i>Tiêu chí 8.1:</i>	51
<i>Tiêu chí 8.2:</i>	53
<i>Tiêu chí 8.3:</i>	55
<i>Tiêu chí 8.4:</i>	57
Tiêu chuẩn 9: Bảo đảm và nâng cao chất lượng	59
<i>Tiêu chí 9.1:</i>	59
<i>Tiêu chí 9.2:</i>	61
<i>Tiêu chí 9.3:</i>	62
<i>Tiêu chí 9.4:</i>	64
<i>Tiêu chí 9.5:</i>	65
<i>Tiêu chí 9.6:</i>	66
<i>Tiêu chí 9.7:</i>	68
Tiêu chuẩn 10: Kết quả đầu ra	69
<i>Tiêu chí 10.1:</i>	69
<i>Tiêu chí 10.2:</i>	70
<i>Tiêu chí 10.3:</i>	71
PHẦN III. KẾT LUẬN	73
Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT	76
PHẦN IV. PHỤ LỤC	79

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	CHỮ CÁI VIẾT TẮT	TÊN ĐẦY ĐỦ
1	CBQL	Cán bộ quản lý
2	CĐBT	Cao đẳng Bình Thuận
3	CĐR	Chuẩn đầu ra
4	CLĐT	Chất lượng đào tạo
5	CNTT	Công nghệ thông tin
6	CTĐT	Chương trình đào tạo
7	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
8	ĐCCT	Đề cương chi tiết
9	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
10	GDMN	Giáo dục Mầm non
11	GV	Giảng viên
12	NH	Người học
13	NCKH	Nghiên cứu khoa học
14	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
15	THPT	Trung học Phổ thông
16	VC, NLĐ	Viên chức, người lao động

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

Chất lượng đào tạo là một trong những vấn đề được quan tâm hàng đầu ở Trường Cao đẳng Bình Thuận, hàng năm, Trường triển khai hoạt động tự đánh giá CTĐT ngành GDMN theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Hoạt động tự đánh giá không chỉ giúp Trường nhìn nhận lại chất lượng đào tạo của CTĐT, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng, tạo cơ sở cho công tác đánh giá ngoài CTĐT mà còn thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Trường trong mọi hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển các dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Trường.

a. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành GDMN trình độ cao đẳng bao gồm 4 phần:

- *Phần I:* Khái quát, mô tả về mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của báo cáo tự đánh giá. Đồng thời, phần khái quát cũng mô tả sự tham gia của các bên liên quan vào hoạt động tự đánh giá (khoa, phòng, giảng viên, nhân viên, người học,...) và cách thức tổ chức các thành phần trên tham gia vào hoạt động tự đánh giá CTĐT ngành GDMN của Trường.

- *Phần II:* Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí, được trình bày theo 5 nội dung chính: (1) Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể; (2) Những điểm mạnh của CTĐT; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch cải tiến chất lượng và (5) Tự đánh giá tiêu chí.

- *Phần III:* Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của cơ sở đào tạo; tóm tắt những tồn tại; kế hoạch cải tiến chất lượng được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

- *Phần IV:* Phụ lục, bao gồm: cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng, bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT.

Nội dung chính của báo cáo được khái quát như sau:

- *Về mục tiêu và CDR của CTĐT:* Mục tiêu của CTĐT ngành GDMN được xác định rõ ràng, phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của Trường, phù hợp với mục tiêu giáo dục nghề nghiệp được quy định tại Luật Giáo dục nghề nghiệp hiện hành, phù hợp với thực tiễn giáo dục địa phương. CDR ngành GDMN được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường và đáp ứng yêu cầu của NH.

- *Về bản mô tả CTĐT*: CTĐT được mô tả với đầy đủ thông tin và được công bố công khai đến các bên có liên quan. ĐCCT môn học/học phần ngành GDMN có đầy đủ các thông tin, đảm bảo cung cấp thông tin đến GV và NH để định hướng hoạt động dạy - học và kiểm tra đánh giá để nhằm đạt được CDR của môn học/học phần.

- *Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học*: CTĐT có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và cân đối giữa lý thuyết và thực hành, bổ sung hỗ trợ nhau trong quá trình triển khai. Nội dung chương trình dạy học đầy đủ các thông tin về phương pháp giảng dạy, cách thức học tập, kiểm tra đánh giá, tài liệu tham khảo nhằm giúp NH từng bước đạt CDR sau quá trình học tập.

- *Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học*: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp với mục tiêu giáo dục, CDR, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, khả năng của NH cũng như cơ sở vật chất của trường.

- *Về tuyển sinh và hỗ trợ người học*: Chính sách tuyển sinh ngành GDMN của Trường được thực hiện và công khai theo quy định của Bộ GD&ĐT. Trường thực hiện đảm bảo các chính sách ưu tiên và hỗ trợ học tập đối với NH.

- *Về đánh giá kết quả học tập của người học*: Trường đã xây dựng các quy định và quy trình đánh giá kết quả NH đúng quy định, rõ ràng và khoa học, phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ tin cậy, công bằng. Kết quả đánh giá được thông báo kịp thời qua nhiều kênh thông tin nhờ đó NH được chủ động thực hiện việc phản hồi khi cần.

- *Về đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên*: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên tham gia CTĐT ngành GDMN trình độ cao đẳng có đủ về số lượng, cơ cấu, có phẩm chất chính trị và trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu của nội dung chương trình, đáp ứng yêu cầu đào tạo.

- *Về cơ sở vật chất và trang thiết bị*: Với nguồn lực hiện có, Trường đảm bảo tốt các điều kiện về cơ sở trang thiết bị học tập, cơ sở vật chất, thư viện đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và NCKH.

- *Về bảo đảm và nâng cao chất lượng*: Trường xây dựng các quy định, kế hoạch về hoạt động ĐBCL cụ thể, rõ ràng và kịp thời ngay từ khi thành lập Trường. Công tác ĐBCL tại các đơn vị được triển khai nghiêm túc, được giám sát thông qua hoạt động đánh giá nội bộ làm cơ sở cải tiến chất lượng chất lượng cho các năm tiếp theo.

- *Về kết quả đầu ra*: Trường đã từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu về NH ngành GDMN tốt nghiệp, thôi học và các thông tin về việc làm sau tốt nghiệp. Trường cũng đã xây dựng quy trình, phân công đơn vị phụ trách công tác lấy ý kiến các bên có liên quan về CLĐT, định kỳ khảo sát, báo cáo, làm cơ sở dữ liệu để cải tiến CTĐT.

Mã hóa minh chứng trong báo cáo: Trường thực hiện mã hóa các thông tin và minh chứng theo đúng Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17/02/2025 Quy định về kiểm định chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

Mã minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef.**

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến 10
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15, ...)

b. Mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá; sự tham gia của các bên liên quan

Mục đích của hoạt động tự đánh giá:

Hoạt động tự đánh giá CTĐT ngành GDMN là một khâu quan trọng trong việc nâng cao CLĐT của Trường, nhằm giúp Trường rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT; xác định đúng những ưu điểm và hạn chế của CTĐT để từ đó xây dựng kế hoạch, biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp, từng bước nâng cao CLĐT; đồng thời xác định lộ trình đăng kí đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT.

Quy trình tự đánh giá:

Quy trình tự đánh giá CTĐT ngành GDMN được thực hiện theo Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17/02/2025 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy định về kiểm định chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học, bao gồm các bước sau:

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
- Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá.
- Bước 3: Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng.
- Bước 4: Tự đánh giá mức đạt của các tiêu chí.
- Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá.
- Bước 6: Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá.
- Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Phương pháp đánh giá:

Các phương pháp tự đánh giá được sử dụng phù hợp với từng tiêu chí của mỗi tiêu chuẩn:

- Nghiên cứu bộ tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDMN do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành, so sánh, đối chiếu với thực trạng CTĐT của Trường.
- Thu thập thông tin, tổng hợp, thống kê từ các tài liệu, hồ sơ minh chứng hiện có về các hoạt động của CTĐT ngành GDMN của Trường để đánh giá.

Công cụ đánh giá:

- Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05/02/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy định về tiêu chuẩn ĐGCL CTĐT giáo viên.
- Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17/02/2025 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy định về kiểm định chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.
- Công văn số 756/QLCL-KĐCLGD ngày 21/5/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm.

Sự tham gia của các bên liên quan:

Trường thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành GDMN trình độ cao đẳng theo Quyết định số 573/QĐ-CĐBT ngày 09/9/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bình Thuận để thực hiện hoạt động tự đánh giá. Hội đồng gồm 11 thành viên đại diện cho các phòng, khoa, trung tâm, đại diện giảng viên, cựu sinh viên của Trường. Các thành viên trong Hội đồng đều được phân công những nhiệm vụ cụ thể, đóng góp vào từng hoạt động cụ thể nhằm thực hiện tốt hoạt động tự đánh giá CTĐT của Trường.

2. Tổng quan chung

Trường CĐBT được thành lập theo Quyết định số 451/QĐ-LĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ LĐ-TB&XH về việc sáp nhập nguyên trạng Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận, Trường Cao đẳng Y tế Bình Thuận vào Trường Cao đẳng Nghề Bình Thuận. Trường chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng; chịu sự quản lý của Bộ GD&ĐT.

Trường thực hiện chức năng đào tạo, bồi dưỡng và liên kết đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và khu vực trong các lĩnh vực: sản xuất kinh doanh, du lịch, dịch vụ, giáo dục đào tạo, y tế; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho NH sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn. Nghiên cứu, phổ biến và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tham gia giải quyết

những vấn đề kinh tế - xã hội của địa phương theo các lĩnh vực hoạt động của Trường. Tổ chức các hoạt động dịch vụ liên quan đến các ngành nghề đào tạo của Trường như chăm sóc - giáo dục mầm non, chăm sóc sức khỏe, lưu trú, nhà hàng, hội nghị, du lịch, bảo dưỡng ô tô, sửa chữa cơ điện, ... để vừa phục vụ đào tạo thực hành vừa góp phần phát triển kinh tế xã hội.

*** Sứ mạng:**

Trường CĐBT là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng trong nhiều lĩnh vực, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các vùng lân cận; phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của cả nước và địa phương; trở thành một trung tâm học tập, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ và có một môi trường giáo dục lành mạnh, linh hoạt, thân thiện.

Sứ mạng của Trường được đảm bảo thông qua các chương trình giáo dục - đào tạo do ngân sách Nhà nước cấp và các nguồn lực khác, được tạo ra từ liên kết với các đối tác trong và ngoài nước, từ những sáng kiến tổ chức các hoạt động, dịch vụ đào tạo và nghiên cứu của Trường.

*** Mục tiêu:**

Trường CĐBT phấn đấu trở thành một cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế, góp phần đáp ứng yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; đảm bảo chương trình, nội dung, hình thức giáo dục nghề nghiệp đa ngành, đa hệ, đa cấp, đa phương thức, có chất lượng cao. Tạo cơ hội học tập thường xuyên, học tập suốt đời cho mọi đối tượng, mọi lứa tuổi; là nơi mà mọi thành viên trong cộng đồng có thể thực hiện các hoạt động học tập lành mạnh và thân thiện, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn cuộc sống; kết hợp có hiệu quả giữa đào tạo và sử dụng, đào tạo và nghiên cứu; cung cấp các loại hình dịch vụ, tổ chức sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến các ngành do Trường đào tạo.

*** Chính sách chất lượng:**

- Thực hiện hệ thống đào tạo, bồi dưỡng và liên kết đào tạo đa ngành, đa nghề, đa cấp độ, đa phương thức nhằm đáp ứng nhu cầu học tập liên tục, học suốt đời của xã hội.
- Thường xuyên cải tiến, đổi mới CTĐT, phương pháp dạy học chú trọng thực hành; gắn kết doanh nghiệp với đào tạo của Trường nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh và khu vực.
- Không ngừng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, người lao động năng động, sáng tạo, có trình độ chuyên môn cao đáp ứng yêu cầu giáo dục – đào tạo.
- Xây dựng môi trường học tập và làm việc thân thiện, dân chủ, chuyên nghiệp.

- Duy trì có hiệu quả và thường xuyên cải tiến Hệ thống bảo đảm chất lượng theo Tiêu chuẩn của Bộ Lao động – Thương Binh – Xã hội.

Đối với công tác bảo đảm chất lượng, hàng năm, Trường Triển khai các hoạt động tự đánh giá chất lượng Trường và CTĐT theo đúng quy trình và quy định. Trường đã Thành lập Hội đồng tự đánh giá, các nhóm công tác chuyên trách, nhóm thư ký giúp việc Hội đồng, tiến hành thu thập minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá. Sau khi hoàn thiện báo cáo, Trường thực hiện công khai và báo cáo cơ quan chủ quản đúng quy định.

Giới thiệu về Khoa Sư phạm:

Đơn vị thực hiện CTĐT ngành GDMN là Khoa Sư phạm. Tiền thân là các Khoa: Khoa Giáo dục tiểu học, Khoa Giáo dục mầm non, Khoa Tự nhiên và Khoa Xã hội của Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Thuận và Khoa Sư Phạm của Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận. Được thành lập vào ngày 10/01/2023 theo Quyết định số 15/QĐ-CĐBT về việc thành lập Khoa Sư phạm thuộc trường Cao đẳng Bình Thuận. Cơ cấu tổ chức của Khoa hiện nay có 03 tổ bộ môn (Giáo dục Mầm non, Tâm lý – Giáo dục, Cơ bản). Khoa Sư phạm là một đơn vị chuyên môn thuộc Trường CĐBT được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện quá trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy, học tập, tổ chức kiểm tra đánh giá NH, lập kế hoạch và triển khai các hoạt động thực tập, kiến tập, thâm nhập thực tế, hoạt động khoa học công nghệ và các hoạt động giáo dục khác theo kế hoạch chung của Trường.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra

Mở đầu: CTĐT ngành GDMN của Trường CĐBT được xây dựng trên cơ sở các quy định của Bộ GD&ĐT, năng lực của Trường. CTĐT xác định mục tiêu, CDR phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của Trường, đáp ứng yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp GV, phù hợp với thực tiễn của địa phương. CTĐT được đánh giá lần này được ban hành tại Quyết định số 545/QĐ-CĐBT ngày 11/7/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐBT, được kế thừa từ các CTĐT ngành GDMN được xây dựng trong các năm 2016, 2020, điều chỉnh vào các năm 2021, 2022, vốn là chương trình mang tính tiếp cận năng lực, đồng thời có một số điểm điều chỉnh cho phù hợp hơn, toàn diện hơn, đáp ứng yêu cầu đổi mới của các bên có liên quan và của giáo dục Việt Nam trong thời đại mới.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của trường, phù hợp với mục tiêu giáo dục nghề nghiệp được quy định tại Luật Giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với thực tiễn địa phương

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT ngành GDMN hiện hành được ban hành tại Quyết định số 545/QĐ-CĐBT ngày 11/7/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐBT sau khi sáp nhập trường, áp dụng từ khóa

tuyển sinh năm 2023. Đây là CTĐT được kế thừa từ các CTĐT ngành GDMN được xây dựng từ năm 2022 trở về trước của Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận, có sự tham gia của nhà quản lý giàu kinh nghiệm của trường mầm non trên địa bàn, mang tính tiếp cận năng lực, đồng thời có một số điểm điều chỉnh cho phù hợp hơn với sự đổi mới từ Bộ GD&ĐT, bậc học GDMN [H1.01.01.01].

Về mục tiêu, CTĐT thể hiện rõ ràng từ mục tiêu chung đến mục tiêu cụ thể; mục tiêu cụ thể thì được cụ thể hóa ở từng lĩnh vực: kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Các mục tiêu nói trên phản ánh một cách minh xác các yêu cầu cần đạt của quá trình đào tạo theo đòi hỏi của ngành và thực tế xã hội đang đổi mới từng ngày. Trong các mục tiêu nói trên, đáng chú ý nhất là việc xác định chương trình được xây dựng để đào tạo giáo viên mầm non trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sau khi ra trường có kỹ năng tự bồi dưỡng để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, tự đào tạo, có khả năng điều chỉnh kế hoạch giáo dục sao cho phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ, thích ứng nhanh trước những biến đổi xã hội. Đây chính là những đòi hỏi mà xã hội, ngành giáo dục nói chung, bậc học mầm non nói riêng, đã và đang đặt ra đối với giáo viên mầm non.

Không những phù hợp với yêu cầu của ngành và thực tế xã hội mà xét trong tính hệ thống, mục tiêu của CTĐT ngành GDMN cũng phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của Trường. Theo đó, chức năng và nhiệm vụ của Trường được xác định rõ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường CĐBT, trong đó có việc “thực hiện chức năng đào tạo, bồi dưỡng và liên kết đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và khu vực trong các lĩnh vực: Sản xuất kinh doanh, du lịch, dịch vụ, giáo dục đào tạo, y tế Nghiên cứu, phổ biến và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tham gia giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội của địa phương theo các lĩnh vực hoạt động của Trường. Tổ chức các hoạt động dịch vụ liên quan đến các ngành nghề đào tạo của Trường như chăm sóc - giáo dục mầm non, chăm sóc sức khỏe, lưu trú, nhà hàng, hội nghị, du lịch, bảo dưỡng ô tô, sửa chữa cơ điện” [H1.01.01.02]. Ngành sư phạm là một trong các mã ngành đào tạo của Trường CĐBT. Rõ ràng, mục tiêu của CTĐT ngành GDMN được xây dựng rất sát với chức năng và nhiệm vụ của trường, đó là đào tạo ra sản phẩm mang tính động, có năng lực thích ứng, có thể tạo việc làm, có ý thức và khả năng tự học để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhà tuyển dụng.

Đối chiếu với Luật Giáo dục nghề nghiệp, Trường nhận thấy mục tiêu của CTĐT ngành GDMN phù hợp. Cụ thể là, các mục tiêu được nêu trong CTĐT tương thích cơ bản với nội dung Điều 4 của Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014, nhất là các phương diện như: có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ đào tạo; có đạo đức, sức khỏe; có khả

năng thích ứng với môi trường làm việc; có khả năng học lên trình độ cao hơn; làm việc độc lập, làm việc theo nhóm...

Từ các nội dung trên, có thể khẳng định: Đặt trong bối cảnh của thực tiễn kinh tế - xã hội và giáo dục - đào tạo của địa phương, mục tiêu của CTĐT ngành GDMN Trường CĐBT hoàn toàn phù hợp. Khi xây dựng CTĐT, Trường đã tiếp tục quan tâm đến vấn đề tiếp cận năng lực, coi trọng khâu thực hành, thực tập để NH có điều kiện thâm nhập thực tế, nắm bắt những vấn đề đổi mới đang diễn ra ngay từ khi còn đang là NH, hình thành kỹ năng nghề nghiệp cần thiết. Qua hai năm xây dựng và ban hành, công khai hóa, với việc tìm hiểu, nắm bắt các văn bản chỉ đạo về chuyên môn của Bộ GD&ĐT về bậc học mầm non, bối cảnh phát triển của bậc học này trong thực tế của cả nước và địa phương tỉnh Lâm Đồng [H1.01.01.03]. Mục tiêu của CTĐT được công khai trên website của Trường và thông qua hoạt động giảng dạy, tư vấn từ GV đến NH giúp NH tiếp cận được mục tiêu của CTĐT và chuẩn bị tốt cho việc học tập của bản thân [H1.01.01.04].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của Trường, phù hợp với yêu cầu mà Bộ GD&ĐT đặt ra đối với toàn ngành giáo dục, trong đó có bậc mầm non, với mục tiêu giáo dục nghề nghiệp được quy định tại Luật Giáo dục nghề nghiệp hiện hành, phù hợp với thực tiễn giáo dục địa phương.

3. Điểm tồn tại: Không có

4. Kế hoạch hành động

Phòng Đào tạo, Khoa Sư phạm và các khoa có liên quan định kỳ phối hợp rà soát, cập nhật mục tiêu của CTĐT để mục tiêu luôn được xác định rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT ngành GDMN của Trường CĐBT được ban hành theo Quyết định số 353/QĐ-CĐBT ngày 05/5/2023 của Hiệu trưởng sau khi sáp nhập [H1.01.02.01]. Trên thực tế, CĐR được xây dựng trước CTĐT và bản mô tả CTĐT theo đúng quy trình vì nó có giá trị là căn cứ học thuật. Đây là CĐR được kế thừa từ bản giao nguyên trạng của Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận, đồng thời có sự bổ sung, sắp xếp, diễn đạt lại để tường minh, cô đọng, đầy đủ hơn [H1.01.02.02].

Nhìn chung, CĐR K23 được xây dựng đúng với quy trình xây dựng, công bố CĐR theo quy định của Bộ GD&ĐT và thể hiện rõ ràng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi hoàn thành CTĐT. Trong quá trình xây dựng CTĐT, Khoa Sư phạm đã thành lập nhóm biên soạn, lấy ý kiến của các bên có liên quan về CĐR [H1.01.02.03].

CTĐT của ngành GDMN gồm 15 chuẩn, bao gồm các bình diện sử dụng kiến thức, vận dụng kiến thức: từ kiến thức chung, kiến thức đại cương và kiến thức chuyên ngành GDMN vào thực tiễn chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; kỹ năng đánh giá được hiệu quả công việc của đồng nghiệp, kỹ năng thực hành tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; kỹ năng giao tiếp, thiết lập các mối quan hệ xã hội; năng lực tiếng Anh, tin học sử dụng trong hoạt động nghề nghiệp; thích ứng với sự đổi mới của hoàn cảnh của xã hội, của ngành và Trường; năng lực làm việc độc lập, làm việc nhóm, chịu trách nhiệm, có khả năng tuyên truyền, phối hợp với gia đình, cộng đồng trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ và các phẩm chất cần thiết của người giáo viên mầm non sau tốt nghiệp [H1.01.01.01].

Tất cả các chuẩn trong CĐR đều được diễn đạt rõ ràng, thể hiện các kiến thức, kỹ năng, năng lực và phẩm chất của NH đạt được sau khi tốt nghiệp, mục tiêu của các môn học/học phần thể hiện rõ đóng góp cho CĐR của CTĐT và đảm bảo tương thích với Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc 5.

Với các tiêu chí cụ thể, CĐR của CTĐT được thiết kế rõ ràng giúp NH và người dạy dễ dàng xác định mục tiêu trong quá trình giảng dạy, học tập. Đồng thời, có thể dễ dàng quan sát, đo lường và đánh giá được các kiến thức, kỹ năng, tinh thần trách nhiệm của người học sau quá trình học tập. Các CĐR đều tương thích với mục tiêu của CTĐT và các tiêu chuẩn trong Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non hiện hành. Sau khi tốt nghiệp, NH có thể thực hiện các công việc ở các vị trí: giáo viên mầm non ở các loại hình trường, lớp mầm non khác nhau; làm bảo mẫu tại các gia đình; cán bộ phụ trách giáo dục mầm non tại các trung tâm chăm sóc giáo dục trẻ; tham gia công tác quản lý ở vị trí nhóm trưởng chuyên môn trong trường mầm non; làm chuyên viên tại các phòng văn hóa-xã hội của các phường, xã, Sở GD&ĐT.

Qua hai năm xây dựng và ban hành, công khai hóa, với việc tìm hiểu, nắm bắt các văn bản chỉ đạo về chuyên môn của Bộ GD&ĐT đối với bậc học mầm non, bối cảnh phát triển của bậc học này trong thực tế của cả nước và địa phương, tham khảo và đối chiếu CĐR của một số cơ sở đào tạo giáo viên mầm non trong cả nước, kể cả bậc đại học, Trường CĐBT nhận thấy CĐR ngành GDMN của Trường đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của tiêu chí 1.2 cũng như Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non hiện hành do Bộ GD&ĐT quy định.

2. Điểm mạnh

Nhìn chung, CĐR của CTĐT ngành GDMN xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR cũng đã phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, yêu cầu đổi mới của giáo dục Việt Nam; được công bố công khai; thực sự có tác dụng chỉ đạo, định hướng công tác đào tạo ngành GDMN trong Trường.

3. Điểm tồn tại: Không có.

4. Kế hoạch hành động

Khoa Sư phạm kịp thời cập nhật các thay đổi của Bộ GD&ĐT cũng như của thực tế bậc học GDMN ở địa phương về nội dung, CTĐT, phương pháp dạy học ngành GDMN, tiêu chuẩn giáo viên mầm non để kịp thời điều chỉnh CĐR.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, yêu cầu đổi mới của giáo dục Việt Nam; được định kỳ rà soát; điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả hiện trạng

CĐR hiện hành, áp dụng từ khóa tuyển sinh 2023 đáp ứng về cơ bản yêu cầu đổi mới của giáo dục Việt Nam. Trước hết, cấu trúc của CĐR bao hàm các khía cạnh cơ bản đối với công tác đào tạo từ kiến thức chung, kiến thức ngành, kỹ năng đến năng lực tự chủ và trách nhiệm, vị trí việc làm sau tốt nghiệp và khả năng học tập lên bậc học cao hơn. Các yêu cầu chi tiết trong mỗi phần cũng khá tương thích với đòi hỏi của xã hội, của ngành đối với giáo viên mầm non, nhất là kỹ năng mềm [H1.01.02.01]. CĐR CTĐT ngành GDMN của Trường được công bố công khai trên website của Trường [H1.01.01.04].

Bên cạnh đó, bản CĐR nói trên cũng cập nhật các quan điểm mới về mục tiêu, về thuật ngữ, các hành lang pháp lý có liên quan, đặc biệt là Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non được ban hành tại các Thông tư số 26/2018/QĐ-BGDĐT ngày 08/10/2018, Thông tư 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Một điểm mới nữa là CĐR mới này đã dựa trên những quan điểm mới nhất về xây dựng CTĐT ngành GDMN, cụ thể hóa hướng chỉ xuất cho công tác đào tạo, giảng dạy, đánh giá, nhất là phân biệt rõ giữa “sử dụng kiến thức” và “vận dụng kiến thức”, năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm so với bản năm 2021 [H1.01.02.02].

Với cách trình bày mới, tên các chuẩn được xác định rõ ràng, các yêu cầu bên trong của mỗi chuẩn được diễn đạt tường minh; việc xếp thứ tự của các chuẩn trong tổng thể CĐR thể hiện quan hệ gắn kết, logic, nhìn vào đó giảng viên dễ dàng xác định mục tiêu của mô-đun/môn học mà mình được phân công giảng dạy sao cho đạt được CĐR có liên

quan, NH cũng thấy được vị trí của môn học/học phần, từ đó có hướng học tập đúng đắn, thiết thực, bao gồm học tập trên lớp, tự học để đạt được mục tiêu của môn học/học phần nói chung và việc học tập, rèn luyện nói chung để trở thành giáo viên mầm non.

Việc bổ sung, điều chỉnh để ban hành CĐR sau sáp nhập trường cho thấy Trường CĐBT rất coi trọng đến CĐR của ngành GDMN, làm cơ sở cho công tác đào tạo diễn ra đúng hướng và cơ quan quản lý giáo dục cũng đánh giá được công tác đào tạo giáo viên mầm non của Trường ở góc độ nguyên tắc, quan điểm, chất lượng [H1.01.02.03], [H1.01.03.01].

2. Điểm mạnh

Nhìn chung, CĐR của CTĐT ngành GDMN phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, yêu cầu đổi mới của giáo dục Việt Nam; được định kỳ rà soát; điều chỉnh và được công bố công khai; thực sự có tác dụng chỉ đạo, định hướng công tác đào tạo trong Trường.

3. Điểm tồn tại: Không có

4. Kế hoạch hành động

Trường tiếp tục định kỳ rà soát, điều chỉnh CĐR và trong quá trình thực hiện điều chỉnh CTĐT, cần lưu ý CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, yêu cầu đổi mới của giáo dục Việt Nam. Bên cạnh đó, việc lấy ý kiến điều chỉnh CĐR cần được tiến hành trong phổ rộng cần thiết.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành GDMN đã được xác định rõ ràng, phản ánh được tầm nhìn cũng như chức năng, nhiệm vụ của Trường, phù hợp mục tiêu giáo dục nghề nghiệp do Bộ GD&ĐT quy định. Nội dung CĐR và mục tiêu của CTĐT xác định cụ thể kiến thức, năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm, phẩm chất đạo đức mà NH cần đạt được theo yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp GV hiện hành. CTĐT và CĐR phản ánh được nhu cầu của các bên liên quan, được định kỳ được rà soát, điều chỉnh theo hướng tiếp cận năng lực. Tất cả được công khai theo quy định của ngành.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 1: Số tiêu chí đạt: 3/3, tỷ lệ 100%.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu: Bản mô tả CTĐT ngành GDMN của Trường CĐBT được xây dựng đảm bảo đúng quy định, có đầy đủ các thông tin theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT, được kế thừa từ trường tiền thân, đồng thời được điều chỉnh, bổ sung một số điểm mới. 100% ĐCCT các môn học trong CTĐT có đầy đủ thông tin và được bổ sung, điều chỉnh thường xuyên theo kế hoạch của Trường. Cả Bản mô tả CTĐT và ĐCCT được công khai giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo có đầy đủ thông tin, được cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Sau khi sáp nhập trường, bên cạnh CTĐT, Khoa Sư phạm chủ trì, phối hợp xây dựng lại Bản mô tả CTĐT ngành GDMN của Trường, áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2023 (viết tắt là K23) [H2.02.01.01]. Cũng như những năm trước, Khoa Sư phạm đã lấy ý kiến trực tiếp các khoa có tham gia giảng dạy ngành GDMN một cách công khai, dân chủ, trên tinh thần khoa học và đặt chất lượng lên hàng đầu [H2.02.01.02].

Về cấu trúc, bản mô tả CTĐT ngành GDMN gồm các mục sau: Thông tin về chương trình, gồm: Thông tin chung về CTĐT; mục tiêu đào tạo chung và cụ thể; CDR cụ thể; tiêu chí tuyển sinh và yêu cầu của CTĐT; nội dung CTĐT (gồm miêu tả tổng quát, khung chương trình cụ thể và tiến trình thực hiện); ma trận thể hiện sự đóng góp của mỗi môn học/học phần vào việc đạt CDR; tóm tắt nội dung các môn học/học phần và hướng dẫn thực hiện chương trình.

So với yêu cầu về xây dựng chương trình, quy chế đào tạo, công tác đào tạo thực tế thì bản mô tả trên đây về cơ bản có đầy đủ thông tin phục vụ cho công tác chỉ đạo, thực hiện, kiểm tra... Đặc biệt, khung chương trình cụ thể và tiến trình thực hiện được trình bày cô đúc, rất dễ theo dõi, rút ngắn được độ dài văn bản.

Sau khi được Phòng Đào tạo xem xét, đồng ý và đồng tham mưu, Hiệu trưởng đã ban hành Bản mô tả CTĐT ngành GDMN và công khai trên trang mạng của Trường [H1.01.01.04].

So với các bản mô tả trước đó, Bản mô tả CTĐT ngành GDMN K23 không chỉ có đầy đủ thông tin về chương trình, sát hợp với CDR mới mà còn thể hiện được các yêu cầu của Quy chế đào tạo mới đối với ngành GDMN được ban hành tại Thông tư số 07/2023/TT-BGDĐT ngày 10/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như một số yêu cầu khác đặt ra trong quá trình đào tạo, trong đó có Quy chế đánh giá kết quả học tập ngành GDMN của Hiệu trưởng Trường CĐBT.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

ĐCCT học phần có ý nghĩa quan trọng trong việc triển khai thực hiện CTĐT nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục. Do đó, ĐCCT học phần của CTĐT ngành GDMN trong quá trình rà soát đã bám sát các quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT và quy định của Trường [H2.02.02.01]; [H2.02.02.02].

ĐCCT học phần giúp người dạy có căn cứ pháp lý để thực hiện chương trình giảng dạy đúng với mục tiêu và giúp NH hình dung khái quát nội dung của học phần trước khi

tham gia học tập. Sau khi sáp nhập, một mặt kế thừa mẫu ĐCCT do Trường Cao đẳng Cộng đồng bàn giao, Khoa Sư phạm kết hợp với các khoa có giảng dạy cho ngành GDMN thống nhất bổ sung một số mục để tham mưu Ban Giám hiệu mẫu ĐCCT học phần/môn học áp dụng từ năm 2023, đảm bảo các yêu cầu về khối lượng kiến thức, kỹ năng mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp. Mục tiêu và CĐR của CTĐT được cụ thể hóa và thể hiện ở các mục tiêu và CĐR của các học phần [H1.01.01.01].

ĐCCT học phần trong CTĐT ngành GDMN của Trường CĐBT gồm các nội dung: Tên học phần, mã học phần, số tín chỉ, phân bố thời gian, điều kiện tiên quyết tham gia học phần, mục tiêu chung, mục tiêu chi tiết của từng chương, mô tả vắn tắt nội dung học phần; phương pháp giảng dạy, nhiệm vụ của SV, tài liệu học tập (*giáo trình và tài liệu tham khảo*), phương pháp hình thức kiểm tra đánh giá (*tiêu chuẩn đánh giá SV, kế hoạch kiểm tra đánh giá; tiêu chí đánh giá*) nội dung chi tiết của học phần.

Nhìn chung, mẫu ĐCCT học phần, môn học được áp dụng từ năm trở đi của Trường CĐBT đạt yêu cầu khoa học và thực tiễn, đảm bảo cho NH có thể thực hiện các nhiệm vụ học tập một cách thuận lợi; xác định rõ CĐR của từng chương/bài; mục đánh giá kết quả học tập: ngoài xác định các điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần, còn xác định rõ hình thức, phương pháp, tiêu chí, thang điểm đánh giá, các CĐR của học phần mà bài kiểm tra/thi hướng tới; đầy đủ và toàn diện hơn so với mẫu ĐCCT được áp dụng ở những khóa trước. Đồng thời, mẫu ĐCCT áp dụng từ K23 cũng cô đọng hơn, sát với quy chế đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H2.02.02.03].

2. Điểm mạnh

ĐCCT học phần ngành GDMN có đầy đủ các thông tin, đảm bảo cung cấp thông tin đến GV và NH để định hướng hoạt động dạy - học và kiểm tra đánh giá để nhằm đạt được CĐR của học phần; đồng thời được cập nhật và chỉnh sửa thường xuyên, trong đó có giáo trình chính và giáo trình, tài liệu tham khảo, nhất là các tài liệu, văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình GDMN 2021.

3. Điểm tồn tại: Không có.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm, GV giảng dạy các học phần trong CTĐT ngành GDMN tiếp tục rà soát, hoàn thiện nội dung giảng dạy, hoàn thiện bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần để NH kiểm tra, theo dõi.

Các Khoa thường xuyên rà soát, bổ sung học liệu mới cho ĐCCT của một số môn học/học phần.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các môn học hoặc học phần được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng

Sau khi sáp nhập vào tháng 01/2023, cùng với việc điều chỉnh và ban hành CTĐT áp dụng từ K23, Ban Giám hiệu đã chỉ đạo Khoa Sư phạm chủ trì xây dựng lại Bản mô tả CTĐT tương ứng [H2.02.01.01].

Về Bản mô tả CTĐT, khi xây dựng, soạn thảo, Khoa đã tổ chức lấy ý kiến các tổ trưởng chuyên môn, các khoa có liên quan (chủ yếu là các khoa có tham gia giảng dạy, đào tạo giáo viên mầm non như Khoa Khoa học cơ bản và Bộ môn chung, Khoa Kinh tế – Du lịch – Văn hóa). Trong quá trình xây dựng lại Bản mô tả CTĐT, các bên đã có sự trao đổi dân chủ, trên tinh thần khoa học. Đây là bản mô tả CTĐT đầy đủ, cô đọng, tường minh và khoa học.

Về ĐCCT môn học/học phần, hiện Khoa Sư phạm quản lý, lưu trữ đầy đủ các đề cương của các khóa đào tạo từ K22 trở về trước cũng như của K23 gắn với CTĐT mới đã được Ban Giám hiệu phê duyệt [H2.02.02.03]; [H1.01.01.01]; luôn tạo điều kiện cho giảng viên trong khoa, trong trường mượn để tham khảo, nghiên cứu, thanh tra, kiểm tra. Mặt khác, theo quy định, khi lên lớp, giảng viên luôn công khai cho NH biết đề cương các môn học/học phần mà mình sẽ giảng dạy như một cách xác lập mục tiêu cần đạt và để NH xác định tâm thế, phương hướng, phương pháp học tập.

2. Điểm mạnh

Như vừa đề cập ở phần mô tả hiện trạng, Bản mô tả CTĐT được công khai từ khâu xây dựng đến sử dụng, thực hiện cũng như trên trang mạng của Trường.

3. Điểm tồn tại: Không có.

4. Kế hoạch hành động

Cập nhật nội dung hoặc hình thức miêu tả khi Bộ GD&ĐT có sự thay đổi các khía cạnh có liên quan.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần ngành GDMN được xây dựng phù hợp với tình hình chung của Trường và các quy định của Bộ GD&ĐT; có đầy đủ các thông tin cần thiết cho các đối tượng liên quan; được điều chỉnh, cập nhật sau khi sáp nhập trường. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các môn học/học phần của CTĐT được công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho VC, NLĐ, NH và các bên có liên quan dễ dàng tiếp cận.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 2: Số tiêu chí đạt: 3/3, tỷ lệ 100%.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu: Cấu trúc của CTĐT trình độ cao đẳng ngành GDMN được xây dựng dựa trên CDR theo các quy định của Bộ GD&ĐT với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực hoạt động nghề nghiệp liên quan đến ngành GDMN trong tình hình phát triển mới của đất nước và phù hợp với thực tế địa phương.

Các phương pháp dạy và học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH được sử dụng hiệu quả nhằm đảm bảo đạt được CDR của CTĐT. Chủ đề và nội dung các môn học/học phần được cấu trúc khoa học, logic, theo trình tự từ thấp lên cao và mang tính tích hợp, vừa đảm bảo điều kiện tiên quyết, vừa linh hoạt, có độ mở thể hiện tính khoa học của toàn bộ chương trình. Đồng thời, CTĐT của ngành GDMN được rà soát, điều chỉnh sau khi sáp nhập trường năm 2023 nhằm đảm bảo tính phù hợp và cập nhật ở từng môn học/học phần cụ thể cũng như CTĐT tổng thể.

Tiêu chí 3.1: Chương trình đào tạo được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Sau khi sáp nhập vào tháng 01/2023, cùng với việc điều chỉnh và ban hành CTĐT áp dụng từ K23, Ban Giám hiệu đã chỉ đạo Khoa Sư phạm chủ trì xây dựng lại Bản mô tả CTĐT tương ứng. Đây là CTĐT được xây dựng, thực hiện theo học chế tín chỉ với các quy định về tổ chức đào tạo và điều kiện tốt nghiệp, trên cơ sở tuân thủ Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành GDMN (*Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2023/TT-BGDĐT ngày 10/4/2023 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT*). CTĐT ngành GDMN xác định rõ ràng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, được lượng hóa thành các chỉ số có thể định lượng được, đánh giá được (bao gồm kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm và vị trí việc làm sau tốt nghiệp), khả năng nâng cao trình độ và khả năng phát triển [H1.01.01.01]. Đồng thời, CTĐT được xây dựng và điều chỉnh dựa theo các ý kiến đóng góp của GV trong bộ môn, Hội đồng thẩm định của Trường [H1.01.02.03].

Trong CTĐT ngành GDMN, các môn học/học phần (đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành, bổ trợ) được thiết kế nhằm cung cấp cho NH đầy đủ kiến thức. Các môn học/học phần trong chương trình được sắp xếp theo thứ tự lộ trình học tập của NH từ năm thứ 1 đến năm thứ 3 trải trên 6 học kỳ bắt đầu từ các môn học/học phần đại cương đến các môn học/học phần cơ sở ngành, chuyên ngành. Các yêu cầu về điều kiện tiên quyết, khối lượng kiến thức tối thiểu, tỷ lệ giữa số tín chỉ lý thuyết và thực hành được Trường tuân thủ nghiêm túc theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Tất cả các môn học/học phần trong chương trình đều có kết cấu gồm phần lý thuyết giảng dạy trên lớp, phần thảo luận nhóm và phần tự học tạo khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm. Đồng thời, chương trình đảm bảo sự gắn kết liền mạch giữa các môn học/học phần tạo kiến thức lý thuyết nền tảng

và chuyên sâu về chuyên môn và góp phần đạt được CĐR [H1.01.02.01]; [H1.01.02.02], cụ thể là đảm bảo các giáo viên mầm non được đào tạo tại Trường phải có đủ năng lực, phẩm chất và sức khỏe để đảm bảo thực hiện tốt chương trình GDMN; có khả năng đáp ứng được sự phát triển của GDMN; có kỹ năng tự bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

2. Điểm mạnh

CTĐT được Trường xây dựng theo đúng quy định và thiết kế đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức chung, kiến thức ngành, và kiến thức chuyên ngành nhằm đạt mục tiêu của CĐR.

3. Điểm tồn tại: Không có.

4. Kế hoạch hành động

Phòng Đào tạo và Khoa sư phạm phối hợp nghiên cứu cập nhật, điều chỉnh CTĐT ngày càng phù hợp hơn với thực tiễn và quy định chương trình mới do Bộ GD&ĐT ban hành (nếu có).

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Tiêu chí 3.2: Mỗi môn học hoặc học phần của Chương trình đào tạo đóng góp rõ ràng cho việc đạt được Chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Mỗi môn học/học phần trong CTĐT ngành GDMN do Trường CĐBT xây dựng đều có vai trò đóng góp rõ ràng cho việc đạt CĐR của ngành này. Trong thực tế dạy và học, Trường rất quan tâm đến việc lấy ý kiến góp ý các bên liên quan để có cơ sở điều chỉnh và hoàn thiện. CĐR hiện nay được kế thừa (trên cơ sở sáp nhập nguyên trạng) từ Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận trước đây, đồng thời có bổ sung, cấu trúc và trình bày lại rõ ràng, khoa học hơn cả về hình thức và nội dung, áp dụng từ K23. Đặc biệt là, CĐR lần tuy được xây dựng trước để làm cơ sở, xuất phát điểm nhưng được trình bày tích hợp vào văn bản Bản mô tả CTĐT K23 [H2.02.01.01] với mục đích như đã trình bày ở tiêu chuẩn 2. Trong quá trình bổ sung, điều chỉnh, Trường đã tổ chức lấy ý kiến dân chủ, đồng thời xây dựng lại bản mô tả CTĐT sát hợp với CĐR mới [H2.02.01.02]. Trong các tài liệu nói trên, vai trò của các môn học/học phần được nhìn nhận rõ hơn, cập nhật hơn.

Để kết quả đào tạo phù hợp với yêu cầu của thực tiễn, đề cương chi tiết môn học được Trường và Khoa điều chỉnh và phê duyệt kịp thời nhằm tạo điều kiện cho công tác giảng dạy được tiến hành thuận lợi nhất có thể. Mỗi đề cương đều mô tả rõ nội dung chi tiết về kiến thức và kỹ năng và việc sử dụng các phương pháp dạy học phù hợp nhằm hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực cần thiết cho NH theo các quy định và yêu cầu hiện hành.

CTĐT được thiết kế hài hòa giữa các nhóm môn học/học phần đại cương, môn học/học phần cơ sở ngành, môn học/học phần chuyên ngành và chuyên đề hoặc khóa luận tốt nghiệp, nhằm tạo hứng thú cho NH và kích thích tinh thần tự học. Đề cương chi tiết các môn học/học phần được thiết kế một cách khoa học để SV hiểu rõ mục tiêu của môn học/học phần, từ đó có phương hướng rèn luyện các kỹ năng chuyên môn nhằm góp phần đạt được CDR của CTĐT. Các môn học/học phần kiến thức giáo dục đại cương cung cấp kiến thức nền tảng rộng cho các môn học/học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Các môn học/học phần thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm nhằm mục đích trang bị và hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất nhà giáo cho NH. Các môn học/học phần cơ sở ngành cung cấp những kiến thức căn bản về chuyên môn, sự tiếp cận kiến thức ngành học với NH. Các môn học/học phần chuyên ngành cung cấp cho NH kiến thức chuyên môn sâu trong nghề giáo viên mầm non... Bên cạnh đó, các bài tập lớn, thảo luận, thực hành, thực tế chuyên môn, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm... được lồng ghép với các môn học/học phần lý thuyết giúp NH vận dụng kiến thức về chuyên môn kết hợp với kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề thực tiễn [H2.02.02.03]. Vì thế, tất cả các môn học/học phần tạo nên sự logic nhằm đạt CDR của chương trình.

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của NH về CTĐT, môn học nội dung các môn học/học phần trong chương trình dạy học [H3.03.02.01]. Kết quả lấy ý kiến này từ phía NH sẽ là căn cứ thực tiễn để Trường tham khảo, xem xét đánh giá sự phù hợp, mức độ đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR của CTĐT.

2. Điểm mạnh

Các môn học/học phần trong chương trình được xây dựng đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở và chuyên ngành trong một cấu trúc hợp lý; được cập nhật nội dung đổi mới của ngành GDMN. Qua kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan về hoạt động đào tạo của Trường, nhìn chung NH bằng lòng với CTĐT, phương pháp dạy học của GV.

3. Điểm tồn tại: Không có.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm, Phòng Khảo thí & ĐBCL tiếp tục chủ trì, phối hợp với Khoa Sư phạm tổ chức hoạt động tổ chức khảo sát lấy ý kiến của các bên có liên quan đối với hoạt động đào tạo của Trường.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Tiêu chí 3.3: Chương trình đào tạo có cấu trúc, trình tự logic; có nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT ngành GDMN K23 được Trường CDBT ban hành vào tháng 7 năm 2023, áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2023 trở đi, trên cơ sở tiếp nhận bản giao nguyên trạng từ trường tiền thân có điều chỉnh, bổ sung [H1.01.01.01]. Chương trình được xây dựng với cấu trúc, trình tự logic: từ khối kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ); khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (69 tín chỉ), trong đó khối kiến thức cơ sở ngành (16 tín chỉ), khối kiến thức chuyên ngành (42 tín chỉ), thực tập (6 tín chỉ), môn học/học phần thay khóa luận (5 tín chỉ). Tổng tín chỉ toàn chương trình là 106. Chương trình tích hợp đầy đủ tất cả các kiến thức và kỹ năng để đáp ứng nhu cầu về phẩm chất và năng lực toàn diện của người giáo viên mầm non – đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ mầm non trong thời đại mới. Cấu trúc chương trình được thiết kế sao cho nội dung các môn học/học phần có sự kết hợp và củng cố lẫn nhau, đảm bảo tính rộng về mặt kiến thức và sâu về mặt chuyên môn. Bên cạnh đó, như đã đề cập ở những tiêu chí khác, các bài tập lớn, thảo luận, thực hành, thực tế chuyên môn, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm... được lồng ghép với các môn học/học phần lý thuyết giúp NH vận dụng kiến thức về chuyên môn kết hợp với kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề thực tiễn [H2.02.02.03]. Vì thế, 100% môn học/học phần trong CTĐT được phân bổ hợp lý tạo nên sự logic nhằm đạt CDR của chương trình.

Trường thực hiện điều chỉnh chương trình dạy học đúng theo quy định. Trong quá trình bổ sung, điều chỉnh, Trường đã tổ chức lấy ý kiến đóng góp của GV trong bộ môn, Hội đồng thẩm định của Trường, tham khảo các CTĐT của các trường trong nước [H2.02.01.02]; [H1.01.03.01].

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của NH về CTĐT, môn học nội dung các môn học/học phần trong chương trình dạy học [H3.03.02.01]. Kết quả lấy ý kiến này từ phía người học sẽ là căn cứ thực tiễn để Trường tham khảo, xem xét đánh giá sự phù hợp, mức độ đóng góp của mỗi môn học/học phần trong việc đạt được CDR của CTĐT.

2. Điểm mạnh:

CTĐT được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, đáp ứng CDR. Qua kết quả khảo sát việc làm sau tốt nghiệp, doanh nghiệp và NH khá hài lòng với CTĐT.

3. Điểm tồn tại: Không có.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm, Khoa Sư phạm phối hợp Phòng Đào tạo rà soát, kịp thời đề xuất cập nhật, điều chỉnh CTĐT ngày càng phù hợp hơn với thực tiễn khi ngành và xã hội có sự thay đổi về tiêu chuẩn giáo viên.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3: CTĐT ngành GDMN được thiết kế dựa trên CDR, phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường. Trường và Khoa đã hết sức lưu ý tới tính logic và

tính tích hợp của các môn học/học phần trong CTĐT, nhằm đảm bảo cho NH được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ lĩnh vực rộng đến kiến thức chuyên ngành. Các môn học/học phần cơ sở, các môn học/học phần thuộc khối kiến thức nhóm ngành, chuyên ngành được thiết kế linh hoạt, bổ trợ lẫn nhau, đều có đóng góp rõ ràng trong việc đạt được CDR của CTĐT.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 3: Số tiêu chí đạt: 3/3, tỷ lệ 100%.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu: Tiêu chuẩn này tập trung đánh giá mức độ phù hợp, hiệu quả và nhất quán của phương pháp tiếp cận trong dạy và học được áp dụng trong CTĐT ngành GDMN. Đây là một thành tố quan trọng trong ĐBCL chương trình, bởi phương pháp dạy học không chỉ phản ánh triết lý và định hướng đào tạo của Trường mà còn quyết định trực tiếp đến việc hình thành phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của NH khi tốt nghiệp.

Trong những năm qua, Trường CDBT đã triển khai phương pháp tiếp cận dạy học theo hướng phát triển năng lực, lấy NH làm trung tâm và bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa mục tiêu đào tạo, CDR và hoạt động giảng dạy – đánh giá. Đối với ngành GDMN, việc vận dụng các phương pháp sư phạm hiện đại, trải nghiệm nghề nghiệp, mô phỏng tình huống thực tiễn và ứng dụng công nghệ thông tin được chú trọng nhằm giúp NH hình thành các năng lực cốt lõi của giáo viên mầm non trong bối cảnh đổi mới giáo dục.

Các hoạt động dạy và học được thiết kế thống nhất trong toàn chương trình, bảo đảm sự liên thông giữa lý thuyết, thực hành và thực tập nghề nghiệp; đồng thời được điều chỉnh dựa trên kết quả khảo sát phản hồi từ NH, GV và cơ sở sử dụng lao động. Nhờ đó, phương pháp tiếp cận trong dạy và học ngày càng phù hợp hơn với nhu cầu xã hội, xu hướng GDMN hiện đại và yêu cầu của tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT.

Tiêu chí 4.1: Mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Trường CDBT là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh và khu vực lân cận. Trong đó, CTĐT ngành GDMN được xây dựng nhằm đào tạo đội ngũ giáo viên mầm non có phẩm chất đạo đức, năng lực nghề nghiệp và kỹ năng sư phạm vững vàng, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Mục tiêu giáo dục của chương trình được tuyên bố rõ ràng, cụ thể và thể hiện nhất quán trong các văn bản chính thức của Trường, đặc biệt là tại Quyết định số 858/QĐ-CDBT ngày 19/10/2023 của Hiệu trưởng về việc ban hành Bản mô tả CTĐT ngành GDMN [H2.02.01.01]. Văn bản này đã xác định rõ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của chương

trình, đảm bảo tính phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và định hướng phát triển của Trường, đồng thời đáp ứng nhu cầu thực tiễn xã hội và yêu cầu đổi mới GDMN. Bản mô tả chương trình được công khai minh bạch trên trang thông tin điện tử chính thức của Trường, góp phần nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và khả năng tiếp cận thông tin của các bên liên quan [H1.01.01.04].

Công tác phổ biến và truyền thông mục tiêu giáo dục được Trường triển khai thường xuyên, linh hoạt và đa dạng về hình thức. Cụ thể, nội dung về sứ mạng, mục tiêu đào tạo, CDR và giá trị cốt lõi được lồng ghép trong các Tuần sinh hoạt công dân – HSSV đầu năm học [H4.04.01.01]. Đồng thời, trong các cuộc họp hội đồng, sinh hoạt chuyên môn và tập huấn nghiệp vụ, mục tiêu giáo dục của chương trình luôn được nhấn mạnh và quán triệt, giúp đảm bảo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của đội ngũ giảng viên.

Ngoài ra, các bản mô tả môn học/học phần và ĐCCT môn học đều thể hiện rõ mục tiêu đào tạo cụ thể, có sự liên kết chặt chẽ với mục tiêu chung của chương trình, góp phần định hướng hoạt động dạy và học diễn ra đồng bộ, nhất quán và hiệu quả trong toàn Trường.

Song song với công tác tuyên truyền nội bộ, Trường còn duy trì cơ chế thu thập ý kiến phản hồi định kỳ từ các bên liên quan về hoạt động đào tạo của Trường như: VC, NLĐ, NH, cựu sinh viên và đơn vị sử dụng lao động, được thể hiện qua các báo cáo khảo sát hằng năm [H3.03.02.01]. Kết quả khảo sát cho thấy sự đồng thuận và nhận thức rõ ràng của giảng viên, NH và các bên liên quan về mục tiêu giáo dục của chương trình, qua đó khẳng định tính hiệu quả của công tác phổ biến, truyền thông mục tiêu giáo dục, đồng thời cung cấp dữ liệu khách quan phục vụ cho việc cải tiến và nâng cao CLĐT.

2. Điểm mạnh

Trường có văn bản chính thức ban hành mục tiêu giáo dục của CTĐT, được quy định cụ thể tại Bản mô tả CTĐT ngành GDMN ban hành theo Quyết định số 858/QĐ-CĐBT ngày 19/10/2023, bảo đảm tính phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, định hướng phát triển của Trường và đáp ứng nhu cầu xã hội trong giai đoạn hiện nay.

Mục tiêu giáo dục được công khai, minh bạch qua nhiều kênh thông tin: trên trang thông tin điện tử chính thức của Trường, Tuần sinh hoạt công dân – HSSV, sinh hoạt chuyên môn và các hoạt động đào tạo giúp GV, NH và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tra cứu và giám sát, qua đó tăng cường tính trách nhiệm giải trình và uy tín của Trường, góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất trong toàn Trường về định hướng phát triển chương trình.

Trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên có liên quan về hoạt động đào tạo hàng năm, đây là một kênh giúp Trường đánh giá kịp thời mức độ phù hợp và hiệu quả của mục tiêu đào tạo, đồng thời làm cơ sở cho việc cải tiến, hoàn thiện chương trình.

3. Điểm tồn tại

Cơ chế điều chỉnh mục tiêu giáo dục chưa thật sự linh hoạt khi có sự thay đổi về nhu cầu nhân lực, yêu cầu thực tiễn hoặc chính sách của ngành, nên việc cập nhật mục tiêu đào tạo đôi khi còn chậm so với thực tế.

Thông tin phản hồi từ các bên liên quan, đặc biệt là đơn vị sử dụng lao động, tuy đã được thu thập, phân tích, tổng hợp nhưng chưa được xem như là một căn cứ khi điều chỉnh, cập nhật mục tiêu giáo dục.

4. Kế hoạch hành động

Phòng Đào tạo tham mưu tổ chức hội nghị rà soát, điều chỉnh mục tiêu giáo dục theo chu kỳ hai năm một lần, gắn với nhu cầu nhân lực và sự điều chỉnh của chính sách ngành.

Trường tiếp tục thực hiện lấy ý kiến phản hồi các bên có liên quan về CLĐT và phân tích dữ liệu phản hồi từ doanh nghiệp, GV và NH làm căn cứ cho việc điều chỉnh mục tiêu đào tạo.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động dạy và học tại Trường CĐBT được tổ chức theo định hướng tiếp cận CĐR và lấy NH làm trung tâm, đảm bảo sự thống nhất giữa mục tiêu đào tạo, nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy và hình thức đánh giá kết quả học tập. Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-CĐBT ngày 05/5/2023 của Hiệu trưởng về ban hành CĐR các ngành, nghề đào tạo trình độ cao đẳng và trung cấp chính quy, các khoa, bộ môn đã rà soát, điều chỉnh CTĐT, xác định năng lực nghề nghiệp cần đạt ở từng môn học/học phần, bảo đảm sự phù hợp giữa CĐR và kế hoạch giảng dạy [H1.01.02.01].

Trên cơ sở CĐR, Khoa Sư phạm xây dựng CTĐT ngành GDMN, được Hội đồng Khoa học và Đào tạo thẩm định, Trường ban hành theo Quyết định số 545/QĐ-CĐBT ngày 11/7/2023 [H4.04.02.01]; [H4.04.02.02]; [H1.01.01.01]. Chương trình được thiết kế theo hướng phát triển năng lực nghề nghiệp, phù hợp với CĐR của Trường và yêu cầu thực tiễn của ngành.

ĐCCT môn học/học phần thể hiện rõ mối quan hệ giữa mục tiêu – nội dung – phương pháp – hình thức đánh giá – kết quả đầu ra, giúp NH phát triển toàn diện kiến thức, kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp. GV giữ vai trò trung tâm trong tổ chức hoạt động học tập theo hướng phát triển năng lực NH, chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy, kết hợp linh hoạt giữa lý thuyết và thực hành thông qua các hình thức: xử lý tình huống sư phạm,

thảo luận nhóm, mô phỏng lớp học, học qua trải nghiệm và ứng dụng công nghệ thông tin [H2.02.02.03].

Để đạt hiệu quả cao cho CĐR ngành GDMN, Trường còn phối hợp với các cơ sở GDMN ở địa phương triển khai cho NH kiến tập và thực tập sư phạm tại cơ sở thực tập theo đúng quy định của Bộ chủ quản và của Trường, hoạt động này được tổ chức định kỳ hàng năm [H4.04.02.03]; [H4.04.02.04]. Qua đó, NH được rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp thực tế dưới sự hướng dẫn của GV và cán bộ cơ sở [H4.04.02.05]; [H4.04.02.06].

Trong giai đoạn 2023–2025, Khoa Sư phạm tổ chức nhiều hội thảo khoa học như: “Ứng dụng phương pháp dạy học truyền cảm hứng để nâng cao hứng thú học tập cho sinh viên”, “Dạy học phân hóa trong học phần Mỹ thuật”, “Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ngành GDMN” [H4.04.02.07]. Các hoạt động này góp phần lan tỏa đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao năng lực sư phạm và năng lực nghề nghiệp cho NH.

Trường duy trì khảo sát phản hồi định kỳ từ NH, cựu sinh viên và đơn vị sử dụng lao động nhằm đánh giá mức độ đáp ứng CĐR và CLĐT [H3.03.02.01]. Tỷ lệ NH tốt nghiệp duy trì trên 95%, trong đó 70–85% đạt loại khá, giỏi, phản ánh rõ hiệu quả của hoạt động dạy học theo CĐR và năng lực nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu thực tiễn của đơn vị tuyển dụng.

Có thể khẳng định, hoạt động dạy và học của Trường CĐBT được triển khai đồng bộ, khoa học và có minh chứng rõ ràng, bảo đảm gắn kết giữa lý thuyết, thực hành và phản hồi thực tiễn, góp phần hình thành năng lực nghề nghiệp và phẩm chất sư phạm vững vàng cho NH ngành GDMN.

2. Điểm mạnh

CTĐT được thiết kế theo CĐR, thống nhất giữa mục tiêu – nội dung – phương pháp – đánh giá, có cơ sở pháp lý rõ ràng.

Hoạt động dạy học gắn với thực tiễn nghề nghiệp, được cụ thể hóa qua các kế hoạch kiến tập, thực tập. Tỷ lệ NH tốt nghiệp trên 95%, đa số đạt loại khá, giỏi (70–85%), là minh chứng cho hiệu quả đào tạo và năng lực nghề nghiệp đạt CĐR.

GV tích cực đổi mới phương pháp dạy học, áp dụng các hình thức học tích cực (dự án, tình huống, trải nghiệm, công nghệ thông tin) và chia sẻ kinh nghiệm qua hội thảo khoa học hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Học liệu số và học liệu mô phỏng chưa phong phú; Việc áp dụng phương pháp dạy học tích cực và công nghệ thông tin giữa các giảng viên còn chưa đồng đều.

Từ năm học 2024-2025, Trường đã phát triển hệ thống e-learning. Tuy nhiên, do điều kiện dạy và học trực tiếp của ngành GDMN đang rất thuận lợi nên Khoa và Trường chưa xây dựng hệ thống dạy học trực tuyến dành cho ngành này.

4. Kế hoạch hành động

Khoa Sư phạm phối hợp Phòng Đào tạo rà soát, điều chỉnh CTĐT theo quy định, tăng cường hoạt động học tập gắn với tình huống nghề nghiệp và trải nghiệm thực tế; đồng thời tổ chức tập huấn, hội thảo về phương pháp dạy học tích cực và ứng dụng công nghệ thông tin cho giảng viên, xây dựng, cập nhật học liệu số, video mô phỏng, công cụ hỗ trợ học tập trực tuyến.

Trường phát huy các điểm mạnh bằng việc duy trì và mở rộng phương pháp dạy học tích cực, học qua tình huống, dự án và trải nghiệm thực tế; tăng cường hợp tác với các cơ sở GDMN trong tổ chức kiến tập – thực tập sư phạm, phát huy hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học, hội thảo chuyên đề, đồng thời duy trì khảo sát phản hồi định kỳ từ NH, cựu sinh viên và đơn vị sử dụng lao động để không ngừng cải tiến chất lượng dạy học.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Tiêu chí 4.3: Hoạt động dạy và học thúc đẩy việc hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực cần thiết của nhà giáo cho người học, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động dạy và học ngành GDMN của Trường CĐBT được tổ chức theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của NH, bảo đảm phù hợp với Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non và mục tiêu của CTĐT.

Trên cơ sở Quyết định số 858/QĐ-CĐBT ngày 19/10/2023 ban hành Bản mô tả CTĐT ngành GDMN và Quyết định số 545/QĐ-CĐBT ngày 11/7/2023 ban hành các chương trình đào tạo hệ chính quy, các ĐCCT môn học/học phần được xây dựng thống nhất, thể hiện đầy đủ CĐR, mục tiêu năng lực, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, góp phần bảo đảm việc đào tạo gắn kết giữa lý thuyết và thực hành, hướng đến phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực nghề nghiệp của NH [H2.02.01.01], [H1.01.01.01].

GV Khoa Sư phạm vận dụng linh hoạt các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực như dạy học nêu vấn đề, dạy học truyền cảm hứng, ứng dụng CNTT và các phần mềm mô phỏng nghề nghiệp trong giảng dạy. Việc lựa chọn và triển khai các phương pháp được thực hiện phù hợp với mục tiêu, nội dung môn học/học phần và đặc điểm NH, qua đó góp phần phát triển năng lực tự học, kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp sư phạm, tư duy sáng tạo và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn nghề nghiệp cho NH. Hàng năm, các GV

tham gia giảng dạy ngành GDMN đều được Trường đánh giá, xếp loại từ Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H4.04.03.01].

Các hoạt động sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, hội thảo chuyên đề và nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy được Khoa Sư phạm duy trì thường xuyên, có sổ ghi chép, minh chứng và hồ sơ lưu trữ đầy đủ tại văn phòng khoa. Nhiều GV tích cực tham gia nghiên cứu, viết bài và công bố trong Kỷ yếu Hội thảo Khoa Sư phạm hàng năm, với các chủ đề gắn với đổi mới phương pháp, dạy học truyền cảm hứng và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, tiêu biểu như: “Ứng dụng Chrome Remote Desktop để tăng khả năng tương tác trong giảng dạy” (GV Hoàng Cao Anh), “Truyền cảm hứng học PPGD âm nhạc – tạo hình cho NH ngành GDMN” (GV Huỳnh Thị Xuân Kiều), “Ứng dụng trò chơi tương tác trong dạy học để truyền cảm hứng” (GV Trần Thị Mai Lan), ... [H4.04.02.07]. Các hoạt động này góp phần nâng cao năng lực sư phạm, khuyến khích GV đổi mới phương pháp dạy học và tăng cường hiệu quả đào tạo theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của NH.

Trường đã ban hành quy định đánh giá các nội dung thực tập sư phạm tại cơ sở thực tập đối với ngành GDMN, trình độ cao đẳng; Công tác thực tập, kiến tập sư phạm được Trường tổ chức và đánh giá theo đúng quy định [H4.04.03.02]. Trong quá trình thực tập, NH được hướng dẫn lập báo cáo thu hoạch, được GV hướng dẫn và cơ sở thực tập nhận xét, đánh giá, xác nhận kết quả. Hồ sơ thực tập, phiếu đánh giá và bài thu hoạch được lưu trữ đầy đủ tại Khoa Sư phạm. Kết quả từ các báo cáo tổng kết thực tập sư phạm cho thấy NH đạt yêu cầu về năng lực tổ chức hoạt động giáo dục và kỹ năng nghề nghiệp tại cơ sở thực tập, đáp ứng CDR của chương trình [H4.04.02.05].

Bên cạnh đó, Trường ban hành và triển khai Kế hoạch bồi dưỡng năng lực tự học và học tập suốt đời cho NH thông qua các hoạt động trong Tuần sinh hoạt công dân – HSSV [H4.04.01.01]. Các nội dung bồi dưỡng giúp NH nhận thức được tầm quan trọng của việc tự học, tự bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp liên tục sau khi tốt nghiệp. Đồng thời, công thông tin học tập trực tuyến và hệ thống học liệu điện tử của Trường được khai thác hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi để NH học tập mọi lúc, mọi nơi, góp phần nâng cao năng lực tự học và khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.03].

Hoạt động khảo sát và lấy ý kiến phản hồi của NH và đơn vị sử dụng lao động được Trường triển khai định kỳ, có hệ thống nhằm đánh giá hiệu quả đào tạo và mức độ đáp ứng CDR của chương trình. Theo kết quả khảo sát HSSV năm cuối về CLĐT, đa số NH năm cuối đánh giá cao hiệu quả giảng dạy, phương pháp tổ chức học tập và mức độ hỗ trợ học tập của giảng viên và kết quả khảo sát đơn vị sử dụng lao động cho thấy 57% đơn vị đánh giá NH tốt nghiệp cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc, có năng lực tự học và tự bồi dưỡng

để nâng cao trình độ; 29% đơn vị đánh giá NH đáp ứng tốt ngay sau khi tốt nghiệp. Các kỹ năng được đánh giá cao nhất gồm: kỹ năng giao tiếp (4,14/5), làm việc nhóm (4,11/5) và tự học (4,04/5). Kết quả khảo sát là căn cứ quan trọng giúp Trường điều chỉnh phương pháp giảng dạy, nội dung môn học/học phần và hoạt động thực hành nghề nghiệp, nhằm nâng cao CLĐT và mức độ đáp ứng nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động [H3.03.02.01].

Nhìn chung, hoạt động dạy và học của Trường được triển khai đồng bộ, gắn với mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực nghề nghiệp của NH. Các hoạt động này góp phần phát huy tính chủ động, sáng tạo và năng lực tự học của NH, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời của nhà giáo trong bối cảnh đổi mới giáo dục.

2. Điểm mạnh

Hoạt động dạy và học ngành GDMN được tổ chức đồng bộ, có kế hoạch, bám sát mục tiêu CTĐT và Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. GV vận dụng linh hoạt các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, gắn kết lý thuyết với thực hành, ứng dụng CNTT và phần mềm mô phỏng trong giảng dạy, góp phần phát triển phẩm chất, năng lực nghề nghiệp cho NH. Hoạt động sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, hội thảo chuyên đề và nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy được duy trì thường xuyên, có minh chứng lưu trữ đầy đủ tại Khoa Sư phạm. Công tác thực tập, kiến tập sư phạm được tổ chức chặt chẽ, có quy định, hướng dẫn và đánh giá cụ thể, giúp NH đạt yêu cầu về năng lực tổ chức hoạt động giáo dục và kỹ năng nghề nghiệp tại cơ sở thực tập. Bên cạnh đó, Trường chú trọng bồi dưỡng năng lực tự học, học tập suốt đời cho NH thông qua các kế hoạch, hoạt động cụ thể và hệ thống học liệu điện tử. Kết quả khảo sát sinh viên và đơn vị sử dụng lao động cho thấy đa số đánh giá tích cực về chất lượng giảng dạy, năng lực nghề nghiệp và khả năng tự học của NH tốt nghiệp, thể hiện hiệu quả của hoạt động dạy học theo định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Việc đổi mới phương pháp giảng dạy của GV chưa đồng đều, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm cá nhân; học liệu điện tử và phần mềm mô phỏng nghề nghiệp chưa được cập nhật thường xuyên.

Trong công tác thực tập, kiến tập sư phạm, sự phối hợp giữa Trường và cơ sở thực tập đôi lúc còn chưa như mong muốn.

Kết quả khảo sát sinh viên và đơn vị sử dụng lao động cho thấy vẫn còn một số ít NH cần thời gian thích nghi để đáp ứng tốt yêu cầu công việc.

4. Kế hoạch hành động

Khoa Sư phạm phối hợp Phòng Đào tạo rà soát, điều chỉnh các môn học/học phần còn nặng lý thuyết, tăng cường nội dung thực hành và trải nghiệm nghề nghiệp; tổ chức tập huấn, hội thảo nhằm nâng cao năng lực đổi mới phương pháp dạy học cho giảng viên; đồng thời rà soát, cập nhật học liệu điện tử, phần mềm mô phỏng nghề nghiệp để phục vụ giảng dạy hiệu quả.

Bên cạnh đó, Trường tăng cường phối hợp với các cơ sở GDMN liên kết trong tổ chức kiến tập, thực tập sư phạm, thường xuyên đánh giá, rút kinh nghiệm nhằm nâng cao CLĐT.

Song song, Trường phát huy các điểm mạnh thông qua việc duy trì và mở rộng các hoạt động sinh hoạt chuyên môn, hội thảo và nghiên cứu đổi mới phương pháp dạy học; phát triển mô hình dạy học truyền cảm hứng, ứng dụng CNTT trong giảng dạy; duy trì các hoạt động rèn luyện năng lực tự học, học tập suốt đời cho NH trong Tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên, đồng thời khuyến khích GV công bố sáng kiến, đề tài nghiên cứu và chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4: Trên cơ sở các văn bản và yêu cầu của Bộ GD&ĐT, Trường đã ban hành kịp thời các văn bản thể hiện mục tiêu giáo dục của Trường. Mục tiêu giáo dục của Trường được tuyên bố rõ ràng và phổ biến tới các bên liên quan: “Các giáo viên mầm non được đào tạo phải có đủ năng lực, phẩm chất và sức khỏe để đảm bảo thực hiện tốt chương trình GDMN; có khả năng đáp ứng được sự phát triển của GDMN; có kỹ năng tự bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.”

Để thực hiện mục tiêu giáo dục, hoạt động dạy - học của Trường được thực hiện phối hợp đồng bộ giữa các đơn vị trực thuộc; được thiết kế phù hợp mục tiêu giáo dục và CDR. Các hoạt động dạy học đã thúc đẩy việc hình thành và phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết giáo viên mầm non cũng như nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH. Trường luôn cố gắng hỗ trợ tối đa các điều kiện thuận lợi cho hoạt động dạy - học phù hợp với khả năng của trường.

Khoa Sư phạm bên cạnh việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao đã không ngừng chú trọng các hoạt động dạy học thúc đẩy việc hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực cần thiết của nhà giáo cho NH nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH. GV luôn tự bồi dưỡng và được bồi dưỡng về chuyên môn, phương pháp và kỹ thuật dạy học, trong đó có các phương pháp giáo dục mới để ứng dụng khoa học, linh hoạt và sáng tạo trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học.

Hiện nay mặc dù Trường đã phát triển hệ thống e-learning nhưng do điều kiện dạy và học trực tiếp của ngành GDMN đang rất thuận lợi nên Khoa và Trường chưa áp dụng cho ngành này.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 4: Số tiêu chí đạt: 3/3, tỷ lệ 100%.

Tiêu chuẩn 5: Tuyển sinh và hỗ trợ người học

Mở đầu: Xác định mỗi NH là trung tâm của quá trình đào tạo vì vậy Trường đã xây dựng quy trình và phân công trách nhiệm hỗ trợ NH trong quá trình học tập ngay từ giai đoạn tuyển sinh và trong suốt quá trình đào tạo. Trường xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể, công khai, minh bạch, phù hợp với quy định pháp luật. Chính sách tuyển sinh được công bố công khai và được cập nhật, điều chỉnh kịp thời. Các chế độ chính sách ưu tiên, hỗ trợ học tập, miễn học phí, học bổng, trợ cấp xã hội... được Trường thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của NH. Trong quá trình đào tạo, Trường thường xuyên tổ chức các hoạt động tư vấn, ngoại khóa và các hoạt động hỗ trợ khác tạo môi trường tâm lý, học tập lành mạnh, thoải mái, tích cực cho NH góp phần cải thiện việc học, CLĐT.

Tiêu chí 5.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Chính sách tuyển sinh của Trường luôn được xác định rõ ràng và được công bố công khai từ hình thức, chỉ tiêu, tổ hợp xét tuyển, quy trình, đối tượng thi tuyển, ưu tiên... trong Quy chế Tuyển sinh và trong Quy chế thi tuyển sinh năng khiếu của Trường [H5.05.01.01]; [H5.05.01.02].

Căn cứ kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT, Trường xây dựng Thông tin tuyển sinh công khai các nội dung liên quan theo đúng các quy định của Bộ GD&ĐT, cụ thể: Thông tin chung về Trường; đối tượng, điều kiện, phạm vi, phương thức tuyển sinh; chỉ tiêu tuyển sinh; thời gian thi tuyển sinh các môn năng khiếu; thời gian các đợt xét tuyển.... Các chính sách tuyển sinh được Trường cập nhật kịp thời tại Thông tin tuyển sinh [H5.05.01.03], Kế hoạch tuyển sinh [H5.05.01.04]; Thông báo tuyển sinh [H5.05.01.05]; Thông báo thi tuyển sinh năng khiếu [H5.05.01.06], số lượng NH đăng ký xét tuyển được bộ phận liên quan thống kê và thông báo công khai [H5.05.01.07].

Các thông tin công khai về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực để xác định chỉ tiêu tuyển sinh được cập nhật lên hệ thống của Bộ GD&ĐT, danh sách thí sinh trúng tuyển nhập học cũng được trường cập nhật vào cơ sở dữ liệu chung của Bộ GD&ĐT [H5.05.01.08]. Bên cạnh đó, thông tin tuyển sinh còn được thể hiện dưới hình thức tờ rơi, băng rôn để gửi đến các em học sinh THPT và phụ huynh [H5.05.01.09]. Trường có trang website, facebook... chuyên về thông tin tuyển sinh để công khai các thông tin tuyển sinh của trường được

nhANH chóng, chính xác và thuận tiện cho thí sinh và phụ huynh theo dõi [H1.01.01.04]; [H5.05.01.10].

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh ngành GDMN (chỉ tiêu, quy định xét tuyển, các thông tin chính sách về miễn học phí,...) được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT, đồng thời được công khai trên nhiều kênh thông tin và dưới nhiều hình thức khác nhau của Trường và được khai báo công khai trên hệ thống tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT.

3. Điểm tồn tại: Không có.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục thực hiện các nội dung công khai về chính sách tuyển sinh theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Tiêu chí 5.2: Các thông tin về ngành học, CTĐT, chương trình dạy học,, đề cương môn học hoặc học phần và việc tổ chức thực hiện được mô tả rõ ràng, đầy đủ và dễ tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Thông tin ngành học được Trường giới thiệu cho người quan tâm ngay tại các đợt tư vấn tuyển sinh và tiếp tục được giới thiệu trong Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học dành cho NH [H5.05.02.01].

CĐR, CTĐT, bản mô tả CTĐT ngành GDMN được Trường công khai rộng rãi trên website của Trường, mục Chương trình đào tạo [H1.01.01.01]; [H1.01.02.01]; [H1.01.01.04]. Chương trình khung và đề cương chi tiết các môn học/học phần được đóng tập, lưu tại khoa và được số hóa để thuận tiện truy cập, tham khảo [H2.02.02.03]. Thông tin môn học, mục tiêu môn học, cách đánh giá, tài liệu tham khảo học tập... luôn được GV phụ trách môn giới thiệu đến NH ngay từ buổi đầu dạy học nhằm giúp NH có được cái nhìn tổng quan về toàn bộ CTĐT, chương trình môn học, từ đó có định hướng học tập rõ ràng hơn, giúp NH dễ dàng hơn trong việc đạt mục tiêu học tập đề ra.

Trong quá trình học tập, thông qua buổi sinh hoạt chủ nhiệm hàng tuần để trường thông tin, triển khai các hoạt động học tập, sinh hoạt, quản lý nề nếp đến NH cũng như giải quyết hoặc ghi nhận và chuyển tiếp các vấn đề khó khăn, vướng mắc của NH đến cấp cao hơn hay các bộ phận có liên quan để xử lý [H5.05.02.02]. NH cũng có thể trực tiếp đến văn phòng khoa để được giải đáp khi có những thắc mắc liên quan đến ngành học, CTĐT, chương trình dạy học, ĐCT môn học/học phần và việc tổ chức thực hiện hoặc thông qua các buổi đối thoại giữa lãnh đạo khoa với NH, giữa Hiệu trưởng với HSSV [H5.05.02.03].

Bên cạnh đó, các hoạt động khảo sát lấy ý kiến của người học về CTĐT, môn học nội dung các môn học/học phần trong chương trình dạy học; Khảo sát HSSV tốt nghiệp

hàng năm của Trường đều cho thấy người học được cung cấp đầy đủ các thông tin về ngành học, CTĐT, ĐCCT và hài lòng với CLĐT của Trường [H3.03.02.01]. Kết quả lấy ý kiến cho thấy hoạt động dạy và học của Trường được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR.

2. Điểm mạnh

Trường đã phổ biến, cung cấp đầy đủ, kịp thời tới NH các thông tin về ngành học, CTĐT và ĐCCT môn học/học phần bằng nhiều hình thức khác nhau. NH dễ dàng tiếp cận thông tin về ngành học, CTĐT và ĐCCT môn học/học phần.

3. Điểm tồn tại: Không có

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục duy trì và phổ biến thông tin đến NH bằng nhiều hình thức sinh động, hấp dẫn hơn.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Tiêu chí 5.3: Áp dụng các chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với người học là đối tượng ưu tiên.

1. Mô tả hiện trạng

Chính sách ưu tiên tuyển sinh được quy định trong Quy chế tuyển sinh [H5.05.01.01], Đề án tuyển sinh của Trường [H5.05.01.03] và thực hiện theo kế hoạch tuyển sinh hàng năm [H5.05.01.04] đảm bảo tất cả thí sinh xét tuyển ngành GDMN được hưởng điểm ưu tiên theo khu vực và theo đối tượng, điều này thể hiện rõ trong danh sách trúng tuyển và nhập học hàng năm [H5.05.01.08].

100% NH ngành GDMN được miễn học phí toàn khóa học, 100% NH thuộc đối tượng ưu tiên được đảm bảo đầy đủ các chính sách ưu tiên và hỗ trợ học tập như: trợ cấp xã hội, chính sách nội trú. Bên cạnh đó, Trường và Đoàn Thanh niên thường xuyên liên hệ các doanh nghiệp, nhà hảo tâm, tổ chức thiện nguyện... để tìm kiếm các suất học bổng hỗ trợ NH khó khăn, diện ưu tiên, góp phần giúp các em trang trải trong học tập và sinh hoạt.

Các chính sách ưu tiên, hỗ trợ học tập và quy trình thực hiện các chính sách dành cho NH được phổ biến đến người học qua nhiều kênh: đăng công khai trên trang web Trường, chương trình tư vấn tuyển sinh, thông tin trên tờ rơi, băng rôn tuyển sinh [H1.01.01.04]; [H5.05.01.09]; phổ biến trong Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học; giáo viên chủ nhiệm triển khai cho NH trong các giờ sinh hoạt chủ nhiệm.

Trường thành lập Hội đồng xét miễn, giảm học phí; học bổng và các chế độ, chính sách cho NH và tổ chức xét cho NH hưởng chế độ chính sách thường xuyên theo mỗi học kỳ [H5.05.03.01].

Công tác thanh, kiểm tra công tác tuyển sinh được Trường quan tâm. Bộ phận tuyển sinh trường đã chủ động lập kế hoạch kiểm tra hồ sơ tuyển sinh và ghi nhận các sai sót nếu

có để khắc phục trước khi Đoàn kiểm tra của Trường hoạt động. Sau khi kết thúc công tác tuyển sinh, hàng năm Trường thành lập Đoàn kiểm tra tuyển sinh tiến hành kiểm tra hồ sơ thí sinh đã trúng tuyển và nhập học tại trường theo quy định [H5.05.03.02].

2. Điểm mạnh

100% NH thuộc đối tượng ưu tiên được đảm bảo các chế độ chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập. Các chính sách ưu tiên được Trường phổ biến công khai để người học dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại: Không có

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục duy trì các công việc, quy trình hiện hành để đảm bảo 100% NH được tiếp cận thông tin và giải quyết chế độ chính sách.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Tiêu chí 5.4: Thực hiện đúng quy định miễn học phí, quy định về các chính sách ưu tiên trong việc xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội cho học sinh, sinh viên sư phạm.

1. Mô tả hiện trạng

100% NH ngành GDMN của trường được miễn học phí và được xét cấp các loại học bổng, trợ cấp xã hội, chính sách nội trú theo danh sách trúng tuyển nhập học; đồng thời được hỗ trợ hoàn tất thủ tục đăng ký các chính sách tín dụng giáo dục, chính sách miễn, giảm phí dịch vụ công cộng theo quy định hiện hành [H5.05.04.01]; [H5.05.04.02].

NH thuộc chương trình ngành GDMN được phổ biến đầy đủ và thường xuyên các quy định về miễn học phí, quy định về các chính sách ưu tiên trong việc xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội [H5.05.04.03]; [H5.05.04.04]. Đầu mỗi năm học, Trường tổ chức Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, để cung cấp cho NH những quy định mới nhất về chế độ, chính sách [H4.04.01.01]. Các tài liệu liên quan đến chế độ chính sách cho NH được tập hợp thành bài giảng và đăng tải trên website trường để NH có thể tiếp cận mọi lúc [H5.05.02.01].

Trong quá trình theo học, NH tiếp tục được tư vấn và hỗ trợ thực hiện các chính sách này thông qua làm việc trực tiếp, gửi câu hỏi qua website, fanpage... Trường cũng tạo các kênh phản hồi cho NH liên quan đến thực hiện chế độ chính sách, thông qua các kênh ghi nhận thông tin thắc mắc, kiến nghị của NH liên quan đến chế độ chính sách [H5.05.04.05]; [H5.05.01.10]. Bên cạnh đó, NH còn có thể trực tiếp nêu các thắc mắc, kiến nghị đến Trường thông qua Hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng và HSSV [H5.05.02.03].

Việc xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội cho NH được Trường chuẩn hóa bằng các quy trình tác nghiệp, đảm bảo công khai, rõ ràng, thuận lợi mọi thủ tục [H5.05.04.07], được Hội đồng để xét miễn, giảm học phí; học bổng và các chế độ, chính sách cho NH họp xét

[H5.05.03.01], kết quả xét duyệt được Hội đồng đề xuất Hiệu trưởng ra Quyết định và công bố rộng rãi đến các đối tượng có liên quan.

2. Điểm mạnh

Thực hiện đúng quy định miễn học phí, quy định về các chính sách ưu tiên trong việc xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội cho NH ngành sư phạm. Quyền lợi của NH được đảm bảo. Không có trường hợp NH khiếu nại về việc thực hiện chính sách.

3. Điểm tồn tại

Không có

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục duy trì các công việc, quy trình hiện hành để đảm bảo 100% NH được tiếp cận thông tin và giải quyết chế độ chính sách.

Thường xuyên theo dõi và kịp thời cập nhật thông tin, các văn bản hướng dẫn của cơ quan chức năng Tỉnh về việc giải quyết chế độ chính sách cho NH để kịp thời thông tin đến NH.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Tiêu chí 5.5. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho người học.

1. Mô tả hiện trạng

Trường thành lập đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu triển khai tổ chức các sự kiện và các hoạt động quan hệ với doanh nghiệp để tư vấn, giới thiệu việc làm cho NH; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng cho NH; phụ trách hoạt động tư vấn NH. Ngoài đơn vị chủ trì, các đơn vị khác của Trường như Khoa Sư phạm, Đoàn Thanh niên, Trung tâm Hỗ trợ HSSV... đều tích cực tham gia hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm cho NH trong quá trình học, đặc biệt tập trung ở năm học cuối khóa, trước khi NH đi thực tập và khi tốt nghiệp [H1.01.01.02]; [H5.05.05.01].

Hàng năm, Trường có kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn, hỗ trợ kỹ năng cho NH; kế hoạch triển khai công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp cho NH; tổ chức các phiên giao dịch việc làm, làm cầu nối giữa người lao động và người sử dụng lao động, nâng cao cơ hội việc làm cho NH tốt nghiệp [H5.05.05.02], [H5.05.05.03], [H5.05.05.04], [H5.05.05.05], [H5.05.05.06], [H5.05.05.07] .

Nhiều hoạt động ngoại khóa đã trở thành truyền thống hàng năm, thu hút sự tham gia của NH [H5.05.05.08]. Đội ngũ Giáo viên chủ nhiệm thực hiện việc gặp gỡ NH 01 giờ/tuần, kịp thời nắm bắt thông tin và tư vấn cho NH [H5.05.05.09]; [H5.05.05.10]; [H5.05.05.11].

Hàng năm, kết quả khảo sát lấy ý kiến của NH về CTĐT, môn học, nội dung các môn học/học phần trong chương trình dạy học; Khảo sát HSSV tốt nghiệp hàng năm của Trường đều cho thấy NH hài lòng với chất lượng và hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm [H3.03.02.01].

2. Điểm mạnh

Trường có đơn vị trực thuộc chuyên trách các hoạt động tư vấn, hỗ trợ NH. Các hoạt động được tổ chức khá đa dạng bằng nhiều hình thức khác nhau, thu hút lượng lớn NH tham gia chương trình.

3. Điểm tồn tại: Không có

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục duy trì và phát triển những hình thức mới để tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho NH.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Tiêu chí 5.6. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả hiện trạng

Trường CDBT có 04 cơ sở, ngành GDMN thuộc Khoa Sư phạm, được bố trí ở cơ sở 2 của Trường tại địa chỉ 205 Lê Lợi, là một trong những cơ sở tọa lạc ở vị trí đẹp, khuôn viên rộng, thoáng, có đầy đủ khu giảng đường và khu dành cho các phòng làm việc của khoa, phòng ban. Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, bảo đảm vệ sinh, an toàn với nhiều cây xanh, khu tập luyện thể thao gồm sân bóng đá, sân bóng chuyền, cầu lông, nhà hội trường đa chức năng tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong trường, đặc biệt là NH đang theo học tập trung tại Trường [H5.05.06.01]; có khu ký túc xá có wi-fi dành cho NH... [H5.05.06.02]. Riêng đối với ngành GDMN, Trường cũng đã trang bị một phòng thực hành riêng biệt nhằm đáp ứng tốt nhu cầu học tập của NH [H5.05.06.03].

Khoa và Trường thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, an toàn giao thông và nhiều cuộc thi bổ ích khác để tạo sân chơi lành mạnh, rèn luyện thể lực cho NH, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng NH trong trường [H5.05.05.02] [H5.05.05.08].

Sức khỏe của NH và VC, NLD cũng được Trường quan tâm. Trường có phòng y tế với hai cán bộ phụ trách luôn hỗ trợ VC, NLD và NH về vấn đề y tế cơ bản. Hàng năm, Trường cũng tổ chức khám sức khỏe định kỳ và cung cấp dịch vụ bảo hiểm y tế cho NH [H5.05.06.04].

Ngoài ra, Trường luôn chú trọng hệ thống phòng cháy, chữa cháy. Hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy tại các giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, các phòng làm việc, ký túc xá... được trang bị đầy đủ, được lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy kiểm tra định kỳ [H5.05.06.05].

Qua Hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng và HSSV năm 2025 và kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH về môn học, mô-đun năm học 2024-2025, đa số NH hài lòng với những điều kiện về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan mà Trường mang lại [H5.05.06.06], [H3.03.02.01].

2. Điểm mạnh

Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan cho NH luôn được Khoa Sư phạm và Trường quan tâm xây dựng; điều này góp phần nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo của Trường.

3. Điểm tồn tại

Một số hạng mục cơ sở vật chất xuống cấp, chưa đáp ứng với nhu cầu hiện nay nhằm phục vụ luyện tập sức khỏe, vui chơi giải trí cho NH.

4. Kế hoạch hành động

Bổ sung nguồn kinh phí để tu sửa, sắp xếp bố trí lại tài nguyên trang thiết bị, phòng học, phòng làm việc.

Tiếp tục chăm sóc cảnh quan, duy trì các hoạt động hỗ trợ đời sống tâm lý, tinh thần cho NH.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Kết luận về tiêu chuẩn 5: Trường nói chung và Khoa Sư phạm nói riêng đã có nhiều chính sách hỗ trợ NH một cách linh hoạt và hiệu quả; từ khi nhập học đến khi tốt nghiệp, NH luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn gặp phải trong cuộc sống. Nhờ vậy, nhìn chung đã giúp các em yên tâm học tập và gắn bó với ngành nghề đã chọn. Bên cạnh đó, Trường và Khoa cũng đã tạo môi trường học tập mang tính hòa hợp, tích cực, khuyến khích NH tham gia học tập và các hoạt động của Khoa và Trường.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 5: Số tiêu chí đạt: 6/6, tỷ lệ 100%.

Tiêu chuẩn 6: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu: Đánh giá kết quả học tập của NH là một quá trình liên tục gồm đánh giá đầu vào, đánh giá quá trình học tập, đánh giá đầu ra. Đánh giá kết quả học tập của NH cung cấp cho các bên có liên quan về mức độ đạt được của NH so với CĐR của CTĐT. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH được xây dựng rõ ràng, cụ thể, đảm bảo các phương pháp và quy trình đánh giá phản ánh đúng CĐR, hỗ trợ quá trình học tập, đo lường toàn diện năng lực nghề nghiệp của NH, đặc biệt là năng lực thực hành sư phạm tại cơ sở GDMN và được công khai tới NH.

Tiêu chí 6.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH là một khâu quan trọng trong quá trình dạy học ở trường CĐBT. Việc đổi mới phương pháp giảng dạy phải gắn liền với việc đổi mới phương pháp đánh giá kiến thức và kỹ năng của NH. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH không chỉ bao hàm mục đích tạo ra động cơ học tập và định hướng phát triển của người học mà còn góp phần cải tiến chất lượng giảng dạy của GV. Đây là những thông tin phản hồi ngược làm cơ sở cho việc điều chỉnh phương pháp dạy học của mỗi GV. Việc kiểm tra đánh giá đòi hỏi phải chính xác, công bằng và khách quan.

Nhận thức được tầm quan trọng đó, trong những năm qua, Trường CĐBT quan tâm đổi mới, xây dựng các quy trình đánh giá kết quả học tập khoa học và đúng quy định. Trường nêu cao vai trò, trách nhiệm của khoa, bộ môn trong việc quản lý chương trình môn học, CTĐT nhằm đáp ứng các yêu cầu về chất lượng cũng như đánh giá được mức độ tích lũy kiến thức, sự hình thành kỹ năng của NH so với mục tiêu của môn học/học phần; làm rõ ưu điểm và hạn chế của đề thi. Trường đã ban hành các Quyết định Quy chế về tổ chức kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô - đun trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ; thi các môn văn hoá THPT của Trường CĐBT [H6.06.01.01]; Quy trình tổ chức thi [H6.06.01.02]; Quy trình đánh giá kết quả học tập của HSSV [H6.06.01.03].

Kết quả học tập của NH được đánh giá liên tục trong suốt khóa học, từng khóa học, từng năm học, từng kỳ học và từng môn học/học phần. Các hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được thể hiện chi tiết trong Bản mô tả CTĐT chuyên ngành GDMN [H2.02.01.01]. Ngoài ra, tất cả ĐCCT môn học/học phần đều có quy định về tiêu chí đánh giá và đưa ra những phương pháp kiểm tra đánh giá được thiết kế đa dạng, phù hợp để đo lường mức độ đạt được CDR [H2.02.02.03].

Định kỳ, Trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH về môn học, mô - đun; chất lượng đào tạo để đánh giá việc thực hiện các nội dung liên quan đến đánh giá kết quả học tập, đa số NH hài lòng với những phương pháp, nội dung, kết quả đánh giá học tập [H3.03.02.01].

2. Điểm mạnh

Trường đã xây dựng được các quy định và quy trình đánh giá kết quả NH đúng quy định, rõ ràng và khoa học về việc đánh giá kết quả học tập của NH và duy trì thực hiện trong nhiều năm qua.

Công tác đánh giá kết quả học tập của NH không ngừng được cải tiến theo hướng đa dạng, linh hoạt nhưng nghiêm túc, khách quan, chính xác và phù hợp mục tiêu đào tạo và CDR.

3. *Điểm tồn tại:* Không có.

4. *Kế hoạch hành động*

Sau mỗi đợt tổ chức thi, Phòng Khảo thí & ĐBCL xem xét thống kê và báo cáo công tác tổ chức thi kết thúc môn học/học phần vào thời gian phù hợp để GV có thể rút kinh nghiệm.

Tiếp tục nghiên cứu xây dựng, đổi mới và bổ sung nhiều hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH góp phần nâng cao CLĐT.

5. *Tự đánh giá tiêu chí:* Đ.

Tiêu chí 6.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. *Mô tả hiện trạng*

Công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH tại Trường luôn đảm bảo và được diễn ra nghiêm túc, theo đúng yêu cầu của các bộ chủ quản. Đảm bảo tính độc lập giữa quá trình dạy - học và thi kiểm tra; sự công bằng, chặt chẽ và khách quan trong công tác đánh giá kết quả học tập của NH. Tạo sự thống nhất trong công tác quản lý đào tạo, góp phần nâng cao CLĐT của Trường. Trường có các quy định về đánh giá đầu vào, đánh giá quá trình về kết quả học tập của NH ngành GDMN một cách đầy đủ, rõ ràng theo quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, cũng như quy định về thi, kiểm tra, đánh giá cuối kì, xét và công nhận tốt nghiệp cho NH... [H6.06.02.01]; [H6.06.01.01].

Việc đánh giá đầu vào của thí sinh thi tuyển vào ngành GDMN được thực hiện đúng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT: Trường tổ chức thi tuyển sinh môn năng khiếu, công bố danh sách trúng tuyển công khai, minh bạch thông qua giấy báo trúng tuyển và website của Trường [H5.05.01.01].

Tất cả ĐCCT môn học đều nêu rõ hình thức, thời gian, phương pháp đánh giá và các nội dung liên quan một cách rõ ràng, cụ thể [H2.02.01.01]; [H2.02.02.03]. Để đảm bảo tính công bằng, hiệu quả trong đánh giá kết quả học tập, Trường quan tâm tổ chức cho GV xây dựng ngân hàng đề thi và sử dụng đa dạng phương pháp thi như: trắc nghiệm máy, thực hành, tự luận, vấn đáp, bài tập lớn... [H6.06.02.02]. Bên cạnh đó, Trường cũng đã ban hành các Quy trình tổ chức thi và Quy trình đánh giá kết quả học tập nhằm đảm bảo việc thực hiện đánh giá kết quả học tập của NH đúng quy định, khoa học và hiệu quả hơn [H6.06.01.02], [H6.06.01.03].

Đánh giá đầu ra của NH cũng được Trường chú trọng, hàng năm Trường thành lập Hội đồng, xây dựng kế hoạch xét, công nhận tốt nghiệp cho NH; thực hiện xét, công khai kết quả xét, công nhận tốt nghiệp theo đúng kế hoạch quy định [H6.06.02.03].

Các quy định về đánh giá kết quả học tập được Trường và Khoa phổ biến công khai, kịp thời đến NH dưới nhiều hình thức khác nhau: website Trường, Sổ tay HSSV, GV thông báo trước mỗi môn học/học phần,... [H1.01.01.04]; [H6.06.02.04].

Ngoài ra, công tác đánh giá kết quả học tập còn được tổ chức lấy ý phản hồi của NH, cựu SV nhằm hướng tới tính khách quan, công bằng, nâng cao hiệu quả. Kết quả phản hồi của NH, cựu SV về hoạt động đánh giá kết quả học tập của GV cho thấy, phần lớn người học đều hài lòng về đội ngũ GV có kiến thức chuyên môn tốt, kinh nghiệm thực tế nhiều, nhà giáo có phương pháp giảng dạy sinh động, thu hút người nhiệt tình, GV chủ nhiệm quan tâm, hợp tác với NH và quản lý NH tốt, Tổ chức thi cử chặt chẽ, giám thị coi thi nghiêm túc. Khóa học đáp ứng được các mục tiêu đào tạo của ngành, nghề [H3.03.02.01].

2. Điểm mạnh

Các quy định về hoạt động đánh giá kết quả của NH được quy định rõ ràng và được thông báo công khai qua nhiều kênh thông tin nhờ đó NH được chủ động thực hiện việc phản hồi khi cần.

3. Điểm tồn tại

Phần mềm quản lý điểm đôi lúc vẫn còn bị lỗi về hệ thống cập nhật điểm.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục nghiên cứu, bổ sung nhiều hình thức triển khai đến NH linh hoạt, đúng quy định và hiệu quả nhiều hơn.

Thường xuyên kiểm tra hệ thống cập nhật điểm, tránh bị lỗi mỗi khi GV hay NH đăng nhập.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Tiêu chí 6.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả hiện trạng

Để đảm bảo sự công bằng và độ tin cậy trong đánh giá kết quả học tập, công tác tổ chức thi luôn đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, đúng quy trình/ quy định, Trường đã ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành GDMN; Quy chế tổ chức kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô-đun; Quy trình tổ chức thi, Quy trình đánh giá kết quả học tập của HSSV [H6.06.02.01]; [H6.06.01.01]; [H6.06.01.02]; [H6.06.01.03]. Bên cạnh việc thực hiện đúng theo các quy định của Trường, Khoa Sư phạm cũng đã chủ động, linh hoạt sử

dụng nhiều phương pháp khác nhau để kiểm tra, đánh giá nhằm đảm bảo sự công bằng, chặt chẽ và khách quan trong công tác đánh giá kết quả học tập của NH và tạo sự thống nhất trong công tác quản lý đào tạo, góp phần nâng cao CLĐT của Trường [H6.06.03.01].

Ngoài ra, để đảm bảo tính độc lập, khách quan và công bằng trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH, trong các năm qua, Trường đã đẩy mạnh việc xây dựng ngân hàng câu hỏi với các hình thức đánh giá khác nhau (trắc nghiệm máy, tự luận, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận...) [H6.06.03.02]. Mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết được Trường bộ môn phê duyệt để đảm bảo tính hiệu lực đánh giá trước khi Phòng Khảo thí & ĐBCL xuất đề, nhân bản và đóng gói [H6.06.01.02]. Để bảo tính khách quan, tin cậy và công bằng các bài thi kết thúc môn học/học phần đều được đánh phách, được tổ chức chấm hai vòng độc lập và chấm tập trung tại Phòng Khảo thí & ĐBCL của Trường; bài thi thực hành được chấm công khai và công bố điểm ngay trong buổi chấm. Đồng thời GV phải chấm thi theo hướng dẫn cụ thể trong quy định về thi kết thúc môn học/học phần của Trường. Sau mỗi kỳ thi, Trường đều có báo cáo công tác tổ chức thi để rút kinh nghiệm, có cơ sở điều chỉnh các điểm còn tồn tại và nâng cao chất lượng hoạt động này [H6.06.03.03].

Định kỳ hàng năm Trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên có liên quan về hoạt động đào tạo trong đó có nội dung liên quan đến kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH, nhằm hướng tới tính khách quan, công bằng, nâng cao hiệu quả. Kết quả phản hồi của SV, cựu SV về hoạt động đánh giá kết quả học tập của GV cho thấy, phần lớn người học đều hài lòng về tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng của phương pháp, quy trình và kết quả đánh giá. Không có tình trạng khiếu nại, phản nản của NH, cựu SV về sự thiếu công bằng, minh bạch trong việc sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập của Khoa và Trường [H3.03.02.01]. Khoa đã nghiêm túc xem xét các ý kiến phản hồi của các bên có liên quan để điều chỉnh, cải tiến hoạt động dạy, học, đánh giá kết quả học tập của NH [H6.06.03.04].

2. Điểm mạnh

Trường đã xây dựng, triển khai thực hiện các phương pháp kiểm tra, đánh giá bảo đảm đo lường được các yêu cầu việc kiểm tra, thẩm định, đánh giá kết quả học tập của NH và duy trì thực hiện trong nhiều năm qua.

Thiết kế các phương pháp/công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục đích/mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CDR.

3. Điểm tồn tại: Không có

4. Kế hoạch hành động

Tăng cường, đẩy mạnh xây dựng các ngân hàng đề thi gắn chặt với CDR của môn học/ngành học.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Tiêu chí 6.4: Kết quả đánh giá được lưu trữ có hệ thống, được thông báo kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Việc lưu trữ, quản lý và thông báo kết quả học tập được thực hiện theo các quy định, kết quả đánh giá của NH được lưu trữ có hệ thống trên phần mềm quản lý điểm và tại Khoa Sư phạm (file excel và bảng điểm có chữ ký của giảng viên bộ môn) [H6.06.04.01]; [H6.06.04.02].

NH cũng được phổ biến quy trình phúc khảo, cải thiện điểm theo đúng quy định hiện hành của Trường [H6.06.01.01]; [H6.06.01.02]; [H6.06.03.01]. Ngay từ tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, NH được hướng dẫn cách truy cập, theo dõi kết quả học tập, điểm thi, điểm rèn luyện qua tài khoản cá nhân trên hệ thống phần mềm [H6.06.04.03].

Văn phòng Khoa Sư phạm thường xuyên hỗ trợ thông tin, nhắc nhở NH về tiến độ học tập thông qua nhóm Zalo lớp, ban cán sự lớp hoặc hình thức thông báo trực tuyến. Thông tin về kết quả học tập, rèn luyện, thực tập được công khai, minh bạch và cập nhật kịp thời giúp NH chủ động điều chỉnh kế hoạch học tập. NH có thể dễ dàng tra cứu điểm kiểm tra định kỳ, thường xuyên, điểm thi kết thúc môn học/học phần thông qua tài khoản cá nhân.

Các bảng điểm học kỳ, bảng điểm rèn luyện, kết quả thực tập, bảng tổng kết năm học được lưu trữ đầy đủ tại Khoa Sư phạm và Phòng Đào tạo, đảm bảo truy xuất khi cần thiết [H6.06.04.04]. Ngoài ra, ý kiến phản hồi của NH được thu thập thông qua đối thoại định kỳ, khảo sát trực tuyến, được sử dụng làm căn cứ để điều chỉnh, cải tiến chất lượng giảng dạy và đánh giá [H3.03.02.01].

2. Điểm mạnh

Hệ thống lưu trữ, quản lý điểm của Trường hoạt động ổn định, đảm bảo bảo mật và dễ tra cứu.

Quy trình thông báo kết quả học tập minh bạch, cụ thể; được phổ biến và hướng dẫn cụ thể đến NH ngay từ đầu khóa.

Các văn bản quy định về thi, kiểm tra, đánh giá, lưu trữ hồ sơ được ban hành và thực hiện nghiêm túc.

Có kênh phản hồi đa dạng (đối thoại, khảo sát, nhóm lớp), giúp NH dễ dàng góp ý, điều chỉnh kế hoạch học tập.

3. Điểm tồn tại

Một số NH chưa chủ động khai thác triệt để thông tin từ hệ thống phần mềm, vẫn phụ thuộc vào thông báo của lớp.

4. Kế hoạch hành động

Tăng cường hướng dẫn NH kỹ năng khai thác, sử dụng hệ thống quản lý điểm và phản hồi trực tuyến.

Đẩy mạnh việc sử dụng email và công thông tin điện tử thay cho thông báo thủ công để đảm bảo tính thống nhất, lưu vết.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Tiêu chí 6.5: Người học dễ tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Trường CĐBT đã ban hành và phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp của NH. Quy định về khiếu nại, phúc khảo kết quả học tập được Trường quy định cụ thể tại Điều 21 trong Quy định về tổ chức kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô - đun trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ [H6.06.01.01]. Trong quá trình tiếp cận kết quả đánh giá, đối với điểm quá trình, NH khiếu nại trực tiếp với GV giảng dạy môn học/học phần đó, đối với kết quả thi kết thúc môn học/học phần, nếu thấy kết quả công bố trên hệ thống không chính xác, NH có quyền đề nghị kiểm tra kết quả thi kết thúc môn học/học phần trong thời gian cho phép theo quy định hoặc phản hồi trực tiếp với giáo vụ khoa. NH sẽ thực hiện mẫu đơn đề nghị phúc khảo được quy định trong Quy trình Tổ chức thi của Trường và được công khai tại website Trường và Văn phòng khoa Sư phạm [H6.06.01.02]; [H1.01.01.04].

Các thông tin này được lồng ghép phổ biến cho NH trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, các buổi sinh hoạt học vụ đầu mỗi học kỳ và trong Sổ tay sinh viên được phát cho các giáo viên chủ nhiệm để triển khai cho toàn thể NH, trong đó có mục hướng dẫn rõ về quy trình phúc khảo và khiếu nại kết quả học tập tại từng lớp [H4.04.01.01]; [H6.06.02.04].

Quá trình xử lý và chấm phúc khảo bài thi diễn ra công khai, minh bạch, đảm bảo tính khách quan, trung thực. Từ đó tạo động lực để NH không ngừng phấn đấu, không ngừng rèn luyện trong học tập. Hàng năm, Trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về chất lượng đào tạo của Trường, trong đó có nội dung liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của người học để có cơ sở tham khảo, cải tiến hoạt động của Trường [H3.03.02.01].

2. Điểm mạnh

Các quy định và quy trình khiếu nại được ban hành đầy đủ, công khai, dễ truy cập. NH được phổ biến thông tin rõ ràng qua giáo viên chủ nhiệm, sổ tay sinh viên và website trường/khoa. Không phát sinh khiếu nại chính thức trong nhiều năm, thể hiện sự công bằng, minh bạch trong đánh giá kết quả học tập.

Phản hồi của NH, cựu sinh viên được thu thập định kỳ, giúp Trường duy trì chất lượng công tác kiểm tra, đánh giá.

3. *Điểm tồn tại*: Không có

4. *Kế hoạch hành động*: Không có.

5. *Tự đánh giá tiêu chí*: Đ.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Hoạt động đánh giá kết quả NH của CTĐT ngành GDMN được xây dựng và triển khai một cách phù hợp, đầy đủ và minh bạch, đảm bảo phản ánh đúng năng lực mà NH cần đạt theo CDR của chương trình. Các quy định được công bố rõ ràng, giúp NH dễ dàng tiếp cận và hiểu được yêu cầu của từng môn học/học phần. Các hoạt động phản hồi được thực hiện kịp thời, hỗ trợ NH cải thiện kỹ năng và hoàn thiện năng lực nghề nghiệp. Công tác kiểm tra, rà soát và cải tiến hoạt động đánh giá được thực hiện định kỳ, có sự tham gia của GV, NH và các cơ sở GDMN đối tác, qua đó góp phần nâng cao chất lượng của hệ thống đánh giá, hỗ trợ quá trình học tập và đảm bảo sự tiến bộ của NH.

Tuy nhiên, chương trình vẫn tiếp tục duy trì hoạt động cải tiến nhằm cập nhật phương pháp đánh giá theo tiếp cận phát triển năng lực và ứng dụng công nghệ số, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh hiện nay.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 6: Số tiêu chí đạt: 5/5, tỷ lệ 100%.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên

Mở đầu: Trường CDBT có đội ngũ cán bộ quản lý, GV và nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng yêu cầu về số lượng và trình độ chuyên môn. Trường đã ban hành và triển khai thực hiện tốt các văn bản quy định về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, quy hoạch và sử dụng cán bộ quản lý, GV và nhân viên theo đúng quy định, công khai minh bạch. Viên chức, GV được tạo mọi điều kiện thuận lợi để được đi học tập và bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

Tiêu chí 7.1: Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý.

1. Mô tả hiện trạng

Trường CDBT hiện nay có 15 đơn vị, trong đó có 6 phòng, 2 trung tâm và 2 khoa chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức đào tạo ngành GDMN. Ban Giám hiệu Trường gồm 3 thành viên, có trình độ từ thạc sĩ trở lên và đảm bảo các điều kiện tiêu chuẩn theo quy định.

Đội ngũ CBQL của Trường có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết và có trách nhiệm, luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ. Bên cạnh đó, nhiệm vụ quản lý CTĐT chuyên ngành GDMN trình độ cao đẳng của Trường luôn được Ban Giám hiệu Trường quan tâm, chỉ đạo thường xuyên [H7.07.01.01].

CTĐT chuyên ngành GDMN trình độ cao đẳng hiện nay chịu sự quản lý trực tiếp của Khoa Sư phạm, gồm 1 Trưởng khoa và 3 Trưởng bộ môn [H7.07.01.02]; [H7.07.01.03]. Từ tháng 12/2025, Trưởng khoa Sư phạm nghỉ hưu, trong thời gian chờ Trường hoàn tất các thủ tục bổ nhiệm, kiện toàn quản lý mới và nhằm đảm bảo các hoạt động của khoa, Trường đã phân công 01 Phó Hiệu trưởng kiêm nhiệm phụ trách khoa Sư Phạm. Đội ngũ CBQL của Trường hiện nay đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quy định trong Điều lệ trường cao đẳng hiện hành và được cụ thể hóa cho từng đối tượng CBQL tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H1.01.01.02].

Các CBQL chương trình GDMN đều đáp ứng yêu cầu về vị trí việc làm theo quy định hiện hành của UBND tỉnh Lâm Đồng. Hàng năm, CBQL được tạo điều kiện để đăng ký học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ về quản lý nhà nước, lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ [H7.07.01.04], đánh giá xếp loại viên chức cuối năm đều đạt từ mức Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H4.04.03.01].

Tất cả hồ sơ cá nhân của viên chức quản lý ngành GDMN đều được lưu trữ tại bộ phận nhân sự thuộc Phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp của Trường và trên phần mềm quản lý cán bộ của tỉnh [H7.07.01.05].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ quản lý CTĐT, từ Ban Giám hiệu tới Khoa Sư phạm, các đơn vị chuyên môn và tổ bộ môn thuộc khoa, đều có phẩm chất đạo đức tốt; trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu và có sự tâm huyết với nghề. Vì vậy, công tác quản lý CTĐT ngành GDMN có nhiều thuận lợi; chương trình hàng năm luôn được xem xét, đánh giá lại, qua đó phát hiện những điểm bất hợp lý để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả và CLĐT.

3. Điểm tồn tại: Không có.

4. Kế hoạch hành động

Trường tiếp tục quan tâm công tác bồi dưỡng đội ngũ CBQL nói chung, viên chức giữ chức vụ quản lý tại Khoa Sư phạm nói riêng, để nâng cao năng lực quản lý CTĐT ngành GDMN của Khoa.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Tiêu chí 7.2: Đội ngũ giảng viên, giáo viên có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về số lượng và cơ cấu chuyên môn.

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2025, Trường có 31 GV tham gia giảng dạy CTĐT chuyên ngành GDMN, trong đó GV đúng chuyên ngành được biên chế vào Bộ môn Mầm non gồm 07 người, có 05 thạc sĩ và 02 cử nhân [H7.07.02.01].

Cơ cấu đội ngũ GV được phân bổ hợp lý theo bộ môn, đảm bảo có đủ GV tham gia giảng dạy ngày GDMN. GV của Trường được phân công giảng dạy đúng chuyên môn, đáp ứng yêu cầu về số lượng và cơ cấu chuyên môn theo quy định, điều này được thể hiện rõ thông qua Bảng phân công giảng dạy của năm học [H7.07.02.02].

Ngoài ra để nâng cao chất lượng đội ngũ GV, Trường luôn quan tâm tạo điều kiện để GV tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng phù hợp nhằm nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn [H7.07.01.04].

Đội ngũ GV đều có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, nhiệt tình, tâm huyết và có trách nhiệm và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ theo quy định; đánh giá xếp loại cuối năm của GV đều ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H4.04.03.01].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ GV có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt tiêu chuẩn; đủ về số lượng và cơ cấu, đáp ứng được yêu cầu của CTĐT được điều chỉnh hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Khoa hiện tại không có GV có trình độ Tiến sĩ, một số bộ môn có số lượng GV ít sẽ không đáp ứng nhu cầu khi có số lượng tuyển sinh nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Trường quan tâm tạo điều kiện, khuyến khích đội ngũ GV tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Tiêu chí 7.3: Đội ngũ giảng viên, giáo viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định; có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm đáp ứng được yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của chương trình đào tạo; thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Hiện nay, 100% đội ngũ GV của CTĐT ngành GDMN có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định, có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH của CTĐT [H7.07.02.01]; [H7.07.01.05]. Chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của GV tham gia giảng dạy CTĐT GDMN đảm bảo theo đúng quy định tại Thông tư số 35/2020/TT-BGDĐT Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm công lập (áp dụng đối với GV cao đẳng sư phạm) và Thông tư số 07/2023/TT-BLĐTBXH

quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; xếp lương, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp (áp dụng đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp).

Năm 2025, Trường có 31 GV tham gia giảng dạy CTĐT chuyên ngành GDMN, đội ngũ GV đều có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành giảng dạy; đạt 100%.

b) 31/31 GV có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên, đạt 100.

c) Tất cả giảng viên đều đáp ứng yêu cầu về tin học, ngoại ngữ theo quy định về tiêu chuẩn chức danh viên chức giảng dạy, đạt 100%.

Tất cả GV tham gia CTĐT chuyên ngành GDMN đều có kế hoạch bài giảng và các hồ sơ chuyên môn theo yêu cầu. Bên cạnh giảng dạy, các GV của Khoa Sư phạm và trong Trường đều có những đề tài, sáng kiến thiết thực để đổi mới phương pháp dạy học và các hoạt động dạy học của ngành GDMN [H7.07.03.01].

Việc thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, học tập bồi dưỡng và tham gia công tác cộng đồng của các GV trên đều được quy định tại các văn bản về chế độ làm việc nhà giáo của Trường [H7.07.03.02]. Đánh giá xếp loại cuối năm của tất cả các GV đều từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, một số GV được khen thưởng cuối năm học [H4.04.03.01], [H7.07.03.03].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ GV tham gia CTĐT chuyên ngành GDMN của Trường hiện nay đều có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định; đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH của CTĐT; thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ đào tạo; hoàn thành các nhiệm vụ chuyên môn được giao.

3. Điểm tồn tại: Không có

4. Kế hoạch hành động

Khoa Sư phạm phối hợp các đơn vị liên quan tiếp tục tổ chức sinh hoạt chuyên môn, hội thảo các cấp nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và năng lực nghiên cứu khoa học cho GV.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Tiêu chí 7.4: Giảng viên, giáo viên được đánh giá năng lực và được hỗ trợ, tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1. Mô tả hiện trạng

Hiện nay, do Bộ GD&ĐT chưa ban hành quy định đánh giá, xếp loại đối với GV cao đẳng sư phạm, nên việc đánh giá năng lực và thực hiện nhiệm vụ đào tạo của GV tham gia giảng dạy CTĐT ngành GDMN của Trường căn cứ trên các quy định hiện hành. Trường

căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020/NĐ-CP quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức để xây dựng Phiếu đánh giá. Các tiêu chuẩn trong phiếu được chia thành các mức độ khác nhau thuận lợi cho việc đánh giá, đồng thời cũng tạo động lực để đội ngũ GV không ngừng phấn đấu, hoàn thiện [H7.07.04.01].

Hàng tháng, Trường tiến hành đánh giá, phân loại VC, NLĐ nhằm đánh giá năng lực làm việc, kết quả thực hiện nhiệm vụ, tiến độ và chất lượng công việc. Cuối năm, Trường tiến hành đánh giá, phân loại VC, NLĐ nhằm đánh giá năng lực làm việc, kết quả thực hiện nhiệm vụ, tiến độ và chất lượng công việc, thể hiện qua các tiêu chí cụ thể sau: nhận thức tư tưởng chính trị; thái độ chấp hành chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy định của Trường; ý thức xây dựng tập thể; giữ gìn đạo đức, nhân cách và lối sống lành mạnh. Phương pháp làm việc khoa học, dân chủ, đúng nguyên tắc; Tinh thần, thái độ phục vụ tận tụy, lịch sự, hòa nhã đối với đồng nghiệp, người học; Năng lực giảng dạy, năng lực nghiên cứu khoa học được thể hiện qua việc hoàn thành định mức theo quy định. Cho đến thời điểm hiện nay, tất cả GV tham gia giảng dạy CTĐT chuyên ngành GDMN đều được đánh giá định kỳ hàng năm và đều đảm bảo có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H4.04.03.01].

Song song với quá trình đánh giá hoạt động giảng dạy của GV từ phía Trường, khoa và tổ chuyên môn, Trường còn thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về môn học trong đó có lấy ý kiến về hoạt động giảng dạy và GV [H3.03.02.01].

Trường có chính sách khuyến khích, hỗ trợ đội ngũ cán bộ quản lý và GV tham gia và hoàn thành CTĐT sau đại học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ hoặc tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng giúp bổ sung kiến thức, nghiệp vụ và nâng cao năng lực chuyên môn [H7.07.04.02].

Hàng năm, Trường và Khoa luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho GV của Khoa tham gia NCKH dưới nhiều hình thức như là NCKH cấp khoa, cấp trường, viết giáo trình, viết bài hội thảo khoa học trong và ngoài trường... Bên cạnh đó, Trường cũng có nhiều chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện để giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học quy định khen thưởng, hỗ trợ cho các công trình NCKH của cán bộ, GV cụ thể như sau: quy đổi số giờ công lao động trong năm, hỗ trợ kinh phí (theo quy chế chi tiêu nội bộ), sử dụng kết quả NCKH làm tiêu chí bình xét các danh hiệu thi đua năm học... [H7.07.04.03]; [H7.07.04.04].

2. Điểm mạnh

Trường có chủ trương, chính sách và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho GV và tạo điều kiện cho GV tham gia các hoạt động chuyên môn, NCKH và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trường đã chủ động thực hiện đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ được giao của GV thông qua nhiều hình thức phù hợp.

3. Điểm tồn tại

Bộ GD&ĐT chưa ban hành quy định cụ thể về đánh giá năng lực của GV sư phạm nên Trường còn thiếu các căn cứ pháp lý để thực hiện công tác đánh giá GV.

4. Kế hoạch hành động

Trường tiếp tục chú trọng, quan tâm tạo điều kiện để GV tham gia các hoạt động bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn của GV.

5. Tự đánh giá tiêu chí: D.

Tiêu chí 7.5: Đội ngũ nhân viên có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao; được đánh giá năng lực; được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

1. Mô tả hiện trạng

Đội ngũ nhân viên gắn với CTĐT là 93 người, hiện đang làm việc tại các phòng, trung tâm, văn phòng khoa. Đây là đội ngũ nhân viên có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, chuyên môn nghiệp vụ, có năng lực công tác, phục vụ tốt hoạt động giảng dạy, học tập; tâm huyết và có trách nhiệm với công việc, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H7.07.01.05].

Hàng năm, Trường thực hiện đánh giá, xếp loại nhân viên theo đúng quy định, năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá theo các tiêu chuẩn quy định của Trường, dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao [H7.07.04.01]. Đánh giá xếp loại cuối năm của đội ngũ nhân viên đều từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, một số được khen thưởng cuối năm học [H4.04.03.01].

Đội ngũ nhân viên ngoài thực hiện công việc được giao trong phòng, trung tâm, khoa còn là đội ngũ hỗ trợ thường xuyên, nhiệt tình và có trách nhiệm cho GV và NH trong việc sử dụng trang thiết bị, các dịch vụ của Trường. Điều này được thể hiện qua kết quả khảo sát mức độ hài lòng của NH về thái độ hỗ trợ của đội ngũ nhân viên trong trường thông qua Khảo sát lấy ý kiến NH [H3.03.02.01].

Để phát triển và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên của CTĐT, Trường đã tạo điều kiện về thời gian cho nhân viên tham gia các khóa học nâng cao chuyên môn nghiệp vụ; hỗ trợ kinh phí và tạo điều kiện cho nhân viên tham dự các khóa tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ và tham gia các bậc học cao hơn [H7.07.01.04].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên của Trường và Khoa được quy hoạch đủ số lượng, đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, phẩm chất đạo đức và thực hiện có hiệu quả công việc phục vụ cho việc nâng cao chất lượng dạy và học.

Trường có các chế độ, chính sách và tổ chức các động bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Công tác tập huấn bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên còn ít, chưa đáp ứng nhu cầu.

4. Kế hoạch hành động

Phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp cần tăng cường đề xuất, giới thiệu và tổ chức các hội nghị chuyên đề, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực, nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Tiêu chí 7.6: Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên bảo đảm đúng quy định, công khai và minh bạch.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV và nhân viên, đó là những tiêu chuẩn về đạo đức, kinh nghiệm giảng dạy, năng lực nghiên cứu, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học. Trường đã xây dựng quy trình Tuyển dụng viên chức và Quy trình Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nhằm đảm bảo việc tuyển dụng nhân sự và quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý được thực hiện đúng quy định, chặt chẽ, đầy đủ các bước, công khai, công bằng và minh bạch [H7.07.06.01]; [H7.07.06.02].

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động viên chức trong Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Việc bổ nhiệm Lãnh đạo khoa, Trưởng bộ môn ngoài việc dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của cán bộ mà còn dựa trên công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý theo nhiệm kỳ. Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định và được thông báo rộng rãi tới toàn thể VC, NLD trong toàn trường [H7.07.06.03].

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến VC, NLD về các quy định liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động viên chức [H3.03.02.01].

2. Điểm mạnh

Trường có kế hoạch, quy trình, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn cán bộ quản lý, GV, nhân viên để bổ nhiệm được xác định rõ ràng và được phổ biến công khai.

3. Điểm tồn tại: Không có.

4. Kế hoạch hành động

Trường tiếp tục thực hiện việc tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, GV, nhân viên theo đúng quy trình và quy định.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Kết luận về Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ quản lý CTĐT, từ Ban Giám hiệu tới Phòng Đào tạo, Khoa Sư phạm và tổ bộ môn thuộc khoa, đều có trình độ, năng lực và có sự tâm huyết với nghề; Đội ngũ GV cơ hữu tham gia đào tạo chương trình chuyên ngành GDMN đông, gồm nhiều bộ môn, đảm bảo yêu cầu về số lượng và có chuyên môn phù hợp với CTĐT của chuyên ngành này; có khả năng đáp ứng quy mô tuyển sinh lớn hơn.

Trường đã có chủ trương, chính sách và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho GV và tạo điều kiện cho GV tham gia các hoạt động chuyên môn, NCKH và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển được thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy trình và quy định; Thực hiện đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ được giao của GV thông qua nhiều hình thức phù hợp.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 7: Số tiêu chí đạt: 6/6, tỷ lệ 100%.

Tiêu chuẩn 8 Thư viện trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Mở đầu: Song song với việc xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL, GV và nhân viên để phát triển, Trường CĐBT đã quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập. Công tác quản lý cơ sở vật chất, thiết bị thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng tài sản công; Trường có đủ các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, bảo đảm an toàn cho NH, công tác an ninh trật tự được đảm bảo tốt.

Tiêu chí 8.1: Hệ thống phòng chức năng, phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng thực hành đáp ứng yêu cầu đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2023, Trường CĐBT được thành lập trên cơ sở Quyết định số 451/QĐ-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập nguyên trạng Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận, Trường Cao đẳng Y tế Bình Thuận vào Trường Cao đẳng Nghề Bình Thuận và đổi tên thành Trường CĐBT. Trường có 04 cơ sở làm việc gồm:

- Trụ sở chính: số 05 đường Tôn Thất Bách, phường Bình Thuận, tỉnh Lâm Đồng, với diện tích 49.983 m².

- Cơ sở 2: số 205 đường Lê Lợi, Phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng, với diện tích 24.119 m².

- Cơ sở 3: số 274 đường Nguyễn Hội, Phường Hàm Thắng, tỉnh Lâm Đồng, với diện tích 14.000 m².

- Cơ sở 4: số 38 đường Nguyễn Hội, Phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng, với diện tích 5.469 m².

Mặt bằng tổng thể khuôn viên Trường được quy hoạch, thiết kế phù hợp với chức năng đào tạo đa ngành, trong đó có đào tạo ngành GDMN [H8.08.01.01].

Trường CĐBT hiện nay có 15 đơn vị, trong đó có 6 phòng, 2 trung tâm và 2 khoa là các phòng chức năng chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức đào tạo ngành GDMN. Trong đó, Khoa Sư phạm của Trường hiện đang làm việc và giảng dạy tại cơ sở 2 của Trường, có phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng thực hành của khoa. Cụ thể:

+ Phòng làm việc của lãnh đạo và nhân viên văn phòng khoa 55 m²;

+ Khu phòng học gồm 08 phòng lý thuyết, trong đó 07 phòng có diện tích 55m², 01 phòng có diện tích 111m²; hội trường có diện tích 305m²;

+ Phòng thực hành Âm nhạc rộng 55m²; Phòng Thực hành Mầm non rộng 195m².

Hệ thống các phòng chức năng, phòng học, phòng thực hành được trang bị đầy đủ, đảm bảo điều kiện chiếu sáng, thông gió, đủ phương tiện, trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo [H5.05.06.01]. Cụ thể: các phòng đều được xây dựng kiên cố có chiều cao trần 3.6m, mỗi phòng đều có 02 cửa lớn rộng 1.2m, cao 2.2m tại những tòa nhà có hành lang chung rộng từ 1.8 đến 2.5m theo đúng tiêu chuẩn thiết kế. Các phòng đều thông thoáng, có cửa ra vào, cửa sổ ở cả 2 mặt của phòng, quạt, đèn chiếu sáng. Các phòng được trang bị đầy đủ trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ [H8.08.01.02]. Các phòng học được trang bị cố định: tivi, máy chiếu, wifi; đối với phòng có diện tích rộng được trang bị thêm hệ thống âm thanh; tại cơ sở 2 và cơ sở 4 tại bàn GV có hệ thống mạng có dây [H8.08.01.03]. Các phòng thực hành đã được trang bị đầy đủ trang thiết bị học tập như: đàn organ, bàn ghế, mô hình, tủ, kệ... và các đồ dùng cho trẻ theo đúng mô hình trường mầm non tại các cơ sở giáo dục [H8.08.01.04]; [H8.08.01.05].

Hiện tổng số NH toàn trường hiện tại là 3012, trong đó có 322 NH ngành GDMN, cụ thể: NH năm 2, 3 là 210, NH năm 1 là 112.

Diện tích phòng chức năng, phòng học, phòng thực hành của Trường bảo đảm tỉ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT theo quy định hiện hành

Thư viện: Trường có 02 thư viện tại cơ sở 01 và 02, với diện tích 961 m² gồm có phòng đọc, phòng lưu trữ, phòng máy tính đáp ứng được nhu cầu học tập của HSSV trường.

Khu rèn luyện thể chất: Trường có 02 nhà tập thể dục thể thao có mái che tại cơ sở 02 và 03 với diện tích 565 m², cơ sở 01 có 02 sân bóng đá mini và 02 sân bóng chuyền với

diện tích 1.692 m², ngoài ra 04 cơ sở đều có sân tập thể dục ngoài trời đảm bảo đủ cho việc rèn luyện thể chất cho VC, NLĐ và HSSV trường

Khu vực phục vụ:

+ Khu nội trú HSSV: trường có 03 khu ký túc xá với 168 phòng khép kín tổng diện tích 6.045m². Diện tích trung bình 36m²/phòng. Mỗi phòng Trường bố trí 04 giường tầng cho 08 người ở, 01 quạt trần, 04 bóng đèn, 01 tủ đồ, 01 kệ để giày dép. Bình quân diện tích là 4,5m²/người.

+ Căn tin phục vụ HSSV: Trường có 01 căn tin, tổng diện tích 509m². Căn tin bao gồm khu chế biến, bếp nấu ăn, khu rửa đồ, phòng ăn dành cho HSSV.

+ Phòng y tế: Trường có 04 phòng y tế tại các địa điểm đào tạo tổng diện tích 74m² để phục vụ công tác y tế học đường

Về thiết bị dạy học: hàng tuần, Trung tâm TT-TV-TB có theo dõi và đánh giá tình trạng hoạt động của thiết bị, phòng thực hành để kịp thời bảo trì và nâng cấp các trang thiết bị trong phòng học, phòng chức năng [H8.08.01.06]. Hàng năm, Trường đều có thực hiện kiểm kê tài sản, qua đó tổng kết đánh giá về hiệu quả việc sử dụng hệ thống phòng chức năng, phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng thực hành phục vụ các hoạt động của CTĐT [H8.08.01.07].

2. Điểm mạnh

Trường đảm bảo có đủ các khu vực phục vụ nhu cầu đào tạo các ngành nghề, trong đó có ngành GDMN. Có đủ phòng học và diện tích phòng học, phòng thực hành đáp ứng yêu cầu đào tạo. Phòng học, phòng thực hành bảo đảm quy chuẩn xây dựng, đáp ứng các tiêu chuẩn cơ sở vật chất phục vụ cho công tác dạy và học ngành GDMN.

Các thiết bị đào tạo cơ bản đáp ứng yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Trường rất quan tâm, đầu tư cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy và học nhưng do kinh phí còn hạn chế nên việc mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị bổ sung hàng năm còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Trung tâm TT-TV-TB, Phòng TC-HC-TH và Khoa Sư phạm thường xuyên rà soát, kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị giảng dạy bị hư hỏng.

Trường tiếp tục xin kinh phí đầu tư để cải tạo, sửa chữa, mua sắm cơ sở vật chất phục vụ dạy và học.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Tiêu chí 8.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Quyết định số 451/QĐ-LĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội v/v sáp nhập nguyên trạng Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận, Trường Cao đẳng Y tế Bình Thuận vào Trường Cao đẳng Nghề Bình Thuận và đổi tên thành Trường Cao đẳng Bình Thuận, Trường thực hiện sáp nhập thư viện của 03 Trường và thành lập Trung tâm Thông tin - Thư viện - Thiết bị [H8.08.02.01]. Thư viện do Trung tâm Thông tin - Thư viện - Thiết bị quản lý đảm bảo đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được quy định theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường CĐBT [H1.01.01.02].

Hiện nay, Thư viện Trường CĐBT hoạt động tại 02 cơ sở: Cơ sở 1 đặt tại cơ sở chính số 05 Tôn Thất Bách [H8.08.02.02]; cơ sở 2 đặt tại 205 Lê Lợi [H8.08.02.03]; thư viện trường có phòng đọc của NH, phòng mượn và nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp, được cập nhật, áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, VC, NLD và NH [H8.08.02.04]; kho sách bảo đảm tiêu chuẩn thiết kế và định mức diện tích sử dụng [H8.08.02.05].

Thư viện ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý với phần mềm thư viện điện tử Vebrary tất cả các hoạt động của thư viện như: phục vụ, biên mục, bổ sung, kiểm kê, báo cáo,... Phần mềm thư viện điện tử Lạc Việt Vebrary5 hoạt động trên nền tảng web (web-based) nên truy cập và sử dụng phần mềm thông qua trình duyệt web trên nhiều loại thiết bị khác nhau như máy tính, máy tính bảng, điện thoại thông minh [H8.08.02.06]. Đồng thời tại hai cơ sở đều được trang bị 25 máy tính phục vụ tra cứu, đọc tài liệu số nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ người sử dụng thư viện. [H8.08.02.07] và cung cấp tài khoản khoản riêng sử dụng thư viện số cho VC, NLD, NH được cấp tài khoản theo mã HSSV truy cập vào thư viện điện tử để tra cứu nguồn dữ liệu được số hóa của thư viện [H8.08.02.08].

Thư viện Trường đã tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu tài liệu số và cơ sở dữ liệu tài liệu giấy (in) nhằm đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số trong hoạt động thư viện đồng thời phát triển văn hóa đọc với tổng số đầu sách theo chuyên ngành và tham khảo hiện nay tại Thư viện gồm: Tài liệu giấy (in): 15.015 tên/69.479 bản [H8.08.02.09]; tài liệu số 7784 file [H8.08.02.10]; Băng đĩa 143 tên /523 cái và NCKH-SKKN 282 tên/ 286 bản [H8.08.02.11]; có 1639 tên/1816 bản Khóa luận tốt nghiệp của sinh viên được lưu trữ phục vụ tại thư viện cơ sở 1 và phòng đọc thư viện cơ sở 2 [H8.08.02.12]; Thư viện có quy trình phục vụ, có hướng dẫn tra cứu, tải tài liệu tại website thư viện Trường [H8.08.02.13]; [H8.08.02.14]; [H8.08.02.15] và Quy chế hoạt động Thư viện của Trường [H8.08.02.16].

Để thuận lợi trong việc tìm kiếm tài liệu tham khảo phục vụ học tập thư viện đã thống kê danh mục sách theo chuyên ngành đào tạo nhằm tạo thuận lợi cho bạn đọc [H8.08.02.17]. Ngoài ra thư viện thực hiện và tìm kiếm tài liệu, số hóa giáo trình và sách

tham khảo để bổ sung nguồn tài liệu số của Trường [H8.08.02.18]. Hằng năm sau khi Hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài cấp trường được thông qua phê duyệt, thư viện có thêm nguồn tài liệu để đưa vào sử dụng, nhờ đó làm tăng thêm đáng kể nguồn tài liệu nội sinh cho thư viện trường [H8.08.02.19].

2. Điểm mạnh

Thư viện của Trường có phòng đọc, mượn, thư viện số và các nguồn học liệu phù hợp, thường xuyên được rà soát và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo.

Thư viện, phòng đọc có nội quy/quy định/hướng dẫn và đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động; có đội ngũ nhân viên trẻ, có nghiệp vụ chuyên môn, vui vẻ, nhiệt tình, tâm huyết với nghề và thích ứng với công nghệ mới trong hoạt động nghiệp vụ.

3. Điểm tồn tại

Tài liệu ngành GDMN hiện rất khó bổ sung do không có tái bản hoặc chỉ lưu hành nội bộ; vì vậy, mặc dù đã nỗ lực tìm kiếm nguồn tài liệu, khuyến khích nhà giáo biên soạn giáo trình để bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành học nhưng đến nay vẫn còn thiếu một số tài liệu.

4. Kế hoạch hành động

Bộ phận nghiệp vụ thư viện, Trung tâm Thông tin – Thư viện – Thiết bị tiếp tục phối hợp với Khoa, GV chuyên môn trong việc tìm kiếm nguồn tài liệu chuyên ngành, biên soạn giáo trình nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo và phát triển của ngành GDMN của Trường.

Trường thường xuyên xem xét đầu tư trang thiết bị để thư viện số hóa tài liệu tạo nguồn tài nguyên cho thư viện số của Trường.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Tiêu chí 8.3: Hệ thống thiết bị, đồ dùng dạy học và công nghệ thông tin bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến phù hợp và được cập nhật để phục vụ hiệu quả việc dạy và học, đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có hệ thống thiết bị, đồ dùng dạy học và công nghệ thông tin (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống Internet, trang thông tin điện tử...) phục vụ cho hoạt động đào tạo các ngành nghề của trường nói chung và chuyên ngành GDMN nói riêng, đáp ứng yêu cầu của CTĐT.

Hệ thống phòng học, phòng thực hành của Trường có đầy đủ trang thiết bị phục vụ dạy học: 100% phòng học, phòng thực hành có thiết bị tivi, máy chiếu; hệ thống internet được lắp đặt ở tất cả khối nhà làm việc, lớp học, phòng thực hành đảm bảo nhu cầu tra cứu cho GV và NH. Hạ tầng hệ thống mạng của Trường tại 04 cơ sở đều sử dụng đường truyền mạng cáp quang, 100% máy tính đều được kết nối mạng Lan, Internet băng thông rộng,

ngoài ra hệ thống wifi được phủ sóng trong toàn trường, đặc biệt tại cơ sở 2 và cơ sở 4 bàn GV tại các phòng học đều trang bị mạng có dây nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên trong quá trình dạy học trực tiếp cũng như trực tuyến [H8.08.03.01].

Trường thực hiện điều hành công việc trên môi trường số thông qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh; thư điện tử nội bộ @tcdbt.edu.vn; Công tác quản lý, quản trị trường thông qua Hệ thống quản trị đào tạo như: Vận hành PMT-EMS (hệ thống quản lý đào tạo và tích hợp thêm chức năng thanh toán học phí, lệ phí trực tuyến của công ty Cổ phần tiên bộ Sài Gòn), phần mềm kế toán, quản lý tài sản (MISA), quản lý CBCCVC (VNPT), thi trắc nghiệm trực tuyến [H8.08.03.02], [H8.08.03.03].

Duy trì cập nhật thông tin trên cổng thông tin điện tử của Trường (website trường và các website thành viên) nhằm thực hiện công tác tuyên truyền quảng bá hoạt động của Trường đến phụ huynh, NH, các doanh nghiệp trong hoạt động của Trường [H1.01.01.04]; xây dựng và đưa vào sử dụng hệ thống dạy học trực tuyến tại: <https://elearning.tcdbt.edu.vn/> dựa trên nền tảng Moodle.

Trung tâm Thông tin – Thư viện – Thiết bị được Trường giao nhiệm vụ hỗ trợ phục vụ trang thiết bị, đồ dùng dạy học và các phòng thực hành tin học, ổn định hệ thống mạng, phục vụ công tác đào tạo trong toàn Trường [H1.01.01.02]. Trường đã ban hành Quy trình quản lý thiết bị dạy học trong đó quy định cụ thể về sử dụng phòng máy, phòng thực hành thiết bị, có hướng dẫn cách sử dụng thiết bị, kết nối máy tính với máy chiếu [H8.08.03.04]; quá trình phục vụ đều có ghi lại nhật ký phục vụ thiết bị dạy học nhằm đảm bảo phục vụ hiệu quả việc dạy và học, đáp ứng yêu cầu của CTĐT [H8.08.03.05].

Cuối năm đều thực hiện kiểm kê tài sản và lập sổ theo dõi tài sản theo quy định, thông qua kiểm kê để sửa chữa, thanh lý những trang thiết bị hư hỏng [H8.08.03.06]. Bên cạnh đó, vào đầu mỗi năm học mới Trung tâm Thông tin – Thư viện – Thiết bị thực hiện báo cáo thống kê tình hình trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo của Trường [H8.08.03.07]; đồng thời đăng ký nhu cầu mua sắm và đề xuất sửa chữa thiết bị phục vụ các hoạt động chuyên môn [H8.08.03.08]. Ngoài ra, Trung tâm còn mở sổ theo dõi việc mua sắm, sửa chữa nhằm quản lý tốt tài sản phục vụ dạy học của Trường và sổ theo dõi để quản lý tốt về tài sản của Trung tâm [H8.08.03.09]. Trong năm học Trung tâm thực hiện khảo sát tình hình sử dụng Thư viện và thiết bị dạy học của Trường để không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng tốt hơn yêu cầu giảng dạy, nghiên cứu và công tác chuyên môn [H8.08.03.10].

Trường lấy ý kiến người học về hoạt động dạy học và tình hình cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng phục vụ dạy học nhằm đáp ứng tốt trang thiết bị, CNTT phục vụ công tác đào tạo đồng thời giải đáp những thắc mắc của NH khi học tại Trường.

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống thiết bị, đồ dùng dạy học và công nghệ thông tin (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để phục vụ hiệu quả việc dạy và học, đáp ứng yêu cầu của CTĐT.

Trường quan tâm đầu tư đáp ứng các trang thiết bị dạy học và hệ thống mạng nhằm đáp ứng hiệu quả nhu cầu giảng dạy của ngành GDMN.

3. Điểm tồn tại

Một số thiết bị máy tính và thiết bị trình chiếu đã xuống cấp cần được sửa chữa và bổ sung mới nhưng do kinh phí chi cho đầu tư trang thiết bị gặp khó khăn do đó tiến độ mua sắm trang thiết bị còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

Trung tâm Thông tin – Thư viện – Thiết bị phối hợp Khoa Sư phạm, Phòng Tài vụ và Phòng TC-HC-TH tiếp tục đề xuất và tìm kiếm đầu tư, sửa chữa trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo.

Trung tâm Thông tin – Thư viện – Thiết bị tiếp tục ổn định hệ thống mạng, CNTT để đáp ứng nhu cầu giảng dạy của ngành GDMN; tiếp tục thực hiện tốt công tác hỗ trợ phục vụ thiết bị dạy học.

5. Tự đánh giá tiêu chí: D.

Tiêu chí 8.4: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn, được xác định và triển khai có lưu ý đến đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả hiện trạng

Trường CDBT luôn chú trọng triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ các vấn đề về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. Các cơ sở của trường nằm ở trung tâm thành phố, cách xa khu công nghiệp nên không bị ảnh hưởng tiếng ồn, bụi bặm, chất thải độc, ô nhiễm không khí, nguồn nước; bảo đảm an toàn, yên tĩnh cho hoạt động giảng dạy và học tập [H8.08.01.01]. NH ngành GDMN của Trường học tập và sinh hoạt tại cơ sở 2 của Trường. Nơi đây được xây dựng đảm bảo diện tích cây xanh theo đúng quy định, diện tích cây xanh là 10.460 m² gồm vườn hoa, thảm cỏ, dải cây xanh cách ly, cây bảo vệ, bóng mát... với mật độ 40% diện tích đất toàn trường [H5.05.06.01]. Đối diện trường là công viên và bãi biển Đồi Dương cũng góp phần đảm bảo không gian xanh, thoáng mát và yên tĩnh cho trường [H8.08.04.01].

Trường đã ban hành các văn bản quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn: Báo cáo công tác triển khai phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và xây dựng Trường đạt chuẩn an toàn an ninh trật tự [H8.08.04.02]; Kế hoạch công tác PCCC năm học 2025, trong kế hoạch công tác PCCC Trường có dự kiến tổ chức tập huấn nghiệp vụ phòng cháy,

chữa cháy cho các đội PCCC cơ sở, Đội tự quản HSSV tại Khu ký túc xá ở các cơ sở của Trường [H8.08.04.03]; và các hoạt động bảo vệ môi trường, giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp [H8.08.04.04]. Trường đã thành lập Đội Phòng cháy, chữa cháy và Phòng, chống thiên tai và Lực lượng VC, NLĐ được phân công trực trong các đợt cao điểm để đảm bảo ứng phó kịp thời trong các trường hợp khẩn cấp [H8.08.04.05, H8.08.04.06].

Trường xây dựng kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho NH một năm một lần [H8.08.04.07]. Phòng Y tế của trường đặt gần khu ký túc xá và trong khuôn viên của trường, hoạt động xuyên suốt, trang bị đầy đủ thuốc cơ bản, sơ cấp cứu ban đầu phục vụ nhu cầu khám và chăm sóc sức khỏe cơ bản, thường xuyên cho VC, NLĐ và NH trong toàn trường [H8.08.04.08]. Công tác thông báo, đôn đốc và triển khai thu nộp tiền mua bảo hiểm y tế, khám sức khỏe; động viên, khuyến khích các VC, NLĐ và NH tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc.

Thông qua hoạt động đối thoại giữa Hiệu trưởng với HSSV năm học 2025-2026, Trường lấy ý kiến góp ý của NH về môi trường học tập, việc chăm sóc sức khỏe và an toàn tại Trường [H5.05.02.02].

2. Điểm mạnh

Trường có môi trường làm việc, học tập thoáng đãng, trong lành đảm bảo cho sức khỏe; an ninh được chú trọng và đảm bảo an toàn cho NH.

3. Điểm tồn tại

Không có.

4. Kế hoạch hành động

Phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp tiếp tục chủ trì phối hợp với tất cả các đơn vị, đảm bảo an toàn môi trường, an ninh.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Kết luận về Tiêu chuẩn 8: Trường CĐBT đảm bảo có đủ các khu vực phục vụ hoạt động dạy và học, đáp ứng các tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo cơ bản đáp ứng yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo. Hàng năm, Trường đều tiến hành rà soát, mua sắm bổ sung thêm thiết bị đào tạo, đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu dạy, học của GV và NH. Môi trường làm việc, học tập thoáng đãng, trong lành đảm bảo cho sức khỏe; an ninh được chú trọng và đảm bảo an toàn cho NH.

Thư viện trường có phòng đọc, mượn, thư viện số và các nguồn học liệu phù hợp, thường xuyên rà soát và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo. So với các ngành đào tạo khác tài liệu phục vụ của ngành GDMN đã cơ bản đáp ứng yêu cầu cả về tài liệu giấy và tài liệu số. Tuy nhiên tài liệu ngành GDMN hiện rất khó bổ sung do không có tái bản hoặc chỉ lưu hành nội bộ vì vậy mặc dù đã nỗ lực tìm kiếm nguồn tài liệu, khuyến khích

GV biên soạn giáo trình để bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành học nhưng đến nay vẫn còn thiếu một số tài liệu so với danh mục đã được phê duyệt.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 8: Số tiêu chí đạt: 4/4, tỷ lệ 100%.

Tiêu chuẩn 9: Bảo đảm và nâng cao chất lượng

Mở đầu: Nâng cao chất lượng giáo dục luôn là mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra đối với mỗi đơn vị trường học nói riêng và ngành GDMN nói chung. Việc đẩy mạnh nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo luôn là vấn đề bức thiết nhằm góp phần tạo nên những thế hệ con người mới có đủ phẩm chất, trí tuệ, năng động góp phần sáng tạo xây dựng đất nước hội nhập trong kỷ nguyên số hóa. Bảo đảm và nâng cao chất lượng trong giáo dục là yếu tố quan trọng nhằm đạt được mục tiêu đào tạo cũng như đáp ứng đối với sự thay đổi của nhu cầu và sự phát triển xã hội. Hoạt động nâng cao chất lượng giáo dục phải đồng hành và xuyên suốt trong quá trình xây dựng, và phát triển của Trường. Vì vậy, Trường CDBT đã và đang từng bước nỗ lực thực hiện quy trình bảo đảm và nâng cao chất lượng một cách chặt chẽ, thống nhất. Từ việc xây dựng các chính sách phù hợp; liên hệ với các cơ sở GDMN; tổ chức kiến tập, thực tập sư phạm; đánh giá quá trình dạy và học; đánh giá kết quả học tập của NH đến việc nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ, hỗ trợ các tiện ích; khảo sát thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan để nâng cao CLĐT.

Tiêu chí 9.1: Có các chính sách phù hợp để thực hiện hiệu quả các hoạt động bảo đảm chất lượng CTĐT.

1. Mô tả hiện trạng

Trước yêu cầu của thực tiễn về việc đảm bảo và nâng cao chất lượng CTĐT, Trường CDBT đã có các chính sách phù hợp để hệ thống bảo đảm chất lượng được thực hiện thường xuyên nhằm hỗ trợ GV và CBQL duy trì, cải thiện và nâng cao chất lượng CTĐT. Trường có đơn vị chuyên trách làm công tác đảm bảo chất lượng là Phòng Khảo thí & ĐBCL được thành lập ngay từ khi sáp nhập Trường. Chức năng, nhiệm vụ của Phòng Khảo thí & ĐBCL được xác lập rõ trong Quy chế tổ chức hoạt động của Trường [H9.09.01.01]; [H1.01.01.02].

Trường đã xây dựng, áp dụng, vận hành hệ thống, thành lập Hội đồng Tư vấn về xây dựng và vận hành Hệ thống Bảo đảm chất lượng [H9.09.01.02], [H9.09.01.03], Ban hành Quy chế về vận hành hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng [H9.09.01.04] và tiến hành công bố Hệ thống Bảo đảm chất lượng của Trường đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 28/2017/TT-BLĐT BXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp [H9.09.01.05]. Hàng năm, Trường đều thực hiện đánh giá nội bộ nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng của hệ thống BĐCL [H9.09.01.06], [H9.09.01.07].

Hiện nay hệ thống được vận hành trôi chảy trong Trường, giúp chuẩn hóa dần các hoạt động liên quan đến công tác đào tạo, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục của Trường.

Hàng năm, Trường đã ban hành kế hoạch ĐBCL và phổ biến đến các đơn vị các hoạt động ĐBCL cần được tiến hành trong Trường [H9.09.01.08]. Theo đó, các đơn vị phổ biến đến từng VC, NLĐ trong đơn vị và phối hợp triển khai thực hiện hoạt động ĐBCL trong phạm vi toàn trường [H9.09.01.09]. Để nâng cao năng lực đảm bảo chất lượng của hệ thống, Trường đặc biệt quan tâm bồi dưỡng đội ngũ làm công tác bảo đảm chất lượng. Tuy nhiên, trong năm 2025, Bộ GD&ĐT không tổ chức các hội nghị, hội thảo hay các đợt tập huấn, bồi dưỡng về công tác tự đánh giá và ĐBCL do đó các viên chức của Phòng Khảo thí & ĐBCL và các viên chức khác chưa có điều kiện được tham gia trong công tác đảm bảo chất lượng.

Trường luôn chú trọng đến CLĐT đối với ngành GDMN. Năm 2025, Năm 2025, Trường xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDMN và thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành GDMN để tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDMN theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT [H9.09.01.10], [H9.09.01.11], [H9.09.01.12].

2. Điểm mạnh

Trường xây dựng các quy định, kế hoạch về hoạt động ĐBCL cụ thể, rõ ràng và kịp thời ngay từ khi thành lập Trường. Trường đã có nhiều nỗ lực trong xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ, đảm bảo bao quát các lĩnh vực quản lý chất lượng của Trường.

Công tác đảm bảo chất lượng tại các đơn vị được triển khai nghiêm túc, được giám sát thông qua hoạt động đánh giá nội bộ làm cơ sở cải tiến chất lượng cho các năm tiếp theo.

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ cán bộ có chuyên môn về ĐBCL của Trường còn thiếu. Trường chưa có viên chức được đào tạo về hoạt động đảm bảo chất lượng, hoạt động kiểm định theo các quy định của Bộ GD&ĐT.

4. Kế hoạch hành động

Trường cần tiếp tục quan tâm cử VC, NLĐ tham gia các hội thảo, các lớp tập huấn bồi dưỡng về tự đánh giá, đảm bảo chất lượng, các lớp bồi dưỡng chứng chỉ kiểm định viên kiểm định cơ sở đào tạo và CTĐT do các Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trong nước tổ chức.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ..

Tiêu chí 9.2: Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông được trường liên hệ để sinh viên, học sinh kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đạt KĐCLGD.

1. Mô tả hiện trạng

Song song với việc nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy, Trường CĐBT còn đặc biệt quan tâm đến công tác tổ chức thực tập sư phạm ngành GDMN. Hoạt động thực tập sư phạm không chỉ giúp NH tiếp cận môi trường làm việc thực tế tại các trường mầm non mà còn tạo điều kiện cho NH có thể vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tiễn công việc. Đây chính là xu hướng và cũng là yêu cầu của xã hội đối với các cơ sở đào tạo nhằm đảm bảo đào tạo gắn liền giữa lý thuyết với thực hành, thực tiễn trong bối cảnh hiện nay.

Năm 2023, Trường xây dựng quy định đánh giá các nội dung thực tập sư phạm tại các cơ sở thực tập đối với ngành GDMN và quy định về chế độ hướng dẫn thực tập sư phạm [H4.04.03.02]. Tuy nhiên, trong quy định về đánh giá các nội dung thực tập Trường chưa xây dựng nội dung quy định điều kiện đáp ứng của các cơ sở GDMN để NH ngành GDMN đến kiến tập và thực tập sư phạm.

Công tác tổ chức các hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm được Trường thực hiện một cách khoa học và quy củ. Hàng năm, Khoa Sư phạm tham mưu Ban Giám hiệu ban hành kế hoạch thực tập [H4.04.02.03]; [H4.04.02.04]. Kế hoạch thực tập bao gồm các thông tin liên quan đến thời gian thực tập, địa điểm thực tập, danh sách các cơ sở GDMN và danh sách GV hướng dẫn thực tập. Thông qua Phòng Đào tạo và Khoa Sư phạm, Trường liên hệ với Phòng Văn hoá – Xã hội tại địa phương về kế hoạch thực tập. Khi có sự thống nhất và đồng ý của Phòng Văn hoá – Xã hội và các trường mầm non, Trường tổ chức cho GV hướng dẫn thực tập đưa NH xuống thực tập tại các trường theo kế hoạch.

Trường tổ chức các đợt kiểm tra thực tập tại các trường mầm non để nắm bắt tình hình thực tập của NH, đồng thời trao đổi với các trường mầm non về các vấn đề liên quan đến hoạt động thực tập [H9.09.02.01]. Việc đánh giá kết quả thực tập sư phạm được thực hiện theo quy định về đánh giá các nội dung thực tập tại các cơ sở GDMN đã được Trường ban hành. Kết thúc các đợt thực tập, Khoa Sư phạm thực hiện báo cáo tổng kết về hoạt động thực tập sư phạm; Trường thực hiện báo cáo trong Báo cáo tổng kết hoạt động dạy và học của năm học [H4.04.02.06], [H4.04.02.05].

Hoạt động kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm là một khâu quan trọng trong CTĐT ngành GDMN. Thông qua hoạt động kiến tập, thực tập, NH không chỉ làm quen với môi trường làm việc thực tế tại các trường mầm non, được vận dụng những kiến thức, kỹ năng dạy học vào thực tiễn mà đây còn là cơ sở nền tảng, là tiền đề để NH hình thành lòng

yêu nghề trong tương lai. Chính vì vậy, việc lựa chọn cơ sở GDMN để NH kiến tập và thực tập sư phạm là một trong những yêu cầu được Khoa Sư phạm và Trường quan tâm hàng đầu. Khi xây dựng kế hoạch thực tập sư phạm, Khoa Sư phạm lựa chọn những trường mầm non đủ điều kiện theo quy chế thực hành, thực tập sư phạm áp dụng cho các trường đại học, cao đẳng đào tạo giáo viên phổ thông, mầm non trình độ cao đẳng hệ chính quy và có kinh nghiệm trong công tác hướng dẫn kiến tập, thực tập sư phạm để liên hệ cho NH đến thực tập. Các trường mầm non được lựa chọn đều được công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đạt kiểm định CLGD.

2. Điểm mạnh

Trường xây dựng quy định liên quan đến đánh giá các nội dung kiến tập, thực tập của NH tại các cơ sở GDMN.

Trường ban hành và tổ chức thực hiện tốt các kế hoạch thực tập sư phạm năm thứ 2 và thực tập tốt nghiệp.

Tất cả các cơ sở GDMN được trường liên hệ để NH kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm đều có môi trường sư phạm tốt, hoạt động phong trào và chất lượng giáo dục đạt tiêu chuẩn; đội ngũ giáo viên – nhân viên nhiệt tình, có năng lực và nhiều kinh nghiệm để hướng dẫn NH thực hành, thực tập sư phạm; đảm bảo tốt về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học cho NH thực hành, thực tập sư phạm.

3. Điểm tồn tại

Trong quy định đánh giá các nội dung kiến tập, thực tập, Trường chưa xây dựng nội dung quy định điều kiện đáp ứng của các cơ sở GDMN để NH ngành GDMN đến kiến tập và thực tập.

4. Kế hoạch hành động

Trường cần bổ sung nội dung quy định điều kiện đáp ứng của các cơ sở GDMN để NH ngành GDMN đến kiến tập và thực tập trong quy định đánh giá các nội dung kiến tập, thực tập sư phạm.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Tiêu chí 9.3: Hoạt động kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm được tổng kết, đánh giá và được định kỳ rà soát, cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Thực tập sư phạm là hoạt động giáo dục đặc thù của các trường sư phạm nhằm hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cần thiết của giáo viên mầm non cho NH theo mục tiêu đào tạo đã đề ra trong chương trình khung ngành GDMN. Hoạt động thực tập sư phạm là một trong những khâu quan trọng nhất trong CTĐT ngành GDMN. Thông qua hoạt động

thực tập sư phạm, NH sẽ từng bước làm quen với môi trường thực tế ở trường mầm non, từ đó hình thành các thao tác và kỹ năng dạy học để có thể hành nghề trong tương lai.

Thực tập sư phạm được chia thành 02 đợt, được quy định trong CTĐT ngành GDMN [H1.01.01.01]:

- Thực tập sư phạm năm 2 (kiến tập): Thực hiện trong 04 tuần, vào đầu học kỳ II của năm thứ hai - Học kỳ 4 của cả khóa học.

- Thực tập tốt nghiệp - năm 3: Thực hiện trong 06 tuần, vào đầu học kỳ II năm thứ ba – Học kỳ 6 (học kỳ cuối) của khóa học.

Sau khi liên hệ và có danh sách các trường mầm non đáp ứng được các điều kiện liên quan đến công tác thực tập sư phạm, Khoa Sư phạm phối hợp với Phòng Đào tạo để xây dựng kế hoạch thực tập, thiết kế các biểu mẫu liên quan đến công tác thực tập sư phạm. Khoa Sư phạm lập danh sách giảng viên hướng dẫn thực tập và tiến hành đưa NH về thực tập tại các trường mầm non theo kế hoạch [H4.04.02.03]; [H4.04.02.04].

NH kiến tập, thực tập tại các trường mầm non theo đúng quy định đánh giá các nội dung thực tập sư phạm tại cơ sở thực tập đối với ngành sư phạm, bậc cao đẳng, hệ chính quy được ban hành theo Quyết định số 688/QĐ-CĐBT ngày 09/10/2025 của Trường [H4.04.03.02]. Hoạt động này luôn nhận được sự chỉ đạo sâu sát của Ban Giám hiệu, sự quản lý, đôn đốc thường xuyên của Phòng Đào tạo, đặc biệt là Khoa Sư phạm, vì vậy công tác thực tập sư phạm luôn đạt được những kết quả khả quan, được các Phòng Văn hoá – Xã hội, các trường mầm non đánh giá cao trong công tác phối hợp cũng như CLĐT của Trường. Công tác thực tập sư phạm ngành GDMN là hoạt động luôn có sự phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ giữa các đơn vị có liên quan trong Trường cũng như với các phòng Giáo dục và các trường mầm non. Kết thúc các đợt thực tập, Khoa đều thực hiện báo cáo về hoạt động thực tập sư phạm, đồng thời đánh giá và đề xuất các biện pháp cải tiến để nâng cao chất lượng hoạt động thực tập [H4.04.02.05].

2. Điểm mạnh

Hoạt động kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong trường với các Phòng Văn hoá – Xã hội địa phương, các trường mầm non trong việc triển khai kế hoạch kiến tập, thực tập sư phạm. Các báo cáo tổng kết thực tập của NH đều có ý kiến phản hồi của người hướng dẫn và cơ sở thực tập. Công tác này được tổng kết, đánh giá và được rà soát, cải tiến vào cuối mỗi năm, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng giáo dục trong Trường.

3. Điểm tồn tại: Không có.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục triển khai thực hiện lấy ý kiến phản hồi từ NH và các trường mầm non về hoạt động kiến tập và thực tập sư phạm.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Tiêu chí 9.4: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

1. Mô tả hiện trạng

Một trong những yếu tố quan trọng tạo nên chất lượng giáo dục của Trường đó chính là chất lượng dạy học tại cơ sở giáo dục. Nhận thức được điều đó, Trường CDBT rất chú trọng đến quá trình dạy học và đánh giá kết quả học tập để nâng cao chất lượng. Trường đã ban hành Quy trình Giảng dạy và Quy trình đánh giá kết quả học tập của NH trong hệ thống tài liệu của Hệ thống bảo đảm chất lượng để rà soát quá trình dạy học và đánh giá kết quả học tập [H9.09.04.01], [H6.06.01.03].

Trường đã xây dựng được quy chế để đánh giá và rà soát việc đánh giá kết quả học tập của người học, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CDR của ngành GDMN [H6.06.03.01].

Tất cả hồ sơ liên quan đến việc đánh giá quá trình dạy học như: đề cương chi tiết môn học, điểm thành phần từng môn học/học phần của NH,... đều được lưu giữ tại Khoa Sư phạm, Phòng Đào tạo theo đúng quy trình và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Cuối năm học, Trường thực hiện báo cáo tổng kết các hoạt động dạy học, trong đó bao gồm đánh giá kết quả học tập của NH [H4.04.02.06].

Trường và Khoa Sư phạm cũng đã tổ chức các hội thảo khoa học về đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập hàng năm về đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả của NH [H9.09.04.02].

Song song với quá trình dạy học, Trường còn thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ NH về môn học/học phần, trong đó có lấy ý kiến về hoạt động giảng dạy và GV, đánh giá kết quả học tập nhằm giúp cải thiện chất lượng giảng dạy trong Trường [H3.03.02.01]; Thông qua hoạt động đối thoại giữa Hiệu trưởng với HSSV để lắng nghe, giải đáp các thắc mắc cũng như cung cấp thêm các thông tin cần thiết cho NH [H5.05.02.02].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành đầy đủ các quy định về việc đánh giá quá trình dạy học và đánh giá kết quả học tập của NH. Hồ sơ của các quy trình này được lưu giữ đúng quy trình, quy định.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá và rà soát việc đánh giá kết quả học tập của NH, các phương pháp

dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CDR của ngành GDMN chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Phòng Đào tạo và Phòng Khảo thí & ĐBCL cần triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CDR thường xuyên.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Tiêu chí 9.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu mà bất cứ cơ sở giáo dục nào cũng muốn hướng tới trong xu thế hội nhập và cạnh tranh hiện nay là đáp ứng yêu cầu của NH và nâng cao chất lượng phục vụ. Với truyền thống của một trường sư phạm trước đây, Trường CDBT rất chú trọng đến các dịch vụ cho NH để đảm bảo NH nhận được sự hỗ trợ tốt nhất trong thời gian học tập tại Trường.

Trường đã ban hành Quy định Khảo sát các bên có liên quan và Quy trình Lấy ý kiến phản hồi của các bên có liên quan để thu thập các thông tin phản hồi từ NH, NH tốt nghiệp, VC, NLĐ, doanh nghiệp về chất lượng và các hoạt động đào tạo của Trường [H9.09.05.01], [H9.09.05.02]. Hàng năm, Trường đều ban hành kế hoạch khảo sát các bên liên quan về CLĐT, trong đó có hoạt động khảo sát HSSV về môn học, mô – đun, khảo sát HSSV năm cuối về CLĐT, khảo sát HSSV tốt nghiệp về tình hình việc làm [H9.09.05.03]. Đối với từng hoạt động khảo sát, Trường đều lập kế hoạch hoặc thông báo về thời gian, hình thức, nội dung khảo sát cụ thể. Trong hoạt động khảo sát HSSV năm cuối về CLĐT hàng năm đều có nội dung khảo sát về chất lượng các hoạt động của thư viện, phòng thí nghiệm, ký túc xá, các hoạt động đoàn, hoạt động thể dục, thể thao, y tế, hệ thống công nghệ thông tin... cho NH. Hoạt động khảo sát người học về môn học, khảo sát người tốt nghiệp về việc làm đều có nội dung khảo sát về chất lượng môi trường sống và học tập tại trường [H3.03.02.01]. Ngoài ra, thông qua các hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Trường với HSSV hàng năm, Trường thu thập được nhiều ý kiến về nhu cầu, nguyện vọng của NH đối với các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho NH trong quá trình học tập tại Trường [H5.05.02.02].

Sau các đợt khảo sát, Trường tiến hành tổng hợp và đánh giá mức độ hài lòng của NH đối với các dịch vụ của Trường thông qua Báo cáo khảo sát lấy ý kiến phản hồi của HSSV về môn học, mô – đun, Báo cáo khảo sát HSSV năm cuối về CLĐT, Báo cáo khảo sát HSSV tốt nghiệp về việc làm [H3.03.02.01]. Thông qua các biên bản họp đối thoại giữa lãnh đạo Trường với người học, Trường thu thập được các ý kiến của NH về nhu cầu,

nguyện vọng trong các dịch vụ hỗ trợ NH, như: Trường cần cải thiện, bổ sung cơ sở vật chất; nâng cấp điều kiện thực hành, tăng thời lượng hoạt động thực tập, hoạt động đoàn thể, dịch vụ ký túc xá,... [H9.09.05.04]. Qua những ý kiến góp ý của NH, Trường đánh giá được mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ cho HSSV.

Trong các báo cáo khảo sát các bên liên quan về CLĐT, biên bản đối thoại giữa lãnh đạo Trường với đại diện HSSV đều đề xuất các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao mức độ đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ cho NH. Kết quả thực hiện các hoạt động cải tiến được Trường đưa vào đánh giá trong các cuộc họp giao ban, trong Báo cáo tổng kết hoạt động dạy và học và tiếp tục tiến hành thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng các dịch vụ trong thời gian tiếp theo [H9.09.05.05], [H4.04.02.06].

2. Điểm mạnh

Trường xây dựng được quy định và quy trình đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ NH trong quá trình học tập tại Trường, như: Hoạt động đoàn, thể dục, thể thao, y tế,... Trường thực hiện đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ người học bằng nhiều kênh khác nhau: Khảo sát, họp đối thoại,...

Kết quả các cuộc đối thoại, khảo sát giúp Trường đánh giá được mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ cho NH. Các ý kiến được thu thập, phân tích và thực hiện các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động tiện ích và dịch vụ.

3. Điểm tồn tại

Một số nội dung thuộc về dịch vụ hỗ trợ NH chưa được chú trọng tổ chức đánh giá mức độ đáp ứng, như: Công tác tư vấn HSSV, công tác ngoại khoá.

4. Kế hoạch hành động

Trường cần chú trọng tổ chức đánh giá mức độ đáp ứng của một số nội dung thuộc về dịch vụ hỗ trợ NH, như: Công tác tư vấn HSSV, công tác ngoại khoá.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Tiêu chí 9.6: Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT.

1. Mô tả hiện trạng

Việc thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc thiết kế, cải tiến và phát triển CTĐT vì vậy Ban Giám hiệu Trường CDBT thường xuyên quan tâm, chỉ đạo. Trường giao nhiệm vụ liên quan đến công tác khảo sát các bên có liên quan cho Phòng Khảo thí & ĐBCL phụ trách, được thể hiện trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và Quyết định thành lập Phòng Khảo thí & ĐBCL [H1.01.01.02]; [H9.09.01.01]. Hoạt động thu thập ý kiến phản hồi được thực hiện theo Quy

định Khảo sát các bên có liên quan và Quy trình Lấy ý kiến phản hồi của các bên có liên quan về CLĐT. Quy trình khảo sát đảm bảo tính chặt chẽ, hệ thống, nội dung đánh giá luôn được cập nhật, cải tiến để phù hợp với tình hình thực tiễn của Trường [H9.09.05.01], [H9.09.05.02].

Hàng năm, Phòng Khảo thí & ĐBCL phối hợp với các đơn vị trong Trường xây dựng Kế hoạch Khảo sát các bên có liên quan về CLĐT [H9.09.05.03]. Phòng đã phối hợp với các đơn vị để tham mưu ban hành các thông báo, kế hoạch khảo sát và thực hiện các hoạt động: Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về môn học, mô – đun, Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của HSSV năm cuối về CLĐT, Khảo sát việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp, Khảo sát doanh nghiệp về CLĐT, Khảo sát viên chức, người lao động về các hoạt động của Trường theo Kế hoạch Khảo sát các bên có liên quan [H3.03.02.01]. Ngoài ra, Trường còn thu thập thông tin phản hồi thường xuyên thông qua các buổi gặp gỡ, lắng nghe ý kiến của NH trong các hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Trường với HSSV hàng năm [H5.05.02.02]. Kết thúc các đợt khảo sát, Trường lập các báo cáo khảo sát để thu thập các thông tin phản hồi của các bên có liên quan về tính phù hợp, cần thiết của các môn học trong CTĐT, lượng kiến thức, kỹ năng cung cấp cho NH trong chương trình, về chất lượng các CTĐT... Thông qua các phản hồi này, Trường kịp thời nắm bắt những đóng góp cụ thể hơn từ các bên có liên quan làm cơ sở cải tiến và phát triển CTĐT.

Trên cơ sở các báo cáo khảo sát các bên có liên quan, biên bản họp đối thoại giữa Hiệu trưởng với HSSV, các thông tin phản hồi được tổng hợp, đề xuất các biện pháp cải tiến và báo cáo trong các cuộc họp giao ban, trong báo cáo công tác dạy và học của năm học nhằm làm cơ sở để phát triển CTĐT nói riêng và CLĐT của Trường nói chung [H9.09.05.05], [H4.04.02.06]. Trường xây dựng Quy trình Điều chỉnh, bổ sung chương trình khung đào tạo để làm cơ sở thiết kế và phát triển CTĐT [H9.09.06.01]. CTĐT ngành GDMN được ban hành năm 2023 từ khi thành lập Trường và không thực hiện điều chỉnh trong 2 năm học gần đây. Tuy nhiên, trong năm học 2024 – 2025, trên cơ sở các thông tin phản hồi từ các bên có liên quan, Khoa Sư phạm thực hiện điều chỉnh đề cương chi tiết của 23 môn học để giúp CTĐT ngành GDMN ngày càng phù hợp hơn với thực tiễn [H2.02.02.03].

2. Điểm mạnh

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được Trường quan tâm và thực hiện đúng quy định. Hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi của Trường được thiết lập có tính hệ thống, được thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch.

Hoạt động lấy ý kiến phản hồi được thực hiện bằng nhiều kênh khác nhau, được thực hiện thường xuyên và hiệu quả.

Các thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được Trường tổng hợp, phân tích, sử dụng để làm căn cứ cải tiến, phát triển CTĐT.

3. *Điểm tồn tại:* Không có.

4. *Kế hoạch hành động*

Trường cần lập và lưu trữ dữ liệu hằng năm về ý kiến của các bên liên quan (người học, người học đã tốt nghiệp, giảng viên, nhà sử dụng lao động, nhân viên, cán bộ quản lý) trong việc xây dựng và phát triển CTĐT.

5. *Tự đánh giá tiêu chí:* Đ.

Tiêu chí 9.7: Việc thiết kế và phát triển chương trình đào tạo được xác lập, rà soát, đánh giá và cải tiến.

1. *Mô tả hiện trạng*

Căn cứ Luật Giáo dục, các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT, Trường CDBT đã xây dựng Quy trình Xây dựng CTĐT và Quy trình Điều chỉnh CTĐT để đảm bảo các CTĐT của trường được xây dựng và phát triển một cách quy củ, thống nhất [H9.09.07.01]; [H9.09.07.02].

Theo quy định của Hệ thống bảo đảm chất lượng Trường, các tài liệu của hệ thống được thường xuyên rà soát, điều chỉnh để đảm bảo các tài liệu luôn được cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật mới nhất và phù hợp với thực tiễn của Trường. Hàng năm, Trường triển khai thực hiện đánh giá nội bộ Hệ thống bảo đảm chất lượng trong đó có nội dung đánh giá về kết quả thực hiện các quy trình chuyên môn tại các đơn vị [H9.09.01.06].

Ngoài ra, trong quá trình tổ chức thực hiện chương trình, Trường còn tổ chức lấy ý kiến NH năm cuối và NH tốt nghiệp về CTĐT để làm cơ sở điều chỉnh chương trình [H3.03.02.01].

2. *Điểm mạnh*

Quy trình Xây dựng CTĐT và Quy trình Điều chỉnh CTĐT được xây dựng với các bước thực hiện rõ ràng, cụ thể.

3. *Điểm tồn tại:* Không có.

4. *Kế hoạch hành động*

Thường xuyên xem xét tính phù hợp của Quy trình Xây dựng CTĐT và Quy trình Điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với các yêu cầu của thực tiễn.

5. *Tự đánh giá tiêu chí:* Đ.

Kết luận về tiêu chuẩn 9: Công tác bảo đảm và nâng cao CLĐT ngành GDMN được Trường hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực của xã hội và nhà tuyển dụng. Trường đã chú trọng, tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả việc nâng cao CLĐT từ công tác tuyển sinh, đến công tác tổ chức, quản lý NH, đặc

biệt công tác đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập, kiểm tra đánh giá kết quả học tạo, công tác đổi mới nội dung CTĐT, công tác ĐBCL... Bên cạnh đó, việc thu thập các thông tin phản hồi từ NH, GV, nhà tuyển dụng được chú trọng và thực hiện đầy đủ một cách có hệ thống. Các thông tin này là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTĐT. Trường cũng quan tâm rà soát và nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 9: Số tiêu chí đạt: 7/7, tỷ lệ 100%.

Tiêu chuẩn 10: Kết quả đầu ra

Mở đầu: Việc theo dõi kết quả đầu ra, tỉ lệ NH tốt nghiệp, tỉ lệ NH thôi học, tỉ lệ NH tốt nghiệp có việc làm được Trường quan tâm hàng đầu. Hằng năm, Trường đều thống kê tỉ lệ NH tốt nghiệp, tỉ lệ NH thôi học, tỉ lệ NH có việc làm sau tốt nghiệp và mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng để lấy đó làm cơ sở cải tiến CLĐT ngành GDMN. Trường có đơn vị chủ trì được giao nhiệm vụ thực hiện hoạt động khảo sát các bên có liên quan và cũng đã xây dựng được các quy trình, công cụ phục vụ cho hoạt động khảo sát.

Tiêu chí 10.1: Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trong những năm qua, Trường luôn chú trọng triển khai nhiều giải pháp nhằm không ngừng nâng cao và cải tiến CLĐT, trong đó công tác giám sát kết quả đầu ra của NH ở các ngành, đặc biệt là ngành GDMN, được xem là nhiệm vụ trọng tâm. Khoa Sư phạm đã phối hợp chặt chẽ với Phòng Đào tạo, Phòng Công tác Chính trị & Quản lý HSSV, cùng đội ngũ giáo viên chủ nhiệm và giảng viên bộ môn để theo dõi sát sao tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học và kết quả rèn luyện của NH [H10.10.01.01]; [H10.10.01.02].

Trường, đặc biệt là Khoa Sư phạm, luôn đề cao công tác giám sát và cập nhật sĩ số các lớp. Tình hình sĩ số từng lớp được tổng hợp, cập nhật hàng tuần; các trường hợp vắng học hoặc có dấu hiệu bỏ học đều được giáo viên chủ nhiệm quan tâm, tìm hiểu nguyên nhân và tư vấn, động viên kịp thời ngay khi NH nghỉ học trong thời gian ngắn. Đối với những trường hợp NH có ý định thôi học, Phòng Công tác Chính trị & Quản lý HSSV phối hợp cùng Khoa Sư phạm tiến hành theo dõi, tư vấn và hỗ trợ kịp thời trước khi trình Ban Giám hiệu xem xét ban hành quyết định cho thôi học, buộc thôi học. Đối với các trường hợp thôi học hoặc tạm ngừng học, HSSV bắt buộc phải có đơn xin phép, được Ban Giám hiệu phê duyệt, sau đó Phòng Công tác Chính trị & Quản lý HSSV tham mưu ban hành quyết định chính thức và gửi thông báo đến các đơn vị liên quan và lưu trữ đầy đủ, cẩn thận theo quy định [H10.10.01.03]; [H10.10.01.4]; [H10.10.01.05].

Sau mỗi học kỳ, Khoa Sư phạm đều tiến hành đánh giá kết quả học tập của NH để kịp thời đề xuất khen thưởng học bổng khuyến khích học tập, đồng thời lập danh sách cảnh báo học vụ đối với các trường hợp nghỉ học nhiều hoặc nợ môn nhằm giúp NH n điều chỉnh lại tác phong học tập. Trong các báo cáo tổng kết hàng năm, Trường đều thống kê, phân tích số lượng NH thôi học, tốt nghiệp và so sánh với các ngành khác, từ đó đề xuất phương án cải tiến, nâng cao hiệu quả đào tạo [H4.04.02.06].

Nhìn chung, tỷ lệ thôi học của ngành GDMN rất thấp, trong khi tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn (không tính thời gian kéo dài) luôn ở mức cao. Danh sách NH thôi học và tốt nghiệp được cập nhật thường xuyên, đầy đủ và chính xác qua từng năm học.

2. Điểm mạnh

Ý thức học tập của NH các lớp cao đẳng ngành GDMN nhìn chung tốt và có tinh thần tự giác cao. Nhờ được Khoa và các đơn vị chức năng trong Trường giám sát chặt chẽ, tỷ lệ NH bị buộc thôi học rất thấp, trong khi tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn luôn duy trì ở mức cao, phản ánh tính nghiêm túc và hiệu quả trong công tác quản lý, hỗ trợ NH.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn xuất hiện một số trường hợp NH thôi học, chủ yếu rơi vào năm thứ nhất do chưa xác định rõ mục tiêu học tập, hoặc gặp những nguyên nhân khách quan liên quan đến hoàn cảnh cá nhân và gia đình. Tuy nhiên, Trường hiện chưa có nghiên cứu chuyên sâu nhằm phân tích cụ thể nguyên nhân thôi học để làm cơ sở cải tiến CTĐT. Đồng thời, việc đối sánh các chỉ số như tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp với các cơ sở đào tạo khác cũng chưa được thực hiện, dẫn đến hạn chế trong việc đánh giá và nâng cao chất lượng CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Cuối năm học, Phòng Đào tạo phối hợp Phòng Công tác Chính trị & Quản lý HSSV tiếp tục thực hiện giám sát, theo dõi, đối sánh hằng năm về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Tiêu chí 10.2: Tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường CĐBT sau khi được sáp nhập đã thành lập Phòng Khảo thí & ĐBCL nhằm duy trì và đảm bảo CLĐT, nâng cao chất lượng và vị thế của Trường. Phòng Khảo thí & ĐBCL là đơn vị giúp lãnh đạo Trường thực hiện các công tác kiểm định chất lượng, bảo đảm chất lượng theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H9.09.01.01]; [H1.01.01.02].

Một trong những hoạt động đảm bảo chất lượng của Trường là hoạt động khảo sát các bên liên quan về CLĐT, trong đó có nội dung khảo sát NH tốt nghiệp về việc làm, hoạt

động này được tổ chức thực hiện từ nhiều năm qua. Để phát huy hiệu quả của hoạt động khảo sát, Trường đã ban hành Quy định hoạt động khảo sát các bên có liên quan về CLĐT [H9.09.05.01].

Hàng năm, Trường thực hiện báo cáo kết quả khảo sát việc làm của NH tốt nghiệp làm cơ sở dữ liệu cho việc phân tích, đánh giá và cải tiến CLĐT cũng như tìm hiểu, phân tích nguyên nhân NH tốt nghiệp chưa tìm được việc làm [H3.03.02.01]; [H10.10.01.02]. Qua khảo sát việc làm cho thấy, sau tốt nghiệp, NH đều làm việc chủ yếu ở môi trường giáo dục và chủ yếu làm trong môi trường công lập, tư nhân, tư thực và các hệ thống GDMN nước ngoài. Trong báo cáo khảo sát NH tốt nghiệp hàng năm, Trường đều thực hiện đối sánh tỉ lệ có việc làm của ngành GDMN với các ngành khác trong Trường, nhưng chưa tiến hành đối sánh với ngành GDMN của các trường trong nước. Trường cũng chưa sử dụng kết quả khảo sát để đánh giá, dự đoán xu thế về việc làm của ngành này.

Bên cạnh đó, trong quá trình đào tạo, Trường còn có các dữ liệu về hoạt động hợp tác tổ chức cho NH đi thực tế, thực tập tại các cơ sở GDMN trong phạm vi phường Phan Thiết, phường Phú Thủy... trong nhiều năm qua [H4.04.02.03], [H4.04.02.04].

Ngoài ra, hàng năm, Khoa Sư phạm phối hợp Trung tâm Hỗ trợ HSSV cũng đã thực hiện các hoạt động hỗ trợ, tư vấn cho NH tham gia các hoạt động nghề nghiệp và tư vấn việc làm cho các NH chuẩn bị tốt nghiệp tìm được việc làm [H5.05.05.04].

2. Điểm mạnh

Trường có đơn vị chủ trì được giao nhiệm vụ thực hiện hoạt động khảo sát các bên có liên quan nên hoạt động khảo sát NH tốt nghiệp được duy trì, thực hiện trong nhiều năm qua. Trường cũng đã xây dựng được các quy trình, công cụ phục vụ cho hoạt động khảo sát. Hệ thống các quy trình, công cụ được rà soát, cải tiến hàng năm cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

Dữ liệu về việc làm của NH tốt nghiệp được xác lập và lưu giữ hàng năm. Trường luôn thực hiện phân tích, so sánh tỉ lệ có việc làm của NH tốt nghiệp ngành GDMN với các ngành khác trong Trường và so sánh với các khoá tốt nghiệp trước đó

3. Điểm tồn tại: Không có.

4. Kế hoạch hành động

Phòng Khảo thí & ĐBCL tiếp tục nghiên cứu, đẩy mạnh khảo sát bằng nhiều hình thức, cải tiến công cụ khảo sát; Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan trong việc lưu trữ dữ liệu NH (đơn vị công tác) và khảo sát việc làm sau tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Tiêu chí 10.3: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động khảo sát các bên liên quan giữ vai trò quan trọng trong công tác ĐBCL giáo dục, giúp Trường thu thập thông tin thực tiễn, đánh giá hiệu quả quá trình đào tạo, từ đó kịp thời điều chỉnh và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng tốt hơn nhu cầu xã hội.

Nhận thức rõ tầm quan trọng đó, trong những năm qua, Trường đã chú trọng tổ chức và duy trì hoạt động khảo sát các bên liên quan một cách thường xuyên, bài bản. Quy định về hoạt động khảo sát các bên có liên quan đối với CLĐT đã được ban hành [H9.09.05.01]. Hằng năm, căn cứ vào quy định của Trường, Phòng Khảo thí & ĐBCL xây dựng kế hoạch khảo sát với các nhóm đối tượng như: NH tốt nghiệp, đơn vị sử dụng lao động, và các bên có liên quan đến công tác đào tạo [H9.09.05.03].

Các báo cáo khảo sát đều được phân tích và so sánh mức độ hài lòng giữa các ngành nghề, khóa đào tạo và từng năm học. Bên cạnh đó, Trường còn tổ chức khảo sát lấy ý kiến của VC, NLĐ về các quy định liên quan đến công tác giảng dạy, tuyển dụng, đào tạo – bồi dưỡng, đánh giá – phân loại, và bổ nhiệm cán bộ quản lý [H3.03.02.01]. Trên cơ sở kết quả phân tích dữ liệu khảo sát, Trường thực hiện các biện pháp cải tiến phù hợp, điều chỉnh quy trình và biểu mẫu khảo sát theo hướng ngày càng sát thực tế hơn, đồng thời sử dụng kết quả khảo sát như căn cứ quan trọng để cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT.

2. Điểm mạnh

Kết quả khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Trường, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát là cơ sở để Trường và Khoa nâng cao CLĐT.

3. Điểm tồn tại: Không có.

4. Kế hoạch hành động

Phòng Khảo thí & ĐBCL tiếp tục triển khai thực hiện duy trì hoạt động khảo sát các bên liên quan; thống kê tổng hợp về mức độ hài lòng của tất cả các bên có liên quan đến CLĐT.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đ.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10: Trường rất chú trọng quan tâm cập nhật, thống kê tỉ lệ NH thôi học và tốt nghiệp hằng năm. Phòng Công tác Chính trị & Quản lý HSSV đều có văn bản báo cáo hàng năm để có những phản ứng, điều chỉnh kịp thời trong CTĐT. Trường có đơn vị chủ trì được giao nhiệm vụ thực hiện hoạt động khảo sát các bên có liên quan nên hoạt động khảo sát NH tốt nghiệp được duy trì, thực hiện trong nhiều năm qua. Trường cũng đã xây dựng được các quy trình, công cụ phục vụ cho hoạt động khảo sát. Hệ thống các quy trình, công cụ được rà soát, cải tiến hàng năm cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Dữ liệu về việc làm của NH tốt nghiệp được xác lập và lưu giữ hàng năm và có thực hiện

phân tích, so sánh tỉ lệ có việc làm của NH tốt nghiệp ngành GDMN với các ngành khác trong Trường và so sánh với các khoá tốt nghiệp trước đó.

Hiện nay, Trường chưa có báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về việc làm của ngành GDMN, chưa có nghiên cứu chuyên sâu nhằm phân tích cụ thể nguyên nhân thôi học để làm cơ sở cải tiến CTĐT. Đồng thời, việc đối sánh các chỉ số như tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp với các cơ sở đào tạo khác cũng chưa được thực hiện, dẫn đến hạn chế trong việc đánh giá và nâng cao chất lượng CTĐT.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 1: Số tiêu chí đạt: 3/3, tỷ lệ 100%.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Việc đánh giá CTĐT nhằm không ngừng cải tiến CLĐT trên cơ sở đổi mới chương trình, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho NH; nâng cao hiệu quả của hệ thống bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng Trường. Trên cơ sở những nội dung đã trình bày ở phần mô tả, hoạt động của CTĐT đã được phân tích, đánh giá chi tiết theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí. Qua quá trình tự đánh giá, Trường nhận thấy CTĐT ngành GDMN trình độ cao đẳng sau 3 năm hoạt động từ khi sáp nhập Trường có những điểm mạnh chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành GDMN được xác định rõ ràng, phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của Trường, phù hợp với yêu cầu mà Bộ GD&ĐT đặt ra đối với toàn ngành giáo dục, trong đó có bậc mầm non, với mục tiêu giáo dục nghề nghiệp được quy định tại Luật Giáo dục nghề nghiệp hiện hành, phù hợp với thực tiễn giáo dục địa phương. CĐR của CTĐT ngành GDMN phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, yêu cầu đổi mới của giáo dục Việt Nam; được công bố công khai; thực sự có tác dụng chỉ đạo, định hướng công tác đào tạo ngành GDMN trong Trường.

Thứ hai, bản mô tả CTĐT và ĐCCT môn học/học phần ngành GDMN có đầy đủ thông tin ở các bình diện theo yêu cầu, hình thức tường minh, dễ sử dụng, được công khai qua nhiều kênh thông tin khác nhau và sẵn sàng được cập nhật cho tương thích với sự thay đổi của CTĐT.

Thứ ba, CTĐT ngành GDMN của Trường có nội dung được thiết kế gắn với CĐR, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và chức năng, nhiệm vụ của Trường, đồng thời gắn với nhu cầu nguồn nhân lực tại địa phương. CTĐT có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và cân đối giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo sự gắn kết giữa các môn cơ sở và chuyên ngành. CTĐT được xây dựng với sự tham gia của giảng viên, cán bộ quản lý và được định kỳ rà soát, lấy ý kiến để điều chỉnh, bổ sung.

Thứ tư, các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp với mục tiêu giáo dục, CĐR, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, khả năng của người học cũng như cơ sở

vật chất của trường. Các hoạt động dạy học được tổ chức đồng bộ, giúp hình thành và phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết của giáo viên mầm non. Các giảng viên luôn tự bồi dưỡng và được bồi dưỡng về chuyên môn, phương pháp và kỹ thuật dạy học, ứng dụng khoa học, công nghệ để tổ chức hoạt động dạy học và phát triển năng lực nghề nghiệp.

Thứ năm, chính sách tuyển sinh của Trường được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT đồng thời được công khai trên nhiều kênh thông tin và dưới nhiều hình thức khác nhau của Trường và được khai báo công khai trên hệ thống tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT. Người học thuộc đối tượng ưu tiên được đảm bảo các chế độ chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập. Trường có đơn vị trực thuộc chuyên trách các hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học.

Thứ sáu, đánh giá kết quả học tập của người học: Trường đã xây dựng được các quy định và quy trình đánh giá kết quả người học, ngân hàng đề thi và áp dụng thường xuyên trong quá trình đào tạo. Công tác đánh giá kết quả học tập của người học không ngừng được cải tiến theo hướng đa dạng, linh hoạt nhưng nghiêm túc, khách quan, chính xác và phù hợp mục tiêu đào tạo và CĐR. Các quy định về hoạt động đánh giá kết quả của người học được quy định rõ ràng và được thông báo công khai qua nhiều kênh thông tin nhờ đó người học được chủ động thực hiện việc phản hồi khi cần.

Thứ bảy, đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên tham gia CTĐT ngành GDMN trình độ cao đẳng có đủ về số lượng, cơ cấu, có phẩm chất chính trị và trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu của nội dung chương trình, đáp ứng yêu cầu đào tạo. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ được chú trọng. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm được thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy trình và quy định.

Thứ tám, Trường đảm bảo tốt các điều kiện về cơ sở trang thiết bị học tập, cơ sở vật chất, thư viện đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Thư viện có đủ tài liệu, sách, báo, tạp chí thiết yếu để tham khảo và học tập đáp ứng yêu cầu của CTĐT. Có đủ phòng học và diện tích phòng học cho việc dạy và học; có đủ các phòng thực hành và trang thiết bị theo yêu cầu của CTĐT. Trường có Phòng Thực hành mầm non với đầy đủ các thiết bị, đồ dùng giúp tổ chức các hoạt động thực hành cho NH được hiệu quả. Các phòng làm việc được bố trí phù hợp, gần các phòng học tạo thuận tiện cho công tác quản lý và chuyên môn.

Thứ chín, công tác đảm bảo và nâng cao chất lượng được Trường hết sức quan tâm, triển khai nghiêm túc tại các đơn vị thuộc Trường. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá theo quy định để đảm bảo sự tương thích và phù hợp CĐR. Hệ thống bảo đảm chất lượng và quy trình khảo sát lấy ý kiến các bên có

liên quan được duy trì và cải tiến liên tục. Tất cả các cơ sở GDMN được trường liên hệ để NH kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm đều được công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đạt kiểm định định chất lượng giáo dục; có môi trường sư phạm tốt, hoạt động phong trào và chất lượng giáo dục đạt tiêu chuẩn; đội ngũ giáo viên – nhân viên nhiệt tình, có năng lực và nhiều kinh nghiệm để hướng dẫn NH thực hành, thực tập sư phạm; đảm bảo tốt về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học cho NH thực hành, thực tập sư phạm. Trong đó, có nhiều trường mầm non được công nhận đạt chuẩn quốc gia.

Thứ mười, tỷ lệ NH ngành GDMN bị buộc thôi học rất ít, tỷ lệ NH tốt nghiệp đúng thời hạn cao, gần 100% NH ngành GDMN tại Trường đều nhanh chóng tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp và được các đơn vị sử dụng lao động đánh giá với mức hài lòng cao. Dữ liệu về việc làm của HSSV tốt nghiệp được xác lập và lưu giữ hàng năm. Trường luôn thực hiện phân tích, so sánh tỉ lệ có việc làm của HSSV tốt nghiệp ngành GDMN với các ngành khác trong Trường và so sánh với các khoá tốt nghiệp trước đó.

Bên cạnh những điểm mạnh, CTĐT ngành GDMN trình độ cao đẳng của Trường còn một số điểm tồn tại, những vấn đề có thể cải tiến chất lượng trong thời gian tới như sau:

Thứ nhất, việc đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên chưa đồng đều, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm cá nhân; học liệu điện tử và phần mềm mô phỏng nghề nghiệp chưa được cập nhật thường xuyên.

Thứ hai, năm học 2024-2025, Trường đã phát triển hệ thống e-learning. Tuy nhiên, do điều kiện dạy và học trực tiếp của ngành GDMN đang rất thuận lợi nên Khoa và Trường chưa xây dựng hệ thống dạy học trực tuyến dành cho ngành này.

Thứ ba, vẫn còn một số NH chưa chủ động khai thác triệt để thông tin từ hệ thống phần mềm, vẫn phụ thuộc vào thông báo của lớp, chưa thực sự nắm rõ hệ thống văn bản liên quan đến việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập và khiếu nại về kết quả học tập.

Thứ tư, Khoa hiện tại không có giảng viên có trình độ Tiến sĩ, một số bộ môn có số lượng giáo viên ít sẽ không đáp ứng nhu cầu khi có số lượng tuyển sinh nhiều. Công tác tập huấn bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên còn ít, chưa đáp ứng nhu cầu.

Thứ năm, một số cơ sở vật chất còn xuống cấp, chưa đáp ứng với nhu cầu hiện nay nhằm phục vụ luyện tập sức khỏe, vui chơi giải trí cho NH. Mặc dù Trường rất quan tâm, đầu tư cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy và học nhưng do kinh phí còn hạn chế nên việc mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị bổ sung hàng năm còn ít. Tài liệu ngành GDMN hiện rất khó bổ sung do không có tái bản hoặc chỉ lưu hành nội bộ; vì vậy, mặc dù đã nỗ lực tìm

kiểm nguồn tài liệu, khuyến khích nhà giáo biên soạn giáo trình để bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành học nhưng đến nay vẫn còn thiếu một số tài liệu.

Thứ sáu, đội ngũ cán bộ có chuyên môn về ĐBCL của Trường còn thiếu. Trường chưa có viên chức được đào tạo về hoạt động đảm bảo chất lượng, hoạt động kiểm định theo các yêu cầu của Bộ GD&ĐT.

Thứ bảy, việc đối sánh các chỉ số như tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp với các cơ sở đào tạo khác cũng chưa được thực hiện, dẫn đến hạn chế trong việc đánh giá và nâng cao chất lượng CTĐT.

Để nâng cao chất lượng CTĐT ngành GDMN trình độ cao đẳng, Trường CĐBT xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng đối với một số nội dung sau:

(1) Phòng Đào tạo, Khoa Sư phạm và các khoa có liên quan định kỳ phối hợp rà soát, cập nhật mục tiêu của CTĐT để mục tiêu luôn được xác định rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của trường và yêu cầu thực tiễn.

(2) Kịp thời rà soát cập nhật, điều chỉnh bản mô tả CTĐT, khi thực hiện điều chỉnh CTĐT và ĐCCT học và công khai bản mô tả CTĐT trên website kịp thời khi có sự thay đổi, điều chỉnh.

(3) Khoa Sư phạm, các đơn vị liên quan, các tổ chuyên môn tiếp tục xây dựng các hoạt động dạy học, sử dụng phương pháp dạy học đa dạng, hướng dẫn các hoạt động học tập phù hợp giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức, kỹ năng nhằm đạt được CĐR.

(4) Tiếp tục tạo các chương trình tư vấn tuyển sinh để tăng sự quan tâm chú ý của học sinh THPT, THCS đến với Trường.

(5) Trường tăng cường tìm kiếm các nguồn kinh phí hỗ trợ, khuyến khích giảng viên, nhân viên đi học bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

(6) Tiếp tục phối hợp với Khoa, GV chuyên môn trong việc tìm kiếm nguồn tài liệu nhằm khắc phục danh mục tài liệu hiện thiếu đồng thời bổ sung cập nhật những tài liệu đổi mới nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo và phát triển của ngành GDMN của Trường.

(7) Trường quan tâm cử cán bộ, GV tham gia các lớp bồi dưỡng chứng chỉ kiểm định viên kiểm định cơ sở đào tạo và CTĐT do các Trung tâm kiểm định CLGD trong nước tổ chức.

(8) Tiếp tục khảo sát sự hài lòng của NH, NH tốt nghiệp về CLĐT hiệu quả các hoạt động dành cho NH của Trường; Định kỳ tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ NH về nội dung môn học/học phần để có cơ sở điều chỉnh cấu trúc, nội dung CTĐT.

Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT

Tên cơ sở giáo dục: Trường Cao đẳng Bình Thuận

Mã: C47

Tên CTĐT: GIÁO DỤC MẦM NON

Mã CTĐT: 51140201

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn	
	Đ	K	Số tiêu chí Đ	Tỷ lệ số tiêu chí Đ
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1	Đ		3	100%
Tiêu chí 1.2	Đ			
Tiêu chí 1.3	Đ			
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1	Đ		3	100%
Tiêu chí 2.2	Đ			
Tiêu chí 2.3	Đ			
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1	Đ		3	100%
Tiêu chí 3.2	Đ			
Tiêu chí 3.3	Đ			
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1	Đ		3	100%
Tiêu chí 4.2	Đ			
Tiêu chí 4.3	Đ			
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1	Đ		5	100%
Tiêu chí 5.2	Đ			
Tiêu chí 5.3	Đ			
Tiêu chí 5.4	Đ			
Tiêu chí 5.5	Đ			
Tiêu chí 5.6	Đ			
Tiêu chuẩn 6				
Tiêu chí 6.1	Đ		5	100%
Tiêu chí 6.2	Đ			
Tiêu chí 6.3	Đ			
Tiêu chí 6.4	Đ			
Tiêu chí 6.5	Đ			
Tiêu chuẩn 7				
Tiêu chí 7.1	Đ		6	100%
Tiêu chí 7.2	Đ			
Tiêu chí 7.3	Đ			
Tiêu chí 7.4	Đ			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn	
	Đ	K	Số tiêu chí Đ	Tỷ lệ số tiêu chí Đ
Tiêu chí 7.5	Đ			
Tiêu chí 7.6	Đ			
Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 8.1	Đ		4	100%
Tiêu chí 8.2	Đ			
Tiêu chí 8.3	Đ			
Tiêu chí 8.4	Đ			
Tiêu chuẩn 9				
Tiêu chí 9.1	Đ		7	100%
Tiêu chí 9.2	Đ			
Tiêu chí 9.3	Đ			
Tiêu chí 9.4	Đ			
Tiêu chí 9.5	Đ			
Tiêu chí 9.6	Đ			
Tiêu chí 9.7	Đ			
Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 10.1	Đ		3	100%
Tiêu chí 10.2	Đ			
Tiêu chí 10.3	Đ			

Tự đánh giá chương trình đào tạo: Đạt./.

Lâm Đồng, ngày 31 tháng 12 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Huy Sơn

PHẦN IV. PHỤ LỤC**1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT:****CƠ SỞ DỮ LIỆU****KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2025

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Cao đẳng Bình Thuận

Tiếng Anh: Binh Thuan College.

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: Không có

Tiếng Anh: BTC

3. Tên trước đây (nếu có): Không có

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND Tỉnh Lâm Đồng; Bộ Giáo dục & Đào tạo.

5. Địa chỉ:

a) Trụ sở chính: Số 05 đường Tôn Thất Bách, phường Bình Thuận, tỉnh Lâm Đồng.

b) Địa điểm đào tạo:

- Số 205 đường Lê Lợi, phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng;

- Số 38 đường Nguyễn Hội, phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng;

- Số 274 đường Nguyễn Hội, phường Hàm Thắng, tỉnh Lâm Đồng.

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: Phòng Văn thư: (0252)3835324.

E-mail: cdbt@binhthuan.gov.vn Website: www.tcdbt.edu.vn

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): 2023

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2023 - 2026

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I:

- Bachelor: 2023 - 2026

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ)

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Sư phạm

Tiếng Anh: Faculty of Education

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Khoa Sư phạm

Tiếng Anh: Faculty of Education

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt: Không có

Tiếng Anh: Không có

15. Mã CTĐT: 51140201

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Không có

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: 205 Lê Lợi, phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng

18. Số điện thoại liên hệ: 0252.3.835244;

Email: khoasupham@tcdbt.edu.vn ; Website: Không có

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2023

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2023

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2026

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Tiền thân là các Khoa: Khoa Giáo dục tiểu học, Khoa Giáo dục mầm non, Khoa Tự nhiên và Khoa Xã hội của Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Thuận và Khoa Sư Phạm của Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận.

- Được thành lập vào ngày 10/01/2023 theo Quyết định số 15/QĐ-CĐBT về việc thành lập Khoa Sư phạm thuộc trường Cao đẳng Bình Thuận.

- Tổng số chuyên ngành đào tạo: 01 cao đẳng

- Thành tích (chỉ tính từ năm sáp nhập 2023):

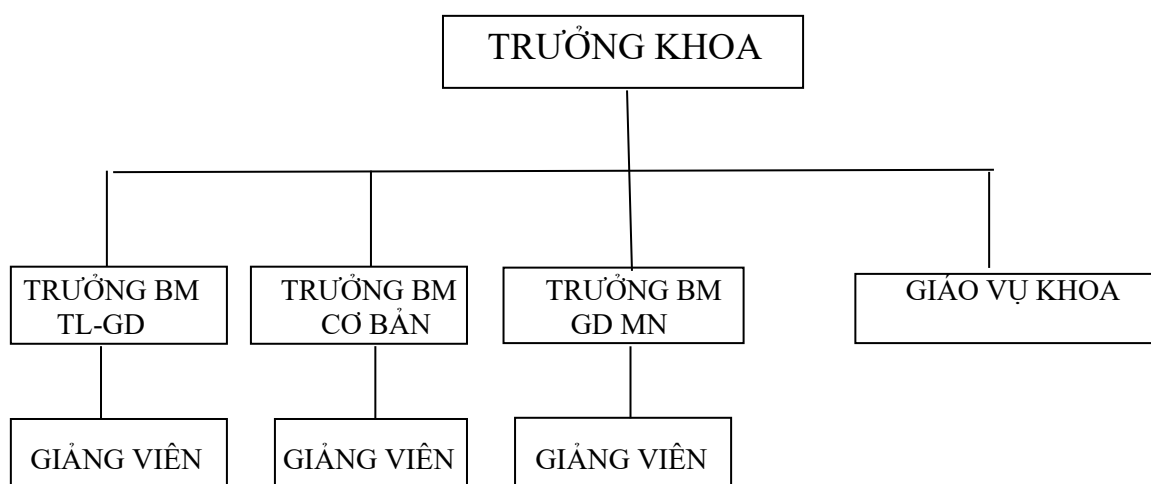
+ Đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc năm 2024.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT:

23.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường:



23.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Khoa Sư phạm



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

của đơn vị thực hiện CTĐT.						
TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
I	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1.	Ban Giám hiệu	Đỗ Huy Sơn	1970	Tiến sĩ, Hiệu trưởng	0903100802	sondh@tcdbt.edu.vn
2.	Ban Giám hiệu	Trương Văn Chính	1965	Th.S, Phó Hiệu trưởng	091806833	chinhvtv@tcdbt.edu.vn
3.	Ban Giám hiệu	Trần Thị Kim Chung	1974	Th.S, Phó Hiệu trưởng	0918022536	chungttk@tcdbt.edu.vn
II	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn					
1.	Đảng bộ	Đỗ Huy Sơn	1970	Bí thư Đảng ủy	0903100802	sondh@tcdbt.edu.vn
2.	Công Đoàn trường	Vũ Quang	1979	Th.S, Chủ tịch CĐ	0908389483	quangv@tcdbt.edu.vn
3.	Đoàn trường	Phan Đình Thông	1990	CN, Bí thư	0382817178	thongpd@tcdbt.edu.vn
III	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT – Khoa Sư phạm					
1	Khoa Sư phạm	Đặng Ngọc Hùng	1968	Th.S, Trưởng khoa	0917485075	hungdn@tcdbt.edu.vn
2		Trương Văn Chính	1965	Th.S, Phó Hiệu trưởng; kiêm phụ trách khoa từ T12/2025	091806833	chinhvtv@tcdbt.edu.vn
IV	Các Khoa, Phòng, Trung tâm					
1.	Phòng TC-HC-TH	Nguyễn Tấn Tự	1979	Th.S, Trưởng phòng	0909126496	tunt@tcdbt.edu.vn
2.	Phòng Tài vụ	Trần Thị Thúy	1972	CN, Trưởng phòng	0919033833	thuytt@tcdbt.edu.vn
3.	Phòng Đào tạo	Nguyễn Văn Hải	1979	Th.S, Trưởng Phòng	0984370742	hainv@tcdbt.edu.vn

4.	Phòng KT và ĐBCL	Tô Thanh Vĩ	1970	CN, Trưởng phòng	0919217637	vitt@tcdbt.edu.vn
5.	Phòng CTCT và QL HSSV	Phạm Hồng Phụng	1985	Th.S, Trưởng phòng	0919004572	phuongph@tcdbt.edu.vn
6.	Phòng NCKH và HTQT	Bùi Lê Cường Quốc	1981	Tiến sĩ, Trưởng phòng	0908472984	quocblc@tcdbt.edu.vn
7.	Khoa KHCB và BMC	Vũ Quang	1979	Th.S, Trưởng Khoa	0908389483	quangv@tcdbt.edu.vn
8.	K. Y - Dược	Lương Nguyên Ân	1969	CKII, Trưởng Khoa	0909977347	anln@tcdbt.edu.vn
9.	Khoa KT- DL- VH	Phạm Thúy Nhược Lan	1973	Th.S, Trưởng Khoa	0989008770	lanptn@tcdbt.edu.vn
10.	Khoa Kỹ thuật	Nguyễn Quốc Thái	1977	Th.S, Trưởng Khoa	0903811213	thainq@tcdbt.edu.vn
11.	TT. NN - TH	Lê Hữu Chính	1977	Th.S, Giám đốc	0916654456	chinhhlh@tcdbt.edu.vn
12.	TT. LK-ĐT-BD	Nguyễn Thái Hùng	1968	CN, Giám đốc	0913173924	hungnt@tcdbt.edu.vn
13.	TT. Thông tin - TV - TB	Đặng Thanh Thùy Hiên	1975	CN, Giám đốc	0984971692	hiendtt@tcdbt.edu.vn
14.	TT. Hỗ trợ HSSV	Nguyễn Thị Ngọc Bích	1983	CN, Phó Giám đốc phụ trách	0975242419	bichntn@tcdbt.edu.vn
V Các bộ môn						
3.	Bộ môn Tâm lý - GD	Đặng Thị Hiệp Định	1972	Th.S, Tổ trưởng	0985569693	dinhdth@tcdbt.edu.vn
4.	Bộ môn cơ bản	Nguyễn Thị Thanh Thiện	1973	Th.S, Tổ trưởng	0834768357	thienntt@tcdbt.edu.vn
5.	Bộ môn GD Mầm non	Huỳnh Thị Yến Ngọc	1972	CN, Tổ trưởng	0797315739	ngochty@tcdbt.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Giáo dục Mầm non.

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 0

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 0

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 01

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): Không có

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☐	☒
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☒
Liên kết đào tạo trong nước	☒	☐

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): Không

32. Tổng số các ngành đào tạo: 01

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu <i>Trong đó:</i>			
I.1	Đội ngũ trong biên chế	2	16	18
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	0	0	0
	Tổng số	2	16	18

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0
5	Thạc sĩ	10	9	0	1	0	0
6	Đại học	7	7	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	17	16	0	1	0	0

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 17 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ								
2	Phó Giáo sư								
3	Tiến sĩ khoa học								
4	Tiến sĩ								
5	Thạc sĩ	1	10	9		1			9.3
6	Đại học	0,3	7	7					2.1
	Tổng		17	16		1			11.4

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0								
2	Phó Giáo sư	0								
3	Tiến sĩ khoa học	0								
4	Tiến sĩ	0								
5	Thạc sĩ	10	58.8%	1	9	0	2	6	2	0
6	Đại học	7	41.2%	1	7	0	1	1	5	0
	Tổng	17	100%	2	16	0	3	7	7	0

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 47.4 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 58.8%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)		
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)		
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng		

V. Người học

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2021-2022	250	290	0.86	290	16,50	16,50	0
2022-2023	228	105	2.17	97	PT1: 20 PT2: 22.45	PT1: 20 PT2: 22.45	0
2023-2024	153	115	1.33	112	PT1: 21.30 PT2: 21.80	PT1: 21.30; PT2: 21.80	0
2024-2025	228	107	2.13	103	PT1: 22.35 PT2: 22.9	PT1: 23.51 PT2: 23.74	0
2025-2026	359	114	3.15	112	PT1: 21.11 PT2: 23.01	PT1: 22.61 PT2: 23.91	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên đại học	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy	567	563	431	306	322
Hệ không chính quy	0	0	0	0	45
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác ...					

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	2880m ²	2880m ²	2880m ²	2880m ²	2880m ²
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	Không có khảo sát				
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	115	147	131	92	109
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	5m ² /người	5m ² /người	5m ² /người	5m ² /người	5m ² /người

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0	0	0	0	0

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	30	57	229	223	95
Trong đó:					
Hệ chính quy	30	57	229	223	95
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp	19	64	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	64	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2021	2022	2023	2024	2025
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	30	57	229	223	95
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	83.3%	87.6%	88%	76.9%	97.9%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	100%	100%	100%	100%	100%
3.2. Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời không học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2021	2022	2023	2024	2025
B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.					
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	95.5%	100%	98.7%	97%	Chưa tới thời điểm báo cáo
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	4.5%	0%	1.3%	3%	
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.		4 triệu	4 triệu	5 triệu	
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	100%	95%	100%	100%	
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).		5%			
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	0,5	2	1	1	2	2	4.0
	Tổng		2	1	1	2	2	4.0

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 4.0

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $4.0/18=0.22$

45. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	20...			
2	20...			
3	20...			
4	20...			
5	20...			

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài			8	
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	8	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2021	2022	2023	2024	2025	
1	Sách chuyên khảo	2,0						
2	Sách giáo trình	1,5						
3	Sách tham khảo	1,0				1		1
4	Sách hướng dẫn	0,5						
	Tổng		0	0	0	1	0	1

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 1

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $1/18=0.06$

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách
---------------	---

	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	1		1	
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia	1	0	1	0

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	0	0	0	0	0
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	0	1	0	2	1	4
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	4	0	0	3	2	4.5
	Tổng		4	1	0	5	3	8.5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 8.5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $8.5/18=0.47$

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo		4	9
Từ 6 đến 10 bài báo			
Từ 11 đến 15 bài báo			
Trên 15 bài báo			
Tổng số cán bộ tham gia			

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2021	2022	2023	2024	2025	
1	Hội thảo quốc tế	1,0						
2	Hội thảo trong nước	0,5						
3	Hội thảo cấp trường	0,25			1	3	2	1,5
	Tổng							

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 1.25

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $1,5/18=0,08$

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	0	6
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	6

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
20...-20...	
20...-20...	
20...-20...	
20...-20...	
20...-20...	

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 91103

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 12105

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 1043 Nơi học: 4670 Nơi vui chơi giải trí: 720

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 742

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: $742/306=2.42$

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện - Thiết bị: 261 tên/2947 bản sách in; 165 file sách số.

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 140

- Dùng cho người học học tập: 388

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 1.3

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 17

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 0%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 58.8%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 322

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 18.9

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 97.9%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 100%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 0

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): > 90%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): < 5%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 5 triệu

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 100

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 0.

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.22

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.06

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.47

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.08

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 1.3

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2.3

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 5

2. Các tư liệu, tài liệu liên quan:

2.1. Các quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH THUẬN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 573 /QĐ-CĐBT Lâm Đồng, ngày 09 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH **Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo** **Ngành Giáo dục Mầm non**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 451/QĐ-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập nguyên trạng Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận, Trường Cao đẳng Y tế Bình Thuận vào Trường Cao đẳng Nghề Bình Thuận và đổi tên thành Trường Cao đẳng Bình Thuận;

Căn cứ Quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 22/7/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc tiếp nhận nguyên trạng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh Bình Thuận và tỉnh Đắk Nông (trước sáp xếp) về thuộc UBND tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05/02/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm;

Căn cứ Công văn số 756/QLCL-KĐCLGD ngày 21/5/2020 của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sử dụng Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm;

Căn cứ Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 717/QĐ-CĐBT ngày 08/9/2023 của Trường Cao đẳng Bình Thuận về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Bình Thuận;

Theo đề nghị của Trường Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng và Trường Khoa Sư phạm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non, Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách giúp

việc cho Hội đồng gồm các ông/bà có tên theo các danh sách (đính kèm).

Điều 2.

Hội đồng Tự đánh giá, Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hướng dẫn tự đánh giá của Cục Quản lý chất lượng và các quy định hiện hành.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng, Trưởng Ban thư ký và Trưởng nhóm phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp, Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trưởng Khoa Sư phạm, trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị trực thuộc trường;
- Lưu: VT, KT&ĐBCLNThủy.



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-CĐBT ngày tháng 9 năm 2025)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Đỗ Huy Sơn	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Trần Thị Kim Chung	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Đặng Ngọc Hùng	Trưởng Khoa Sư phạm	Phó Chủ tịch
4	Tô Thanh Vĩ	Trưởng Phòng Khảo thí & ĐBCL	Thư ký
5	Nguyễn Văn Hải	Trưởng Phòng Đào tạo	Thành viên
6	Đặng Thanh Thùy Hiên	Giám đốc Trung tâm Thông tin - Thư viện - Thiết bị	Thành viên
7	Nguyễn Tấn Tự	Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp	Thành viên
8	Phạm Hồng Phụng	Trưởng Phòng Công tác chính trị & Quản lý HSSV	Thành viên
9	Huỳnh Thị Yến Ngọc	Tổ trưởng Tổ Mầm non	Thành viên
10	Huỳnh Thị Xuân Kiều	Giảng viên Khoa Sư phạm	Thành viên
11	Đỗ Thị Mẫn Hằng	Cựu sinh viên ngành GDMN	Thành viên

(Danh sách gồm có 11 người)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-CĐBT ngày tháng 9 năm 2025)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Tô Thanh Vĩ	Trưởng Phòng Khảo thí & ĐBCL	Trưởng Ban
2	Lê Thanh Cẩm Tú	Phó trưởng Phòng Khảo thí & ĐBCL	Thành viên
3	Nguyễn Thị Ngọc Thuý	Chuyên viên Phòng Khảo thí & ĐBCL	Thành viên
4	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	Chuyên viên Phòng Khảo thí & ĐBCL	Thành viên
5	Nguyễn Thị Thu An	Giáo vụ Khoa Sư phạm	Thành viên

(Danh sách gồm có 05 người)

2.2. Kế hoạch tự đánh giá chất lượng

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH THUẬN

Số: 107 /KH-CĐBT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 18 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH **Tự đánh giá chương trình đào tạo** **ngành Giáo dục Mầm non - Năm 2025**

1. Mục đích tự đánh giá

- Nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo, chương trình đào tạo (CTĐT) và hướng đến đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục CTĐT.

- Thực hiện rà soát, xem xét, đánh giá tổng thể thực trạng CTĐT ngành Giáo dục Mầm non (GDMN); xác định đúng điểm mạnh, điểm tồn tại của CTĐT từ đó đề ra các biện pháp nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT.

- Thực hiện trách nhiệm và cam kết của Trường với các cơ quan quản lý, với xã hội về chất lượng đào tạo; góp phần xây dựng văn hóa chất lượng trong toàn Trường.

2. Phạm vi tự đánh giá

Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDMN năm 2025 theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ngành giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá (TĐG) là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDMN ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT giáo viên và các tài liệu hướng dẫn sau:

- Công văn số 756/QLCL-KĐCLGD ngày 21/05/2020 của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm

- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo.

4. Hội đồng tự đánh giá và phân công thực hiện

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng TĐG CTĐT ngành GDMN được thành lập theo Quyết định số 573/QĐ-CĐBT ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Trường Cao đẳng Bình Thuận, Hội đồng gồm có 11 thành viên, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách.

4.2. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Nhóm thư ký

- Cùng Phòng Khảo thí & ĐBCL giúp Hội đồng TĐG lập kế hoạch TĐG;
- Kiểm tra các thông tin và minh chứng thu thập được; xác định các vấn đề phát sinh, các thông tin, minh chứng cần thu thập bổ sung;
- Tổng hợp, viết dự thảo báo cáo TĐG theo đúng Kế hoạch; Lấy ý kiến các đơn vị liên quan về dự thảo báo cáo, hoàn thiện các báo cáo TĐG sau khi đã lấy ý kiến các đơn vị trong Trường; Báo cáo Hội đồng TĐG thông qua và trình Hiệu trưởng phê duyệt;
- Tổ chức tập huấn (nếu có), hướng dẫn công tác TĐG cho các nhóm công tác chuyên trách;
- Thực hiện những công việc khác liên quan đến hoạt động TĐG do Chủ tịch Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT phân công.
- b) Các nhóm công tác chuyên trách
 - Trưởng nhóm
 - + Tổ chức hoạt động TĐG CTĐT theo đúng yêu cầu theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;
 - + Xây dựng kế hoạch thực hiện và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong nhóm; Theo dõi, đôn đốc, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm;
 - + Chỉ đạo quá trình xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng;
 - + Xem xét minh chứng và báo cáo từng tiêu chí của nhóm mình phụ trách;
 - + Phối hợp Ban thư ký tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết)
 - + Phối hợp Phòng Khảo thí & ĐBCL xây dựng kế hoạch cải tiến sau TĐG chất lượng CTĐT.
 - Các thành viên nhóm
 - + Thực hiện những công việc liên quan đến hoạt động TĐG do trưởng nhóm phân công;
 - + Tiến hành thu thập, xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng theo nội hàm của từng tiêu chí, sắp xếp minh chứng theo thứ tự nội hàm tiêu chí, mã hoá các thông tin và minh chứng thu được;
 - + Tổng hợp các thông tin và minh chứng thu được vào Bảng mã minh chứng;
 - + Phân tích, viết báo cáo vào phiếu đánh giá từng tiêu chí, đánh giá mức độ đạt được, xác định các điểm mạnh, tồn tại và đề xuất kế hoạch cải tiến liên quan đến các tiêu chí phụ trách theo biểu mẫu quy định.
 - + Giúp trưởng nhóm chuyên trách hoàn thiện các báo cáo tiêu chí.
- Phân công thực hiện theo các tiêu chuẩn:

TT	Tiêu chuẩn (Theo Thông tư số 02/2020/TT- BGDDT ngày 05/02/2020)	Nhóm công tác chịu trách nhiệm (Theo QĐ số 573/QĐ-CĐBT ngày 09/9/2025)	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	1, 2, 3, 4	Nhóm 1	22/9-14/11/2025	
2	5, 10	Nhóm 2		
3	6, 9	Nhóm 3		
4	7, 8	Nhóm 4		

5. Kinh phí thực hiện: Theo Quy chế Chi tiêu nội bộ của Trường và quy định liên quan

6. Kế hoạch thu thập thông tin ngoài Trường (nếu có)

Xác định thông tin cần thu thập từ bên ngoài, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có (do các nhóm thực hiện đề xuất chi tiết).

7. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bằng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

8. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 1 Từ 08/9- 12/9/2025	1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG. 2. Phòng Khảo thí & ĐBCL dự thảo kế hoạch TĐG.
Tuần 2 Từ 15/9- 19/9/2025	1. Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Ban hành kế hoạch TĐG.
Tuần 3-6 Từ 22/9 - 17/10/2025	1. Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Phân tích thông tin và minh chứng thu được.

Thời gian	Nội dung hoạt động
	5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 7-10 Từ 17/10-14/11/2025	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 11 Từ 17/11-21/11/2025	1. Hội đồng TĐG CTĐT: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; 2. Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.
Tuần 12-13 Từ 24/11-05/12/2025	1. Hội đồng TĐG xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng TĐG cùng với các bộ môn, phòng, ban,... thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
Tuần 14-15 Từ 08/12-19/12/2025	1. Công bố bản báo cáo TĐG trong nội bộ Trường. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG.
Tuần 16 Từ 22/12-26/12/2025	1. Hội đồng TĐG tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện. 2. Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo TĐG cho Trường Khoa Sư phạm và Hiệu trưởng để xem xét. 3. Hoàn thiện báo cáo TĐG.
Tuần 17 Từ 29/12-02/01/2026	1. Trường gửi báo cáo TĐG và công văn cho Sở Giáo dục & Đào tạo và Bộ Giáo dục & Đào tạo. 2. Lưu báo cáo TĐG và thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo TĐG.

9. Tổ chức thực hiện

9.1. Hội đồng tự đánh giá

5

- Giúp Hiệu trưởng thực hiện TĐG chất lượng CTĐT ngành GDMN.
- Đơn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch TĐG.
- Thực hiện các nội dung hoạt động, thông qua báo cáo TĐG và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng.

9.2. Phòng Khảo thí & ĐBCL

- Tham mưu kế hoạch TĐG.
- Là đơn vị thường trực; giúp Hiệu trưởng, Hội đồng TĐG theo dõi, giám sát và hướng dẫn việc thực hiện kế hoạch này.
- Phối hợp các đơn vị có liên quan xây dựng cải tiến, nâng cao chất lượng sau TĐG.

9.3. Khoa Sư phạm và các đơn vị liên quan thuộc Trường

- Cung cấp thông tin, minh chứng phục vụ công tác TĐG theo yêu cầu.
- Thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng có liên quan đến nhiệm vụ và chức năng của đơn vị mình theo yêu cầu của bộ tiêu chuẩn/tiêu chí TĐG.

Đề nghị Trường các đơn vị trực thuộc Trường, Hội đồng TĐG, Ban Thư ký, cá nhân và nhóm công tác liên quan, triển khai thực hiện nghiêm túc kế hoạch này. Quá trình triển khai, nếu có vướng mắc, báo cáo Ban Giám hiệu (thông qua Phòng Khảo thí & ĐBCL) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Hội đồng TĐG;
- Lưu: VT, KT&ĐBCL. NThúy.



3. Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình TĐG và viết báo cáo TĐG

Tiêu chí	STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện
Tiêu chuẩn 1					
Tiêu chí 1.1	1	H1.01.01.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành cao đẳng, trung cấp+ chương trình đào tạo ngành GDMN, áp dụng từ K23	Quyết định số 545/QĐ-CĐBT ngày 11/7/2023	Trường CĐBT
	2	H1.01.01.02	Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐCD Bình Thuận	Quyết định số 717/QĐ-CĐBT ngày 08/9/2023	Trường CĐBT
	3	H1.01.01.03	Quyết định về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội		
	4	H1.01.01.04	Website Trường	https://tcdbt.edu.vn/	
Tiêu chí 1.2	1	H1.01.02.01	Chuẩn đầu ra ngành Giáo dục mầm non áp dụng từ K23	Quyết định số 353/QĐ-CĐBT ngày 05/5/2023	Trường CĐBT
	2	H1.01.02.02	Chuẩn đầu ra chuyên ngành GDMN áp dụng từ K21 trở về trước	Quyết định số 1357/QĐ-CĐCD ngày 12/10/2021	Trường CĐCD BT
	3	H1.01.02.03	Bản tổng hợp ý kiến góp ý về Chuẩn đầu ra từ K23	Tổng hợp ngày 16/10/2023	Khoa Sư phạm
	4	H1.01.01.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành cao đẳng, trung cấp+ chương trình đào tạo ngành GDMN, áp dụng từ K23	Quyết định số 545/QĐ-CĐBT ngày 11/7/2023	Trường CĐBT

Tiêu chí 1.3	1	H1.01.02.01	Chuẩn đầu ra ngành Giáo dục mầm non áp dụng từ K23	Quyết định số 353/QĐ-CĐBT ngày 05/5/2023	Trường CĐBT
	2	H1.01.01.04	Website Trường	https://tcdbt.edu.vn/	
	3	H1.01.02.02	Chuẩn đầu ra chuyên ngành GDMN áp dụng từ K21 trở về trước	Quyết định số 1357/QĐ-CĐCĐ ngày 12/10/2021	Trường CĐCĐ BT
	4	H1.01.02.03	Bản tổng hợp ý kiến góp ý về Chuẩn đầu ra từ K23	Tổng hợp ngày 16/10/2023	Khoa Sư phạm
	5	H1.01.03.01	Sổ hợp của Khoa Sư phạm	Từ tháng 7/2023 đến thời điểm đánh giá	Khoa Sư phạm
Tiêu chuẩn 2					
Tiêu chí 2.1	1	H2.02.01.01	Bản mô tả chương trình đào tạo chuyên ngành GDMN áp dụng từ K23	Quyết định số 858/QĐ-CĐBT ngày 19/10/2023	Trường CĐBT
	2	H2.02.01.02	Bản tổng hợp ý kiến góp ý bản mô tả chương trình đào tạo chuyên ngành GDMN áp dụng từ K23	Tháng 10/2023	Khoa Sư phạm
	3	H1.01.01.04	Website Trường	https://tcdbt.edu.vn/	
Tiêu chí 2.2	1	H2.02.02.01	Mẫu đề cương chi tiết môn học áp dụng từ K20 đến K22	Tháng 8/2020	Trường CĐBT
	2	H2.02.02.02	Mẫu đề cương chi tiết môn học áp dụng từ K23	Tháng 8/2023	Trường CĐBT
	3	H1.01.01.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành cao đẳng, trung cấp+ chương trình đào tạo ngành GDMN, áp dụng từ K23	Quyết định số 545/QĐ-CĐBT ngày 11/7/2023	Trường CĐBT

	4	H2.02.02.03	File nén các đề cương chi tiết môn học của K23 đã được duyệt tính đến thời điểm đánh giá	Tổng hợp từ tháng 12/2024 đến thời điểm đánh giá	Khoa Sư phạm, Phòng ĐT
Tiêu chí 2.3	1	H2.02.01.01	Bản mô tả chương trình đào tạo chuyên ngành GDMN áp dụng từ K23	Quyết định số 858/QĐ-CĐBT ngày 19/10/2023	Trường CĐBT
	2	H2.02.02.03	File nén các đề cương chi tiết môn học của K23 đã được duyệt tính đến thời điểm đánh giá	Tổng hợp từ tháng 12/2024 đến thời điểm đánh giá	Khoa Sư phạm, Phòng ĐT
	3	H1.01.01.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành cao đẳng, trung cấp+ chương trình đào tạo ngành GDMN, áp dụng từ K23	Quyết định số 545/QĐ-CĐBT ngày 11/7/2023	Trường CĐBT
Tiêu chuẩn 3					
Tiêu chí 3.1	1	H1.01.01.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành cao đẳng, trung cấp+ chương trình đào tạo ngành GDMN, áp dụng từ K23	Quyết định số 545/QĐ-CĐBT ngày 11/7/2023	Trường CĐBT
	2	H1.01.02.03	Bản tổng hợp ý kiến góp ý về Chuẩn đầu ra từ K23	Tổng hợp ngày 16/10/2023	Khoa Sư phạm
	3	H2.02.01.01	Bản mô tả chương trình đào tạo chuyên ngành GDMN áp dụng từ K23	Quyết định số 858/QĐ-CĐBT ngày 19/10/2023	Trường CĐBT
	4	H1.01.02.02	Chuẩn đầu ra chuyên ngành GDMN áp dụng từ K21 trở về trước	Quyết định số 1357/QĐ-CĐCĐ ngày 12/10/2021	Trường CĐCĐ BT
Tiêu chí 3.2	1	H2.02.01.01	Bản mô tả chương trình đào tạo chuyên ngành GDMN áp dụng từ K23	Quyết định số 858/QĐ-CĐBT ngày 19/10/2023	Trường CĐBT

	2	H2.02.01.02	Bản tổng hợp ý kiến góp ý bản mô tả chương trình đào tạo chuyên ngành GDMN áp dụng từ K23	Tháng 10/2023	Khoa Sư phạm
	3	H2.02.02.03	File nén các đề cương chi tiết môn học của K23 đã được duyệt tính đến thời điểm đánh giá	Tổng hợp từ tháng 12/2024 đến thời điểm đánh giá	Khoa Sư phạm, Phòng ĐT
	4	H3.03.02.01	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026		Phòng Khảo thí & ĐBCL
Tiêu chí 3.3	1	H1.01.01.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành cao đẳng, trung cấp+ chương trình đào tạo ngành GDMN, áp dụng từ K23	Quyết định số 545/QĐ-CĐBT ngày 11/7/2023	Trường CĐBT
	1	H2.02.02.03	File nén các đề cương chi tiết môn học của K23 đã được duyệt tính đến thời điểm đánh giá	Tổng hợp từ tháng 12/2024 đến thời điểm đánh giá	Khoa Sư phạm, Phòng ĐT
	2	H2.02.01.02	Bản tổng hợp ý kiến góp ý bản mô tả chương trình đào tạo chuyên ngành GDMN áp dụng từ K23	Tháng 10/2023	Khoa Sư phạm
	3	H1.01.03.01	Sổ hợp của Khoa Sư phạm	Từ tháng 7/2023 đến thời điểm đánh giá	Khoa Sư phạm
	4	H3.03.02.01	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các		Phòng Khảo thí & ĐBCL

			bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026		
Tiêu chuẩn 4					
Tiêu chí 4.1	1	H2.02.01.01	Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non.	Quyết định số 858/QĐ-CĐBT ngày 19/10/2023	Trường CĐBT
	2	H1.01.01.04	Website Trường	https://tcdbt.edu.vn/	
	3	H4.04.01.01	Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân – HSSV – Năm học 2025- 2026	Kế hoạch 84/KH-CĐBT ngày 18/ 8/ 2025	Trường CĐBT
	4	H3.03.02.01	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026		Phòng Khảo thí & ĐBCL
Tiêu chí 4.2	1	H1.01.02.01	Chuẩn đầu ra ngành Giáo dục mầm non áp dụng từ K23	Quyết định số 353/QĐ-CĐBT ngày 05/5/2023	Trường CĐBT
	2	H4.04.02.01	Hội đồng Khoa học và Đào tạo thẩm định chương trình đào tạo ngành GDMN, trình độ Cao đẳng, hệ chính quy	Quyết định 378/QĐ-CĐBT ngày 19/5/2023	Trường CĐBT
	3	H4.04.02.02	Thông báo kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo thẩm định chương trình và đào tạo ngành GDMN, trình độ Cao đẳng, hệ chính quy	Thông báo số 162/TB-CĐBT ngày 14/6/2023	Trường CĐBT
	4	H1.01.01.01	Ban hành CTĐT các ngành nghề trình độ cao đẳng, trung cấp hệ chính quy + Chương trình đào tạo	Quyết định số 545/QĐ-CĐBT ngày 11/7/2023	Trường CĐBT

	5	H2.02.02.03	File nén các đề cương chi tiết môn học của K23 đã được duyệt tính đến thời điểm đánh giá	Tổng hợp từ tháng 12/2024 đến thời điểm đánh giá	Khoa Sư phạm, Phòng ĐT
	6	H4.04.02.03	Kế hoạch thực tập sư phạm năm thứ 2 ngành GDMN trình độ cao đẳng, hệ chính quy Năm học 2024 - 2025	Kế hoạch số 154/KH-CĐBT ngày 27/11/2024	Trường CĐBT
	7	H4.04.02.04	Kế hoạch thực tập sư phạm năm thứ 3 ngành GDMN trình độ cao đẳng, hệ chính quy Năm học 2024 - 2025	Kế hoạch số 155/KH-CĐBT ngày 27/11/2024	Trường CĐBT
	8	H4.04.02.05	Báo cáo tổng hợp kết quả thực tập tốt nghiệp ngành GDMN năm học 2024-2025	Báo cáo số 51/BC-CĐBT ngày 17/6/2025	Trường CĐBT
	9	H4.04.02.06	Báo cáo hoạt động tổng kết dạy và học năm học 2024-2025	Báo cáo số 90/BC-CĐBT ngày 23/10/2025	Trường CĐBT
	10	H4.04.02.07	Kỷ yếu Hội thảo khoa Sư phạm năm học 2022-2023, 2024-2025		Khoa Sư phạm
	11	H3.03.02.01	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026		Phòng Khảo thí & ĐBCL
Tiêu chí 4.3	1	H2.02.01.01	Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non.	Quyết định số 858/QĐ-CĐBT ngày 19/10/2023	Trường CĐBT
	2	H1.01.01.01	Quyết định ban hành CTĐT các ngành nghề trình độ cao đẳng, trung cấp hệ chính quy + Chương trình đào tạo	Quyết định số 545/QĐ-CĐBT ngày 11/7/2023	Trường CĐBT

	3	H4.04.03.01	Hồ sơ đánh giá xếp loại chất lượng VC, NLD năm 2025		Phòng TCHCTH
	4	H4.04.02.07	Kỷ yếu Hội thảo khoa Sư phạm		Khoa Sư phạm
	5	H4.04.03.02	Quy định đánh giá các nội dung thực tập sư phạm tại cơ sở thực tập đối với ngành sư phạm, bậc cao đẳng, hệ chính quy	Quyết định số 688/QĐ-CĐBT, ngày 09/10/2025	Trường CĐBT
	6	H4.04.01.01	Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân – HSSV – Năm học 2025- 2026	Kế hoạch 84/KH-CĐBT ngày 18/8/2025	Trường CĐBT
	7	H4.04.03.03	Cổng thông tin học tập trực tuyến E-learning		
	8	H3.03.02.01	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026		Phòng Khảo thí & ĐBCL
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1	1	H5.05.01.01	Quyết định ban hành Quy chế Tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành GDMN của Trường CĐBT	Quyết định số 207/QĐ-CĐBT ngày 21/03/2023	Trường CĐBT
	2	H5.05.01.02	Quy chế thi tuyển sinh năng khiếu	Quyết định số 372/QĐ-CĐBT ngày 17/5/2023	Trường CĐBT
	3	H5.05.01.03	Quyết định Ban hành Thông tin tuyển sinh năm 2025 ngành GDMN, trình độ cao đẳng, hình thức đào tạo chính quy	Quyết định số 335/QĐ-CĐBT ngày 13/6/2025	Trường CĐBT
	4	H5.05.01.04	Kế hoạch tuyển sinh ngành GDMN_Năm 2025	Kế hoạch số 66/KH-CĐBT ngày 11/6/2025	Trường CĐBT

	5	H5.05.01.05	Thông báo Tuyển sinh ngành GDMN 2025	Thông báo số 154/CĐBT-HĐTS ngày 10/7/2025	Trường CĐBT
	6	H5.05.01.06	Thông báo Thi tuyển sinh môn năng khiếu ngành GDMN, trình độ cao đẳng, hệ chính quy, năm 202	Thông báo số 155/TB-HĐTS ngày 10/7/2025	Phòng Khảo thí & ĐBCL
	7	H5.05.01.07	Thông kê kết quả tuyển sinh	Danh sách đủ điều kiện dự thi năng khiếu	Phòng Đào tạo
	8	H5.05.01.08	Quyết định Công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển nhập học Ngành GDMN - Cao đẳng chính quy - Năm 2025	Quyết định số 657/QĐ-CĐBT ngày 02/10/2025	Trường CĐBT
	9	H5.05.01.09	Tờ rơi tuyển sinh		Phòng Đào tạo
	10	H1.01.01.04	Website Trường	https://tcdbt.edu.vn/	
	11	H5.05.01.10	Địa chỉ fangage để người học liên hệ thắc mắc, kiến nghị	Trang fanpage TruongCaoDangBinhThuan	Trường CĐBT
Tiêu chí 5.2	1	H5.05.02.01	Tài liệu Tuần sinh hoạt công dân – HSSV năm học 2025-2026	https://drive.google.com/drive/folders/1ssFFDGDsofd8C7DhPSKbLMNG6LtkUmMu	Phòng CTCT& QLHSSV
	2	H1.01.01.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành cao đẳng, trung cấp chương trình đào tạo ngành GDMN, áp dụng từ K23	Quyết định số 545/QĐ-CĐBT ngày 11/7/2023	Trường CĐBT
	3	H1.01.02.02	Chuẩn đầu ra ngành GDMN áp dụng từ K23	Quyết định số 353/QĐ-CĐBT ngày 05/5/2023	Trường CĐBT

	4	H1.01.01.04	Website Trường	https://tcdbt.edu.vn/	
	5	H2.02.02.03	File nén các đề cương chi tiết môn học của K23 đã được duyệt tính đến thời điểm đánh giá	Tổng hợp từ tháng 12/2024 đến thời điểm đánh giá	Khoa Sư phạm, Phòng ĐT
	6	H5.05.02.03	Biên bản sinh hoạt chủ nhiệm		Phòng CTCT& HSSV
	7	H5.05.02.02	Kế hoạch Tổ chức đối thoại giữa Hiệu trưởng với HSSV, NH 2025-2026	Kế hoạch số 128/KH-CĐBT ngày 31/10/2025	Trường CĐBT
	8	H3.03.02.01	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026		Phòng Khảo thí & ĐBCL
Tiêu chí 5.3	1	H5.05.01.01	Quyết định ban hành Quy chế Tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành GDMN của Trường CĐBT	Quyết định số 207/QĐ-CĐBT ngày 21/03/2023	Trường CĐBT
	2	H5.05.01.03	Quyết định Ban hành Thông tin tuyển sinh năm 2025 ngành GDMN, trình độ cao đẳng, hình thức đào tạo chính quy	Quyết định số 335/QĐ-CĐBT ngày 13/6/2025	Trường CĐBT
	3	H5.05.01.04	Kế hoạch tuyển sinh ngành GDMN_Năm 2025	Kế hoạch số 66/KH-CĐBT ngày ngày 11/6/2025	Phòng Đào tạo
	4	H5.05.01.08	Quyết định Công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển nhập học ngành GDMN - Cao đẳng chính quy - Năm 2025	Quyết định số 657/QĐ-CĐBT ngày 02/10/2025	Trường CĐBT
	5	H1.01.01.04	Website Trường	https://tcdbt.edu.vn/	

	6	H5.05.01.09	Tờ rơi tuyển sinh		Phòng Đào tạo
	7	H5.05.03.01	Quyết định thành lập Hội đồng xét miễn, giảm học phí; học bổng và các chế độ, chính sách cho HSSV trường CĐBT	666/QĐ-CĐBT ngày 03/10/2025	Trường CĐBT
	8	H5.05.03.02	Hồ sơ thanh tra công tác tuyển sinh năm 2024		Phòng Khảo thí&ĐBCL
Tiêu chí 5.4	1	H5.05.04.01	Quyết định về việc công nhận học sinh, sinh viên được hưởng Trợ cấp xã hội năm 2025 (Đợt 1), từ tháng 01-06/2025	Quyết định số 324/QĐ-CĐBT ngày 10/6/2025	Trường CĐBT
	2	H5.05.04.02	Quyết định về việc công nhận học sinh, sinh viên được hưởng Chính sách nội trú năm 2025 (Đợt 1), từ tháng 01-06/2025	Quyết định số 325/QĐ-CĐBT ngày 10/6/2025	Trường CĐBT
	3	H5.05.04.03	Hướng dẫn về các chế độ, chính sách đối với HSSV	Hướng dẫn số 18/HD-CTSV ngày 22/8/2025	Phòng CTCT&QLHSSV
	4	H5.05.04.04	Hướng dẫn về các chế độ, chính sách đối với HSSV (cập nhật)	Hướng dẫn số 21/HD-CTSV ngày 19/9/2025	Phòng CTCT&QLHSSV
	5	H4.04.01.01	Kế hoạch tổ chức Tuần sinh hoạt công dân – HSSV năm học 2025-2026	Kế hoạch số 84/KH-CĐBT ngày 18/8/2025	Trường CĐBT
	6	H5.05.02.01	Tài liệu Tuần sinh hoạt công dân – HSSV năm học 2025-2026	https://drive.google.com/drive/folders/1ssFFDGDsofd8C7DhPSKbLMNG6LtkUmMu	Phòng CTCT&QLHSSV
	7	H5.05.04.05	Địa chỉ hộp thư người học liên hệ thắc mắc, kiến nghị	https://tcdbt.edu.vn/lien-he.html	Trường CĐBT

	8	H5.05.01.10	Địa chỉ fangage để người học liên hệ thắc mắc, kiến nghị	Trang fanpage TruongCaoDangBinhThuan	Trường CĐBT
	9	H5.05.02.03	Kế hoạch Tổ chức đối thoại giữa Hiệu trưởng với HSSV, NH 2025-2026	Kế hoạch số 128/KH-CĐBT ngày 31/10/2025	Trường CĐBT
	10	H5.05.04.07	Quy trình giải quyết chế độ chính sách cho HSSV	QTCĐCSHSSV_34_P.CT HSSV	Phòng CTCT& QLHSSV
	11	H5.05.03.01	Quyết định thành lập Hội đồng xét miễn, giảm học phí; học bổng và các chế độ, chính sách cho HSSV trường CĐBT	Quyết định số 666/QĐ-CĐBT ngày 03/10/2025	Trường CĐBT
Tiêu chí 5.5	1	H1.01.01.02	Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐBT	Quyết định số 717/QĐ-CĐBT ngày 08/9/2023	Trường CĐBT
	2	H5.05.05.01	Quyết định thành lập Trung tâm Hỗ trợ HSSV	Quyết định số 18/QĐ-CĐBT ngày 10/01/2023	Trường CĐBT
	3	H5.05.05.02	Kế hoạch tổ chức các hoạt động tư vấn, hỗ trợ kỹ năng cho HSSV năm học 2025-2026	Kế hoạch số 80/KH-CĐBT ngày 01/8/2025	Trường CĐBT
	4	H5.05.05.03	Thông báo Tổ chức chương trình tư vấn Chuyên đề “Kỹ năng vượt qua áp lực trong học tập” cho học sinh, sinh viên	Thông báo số 33/TB-CĐBT ngày 17/02/2025	Trường CĐBT
	5	H5.05.05.04	Kế hoạch Tổ chức “Ngày hội việc làm” năm 2025	Kế hoạch số 42/KH-CĐBT ngày 04/4/2025	Trường CĐBT
	6	H5.05.05.05	Thông báo Tổ chức chương trình tư vấn “Kỹ năng khởi nghiệp theo mô hình Hợp tác xã” và “Chuyển đổi số, ứng dụng chuyển	Thông báo số 70/TB-CĐBT ngày 28/3/2025	Trường CĐBT

			đổi số trong học tập, khởi nghiệp” cho học sinh, sinh viên		
	7	H5.05.05.06	Thông báo Tổ chức chương trình tư vấn “Kỹ năng tự vệ bản thân, tuyên truyền phòng chống bạo lực học đường” năm học 2025 - 2026	Thông báo số 110/TB-CĐBT ngày 19/9/2025	Trường CĐBT
	8	H5.05.05.07	Thông báo Tổ chức chương trình tư vấn “Kỹ năng tiếp nhận công nghệ mới và ứng dụng công nghệ AI trong học tập, làm việc nhóm” cho học sinh, sinh viên	Thông báo số 251/TB-CĐBT ngày 03/10/2025	Trường CĐBT
	9	H5.05.05.08	Tin bài hoạt động ngoại khóa	https://tcdbt.edu.vn/the-loai/tin-hoat-dong-sinh-vien-4174.html	Trung tâm TVHSSV
	10	H5.05.05.09	Quy định công tác giáo viên chủ nhiệm	Quyết định số 719/QĐ-CĐBT ngày 11/9/2023	Trường CĐBT
	11	H5.05.05.10	Hướng dẫn sinh hoạt chủ nhiệm		Phòng CTCT& QLHSSV
	12	H5.05.05.11	Báo cáo sinh hoạt chủ nhiệm		Phòng CTCT& QLHSSV
	13	H3.03.02.01	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026		Phòng Khảo thí & ĐBCL
Tiêu chí 5.6	1	H5.05.06.01	Bản thống kê diện tích toàn Trường		Phòng TCHCTH
	2	H5.05.06.02	Bản thiết kế, xây dựng phòng ở Ký túc xá		Phòng TCHCTH

	3	H5.05.06.03	Hình ảnh Phòng Thực hành Mầm non sau nâng cấp		Khoa Sư phạm
	4	H5.05.05.02	Kế hoạch tổ chức các hoạt động tư vấn, hỗ trợ kỹ năng cho HSSV năm học 2025-2026	Kế hoạch số 80/KH-CĐBT ngày 01/8/2025	Trường CĐBT
	5	H5.05.05.08	Tin bài hoạt động ngoại khóa	https://tcdbt.edu.vn/the-loai/tin-hoat-dong-sinh-vien-4174.html	Trung tâm TVHSSV
	6	H5.05.06.04	Kế hoạch Tổ chức khám sức khoẻ đầu khoá cho HSSV năm thứ nhất_NH 2025-2026	Kế hoạch số 118/KH-CĐBT ngày 08/10/2025	Trường CĐBT
	7	H5.05.06.05	Các văn bản về công tác PCCC		Phòng TCHCTH
	8	H5.05.06.06	Tin bài buổi đối thoại giữa Hiệu trưởng với HSSV, NH 2025-2026		Phòng CTCT &QLHSSV
	9	H3.03.02.01	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026		Phòng Khảo thí & ĐBCL
Tiêu chuẩn 6					
Tiêu chí 6.1	1	H6.06.01.01	Quy chế về tổ chức kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô - đun trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ; thi các môn văn hoá THPT của Trường CĐBT.	Quyết định số 939/QĐ-CĐBT ngày 21/10/2024	Trường CĐBT

	2	H6.06.01.02	Quy trình Tổ chức thi	QTTCT_13_P.KTh, ngày 15/04/2025	Phòng Khảo thí & ĐBCL.
	3	H6.06.01.03	Quy trình Đánh giá kết quả học tập của HSSV	QTĐGKQHT_09_P.ĐT, ngày 31/7/2023	Phòng Đào tạo
	4	H2.02.01.01	Bản mô tả chương trình đào tạo chuyên ngành GDMN áp dụng từ K23	Quyết định số 858/QĐ-CĐBT ngày 19/10/2023	Trường CĐBT
	5	H2.02.02.03	File nén các đề cương chi tiết môn học của K23 đã được duyệt tính đến thời điểm đánh giá	Tổng hợp từ tháng 12/2024 đến thời điểm đánh giá	Khoa Sư phạm, Phòng ĐT
	6	H3.03.02.01	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026		Phòng Khảo thí & ĐBCL
Tiêu chí 6.2	1	H6.06.02.01	Quyết định Ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành GDMN theo tín chỉ	Quyết định số 467/QĐ-CĐBT, ngày 19/6/2023	Trường CĐBT
	2	H6.06.01.01	Quy chế về tổ chức kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô-đun trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; thi các môn văn hoá THPT của Trường CĐBT.	Quyết định số 939/QĐ-CĐBT ngày 21/10/2024	Trường CĐBT
	3	H5.05.01.01	Quyết định ban hành Quy chế Tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành GDMN của Trường CĐBT.	Quyết định số 207/QĐ-CĐBT ngày 21/03/2023	Trường CĐBT

	4	H2.02.01.01	Bản mô tả chương trình đào tạo chuyên ngành GDMN áp dụng từ K23	Quyết định số 858/QĐ-CĐBT ngày 19/10/2023	Trường CĐBT
	5	H2.02.02.03	File nén các đề cương chi tiết môn học của K23 đã được duyệt	Tổng hợp ĐCCT các môn học	Phòng Đào tạo; Khoa Sư phạm
	6	H6.06.02.02	Thông báo về việc xây dựng ngân hàng đề thi và đẩy mạnh hình thức thi trắc nghiệm trên máy năm học 2025-2026	Thông báo số 224/TB-CĐBT, ngày 9/9/2025	Trường CĐBT
	7	H6.06.01.02	Quy trình Tổ chức thi	QTTCT_13_P.KTh, ngày 15/04/2025	Phòng Khảo thí & ĐBCL
	8	H6.06.01.03	Quy trình Đánh giá kết quả học tập của HSSV	QTĐGKQHT_09_P.ĐT, ngày 31/7/2023	Phòng Đào tạo
	9	H6.06.02.03	Kế hoạch xét công nhận tốt nghiệp và hoàn thành khối kiến thức văn hóa trung học phổ thông – Năm 2025	Kế hoạch số 140/KH-CĐBT ngày 14/10/2025	Trường CĐBT
	10	H1.01.01.04	Website Trường	https://tcdbt.edu.vn/	
	11	H6.06.02.04	Sổ tay HSSV năm học 2025-2026	09/2025	Phòng CTCT& QLHSSV
	12	H3.03.02.01	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026		Phòng Khảo thí & ĐBCL
Tiêu chí 6.3	1	H6.06.02.01	Quyết định Ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành GDMN theo tín chỉ	Quyết định số 467/QĐ-CĐBT, ngày 19/6/2023	Trường CĐBT

		H6.06.01.01	Quy chế về tổ chức kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô-đun trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; thi các môn văn hoá THPT của Trường CĐBT.	Quyết định số 939/QĐ-CĐBT ngày 21/10/2024	Trường CĐBT
	2	H6.06.01.02	Quy trình Tổ chức thi	QTTCT_13_P.KTh, ngày 15/04/2025	Phòng Khảo thí & ĐBCL
	3	H6.06.01.03	Quy trình Đánh giá kết quả học tập của HSSV	QTĐGKQHT_09_P.ĐT, ngày 31/7/2023	Phòng Đào tạo
	4	H6.06.03.01	Quy chế Đánh giá kết quả học tập ngành GDMN, trình độ cao đẳng, đào tạo theo tín chỉ	Quyết định số 845/QĐ-CĐBT, ngày 17/10/2023	Trường CĐBT
	6	H6.06.03.02	Quy định xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi của Trường CĐBT.	Quyết định số 516/QĐ - CĐBT ngày 30/6/2023	Trường CĐBT
		H6.06.03.03	Báo cáo công tác tổ chức thi kết thúc môn học, mô-đun năm học 2024-2025		Phòng Khảo thí & ĐBCL
	7	H3.03.02.01	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026		Phòng Khảo thí & ĐBCL
	8	H6.06.03.04	Báo cáo việc triển khai xây dựng phương hướng cải tiến sau khảo sát về môn học năm học 2024-2025	Báo cáo số 10/BC-KSP, ngày 31/3/2025; 29/BC-KSP, ngày 24/9/2025	Khoa Sư phạm

Tiêu chí 6.4	1	H6.06.04.01	Kết quả đánh giá NH 5 năm (2020–2025)	File Excel + file cứng HKI, HKII	Khoa Sư phạm
	2	H6.06.04.02	Quy chế quản lý điểm trên phần mềm Quản lý đào tạo	Quyết định số 13/QĐ-CĐBT, ngày 06/01/2025	Trường CĐBT
	3	H6.06.01.01	Quy chế về tổ chức kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô-đun trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; thi các môn văn hoá THPT của Trường CĐBT.	Quyết định số 939/QĐ-CĐBT ngày 21/10/2024	Trường CĐBT
	4	H6.06.03.01	Quy chế Đánh giá kết quả học tập ngành GDMN, trình độ cao đẳng, đào tạo theo tín chỉ	Quyết định số 845/QĐ-CĐBT, ngày 17/10/2023	Trường CĐBT
	5	H6.06.01.02	Quy trình tổ chức thi	QTTCT_13_P.KTh	Phòng Khảo thí & ĐBCL
	5	H6.06.04.03	Tài khoản cá nhân NH trên phần mềm		Hệ thống quản lý điểm
	7	H6.06.04.04	Bảng điểm tổng kết năm học		Phòng Đào tạo
	8	H3.03.02.01	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026		Phòng Khảo thí & ĐBCL
Tiêu chí 6.5	1	H6.06.01.01	Quy chế về tổ chức kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô-đun trình độ trung cấp, trình	Quyết định số 939/QĐ-CĐBT ngày 21/10/2024	Trường CĐBT

			độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; thi các môn văn hoá THPT của Trường CĐBT.		
	2	H6.06.01.02	Quy trình tổ chức thi	QTTCT_13_P.KTh	Phòng Khảo thí & ĐBCL
	3	H1.01.01.04	Website Trường	https://tcdbt.edu.vn/	
	4	H4.04.01.01	Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân – HSSV – Năm học 2025- 2026	Kế hoạch số 84/KH-CĐBT ngày 18/ 8/ 2025	Trường CĐBT
	5	H6.06.02.04	Sổ tay HSSV năm học 2025-2026	09/2025	Phòng CTCT& QLHSSV
	6	H3.03.02.01	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026		Phòng Khảo thí & ĐBCL
Tiêu chuẩn 7					
Tiêu chí 7.1	1	H7.07.01.01	Sơ đồ tổ chức	Tháng 03/2023	Webside Trường
	2	H7.07.01.02	Quyết định bổ nhiệm viên chức quản lý	Quyết định số 45/QĐ-CĐBT ngày 10/01/2023	Trường CĐBT
	3	H7.07.01.03	Quyết định thành lập tổ bộ môn và bổ nhiệm Trưởng bộ môn	Quyết định số 301/QĐ-CĐBT ngày 20/04/2023; Số 707/QĐ-CĐBT ngày 05/9/2023 (Điều chỉnh Tổ trưởng Bộ môn cơ bản)	Trường CĐBT

	4	H1.01.01.02	Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐBT	Quyết định số 717/QĐ-CĐBT ngày 08/9/2023	Trường CĐBT
	5	H7.07.01.04	Báo cáo kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng năm 2025		Trường CĐBT
	6	H4.04.03.01	Hồ sơ đánh giá xếp loại chất lượng VC, NLD năm 2025		Phòng TCHCTH
	7	H7.07.01.05	Hồ sơ viên chức	Hồ sơ viên chức	Phòng TCHCTH
Tiêu chí 7.2	1	H7.07.02.01	Quyết định thành lập Tổ chuyên môn thuộc Bộ môn của các khoa năm học 2025-2026	Quyết định số 445/QĐ-CĐBT ngày 13/8/2025	Trường CĐBT
	2	H7.07.02.02	Bảng phân công giảng dạy năm học 2025-2026		Khoa Sư phạm và Khoa KHCB & BMC
	3	H7.07.01.04	Báo cáo kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng năm 2025		Trường CĐBT
	4	H4.04.03.01	Hồ sơ đánh giá xếp loại chất lượng VC, NLD năm 2025		Phòng TCHCTH
Tiêu chí 7.3	1	H7.07.02.01	Quyết định thành lập Tổ chuyên môn thuộc Bộ môn của các khoa năm học 2025-2026	Quyết định số 445/QĐ-CĐBT ngày 13/8/2025	Trường CĐBT
	2	H7.07.01.05	Hồ sơ viên chức	Hồ sơ viên chức	Phòng TCHCTH
	3	H7.07.03.01	Quyết định Về việc công nhận viên chức đã thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Trường, năm học 2024 - 2025	Quyết định số 329/QĐ-CĐBT ngày 12/6/2025	Trường CĐBT

	4	H7.07.03.02	Quy định về chế độ làm việc của giảng viên cao đẳng sư phạm, Trường CĐBT	Quyết định số 214/QĐ-CĐBT ngày 23/3/2023	Trường CĐBT
	5	H4.04.03.01	Hồ sơ đánh giá xếp loại chất lượng VC, NLD năm 2025		Phòng TCHCTH
	6	H7.07.03.03	Quyết định công nhận và khen thưởng VC, NLD và các tập thể đạt danh hiệu thi đua năm học 2024 - 2025	Quyết định số 370/QĐ-CĐBT ngày 23/6/2025	Trường CĐBT
Tiêu chí 7.4	1	H7.07.04.01	Quy định về Đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị trực thuộc và VC, NLD của Trường	Quyết định số 944/QĐ-CĐBT ngày 13/11/2023	Trường CĐBT
	2	H4.04.03.01	Hồ sơ đánh giá xếp loại chất lượng VC, NLD năm 2025		Phòng TCHCTH
	3	H3.03.02.01	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026		Phòng Khảo thí & ĐBCL
	4	H7.07.04.02	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025	Quyết định số 99/QĐ-CĐBT ngày 25/02/2025	Phòng Tài vụ
	5	H7.07.01.04	Báo cáo kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng năm 2025		Trường CĐBT
	6	H7.07.04.03	Quy định về quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của Trường CĐBT	Quyết định số 651/QĐ-CĐBT ngày 01/10/2025	Trường CĐBT
	7	H7.07.04.04	Quy chế Thi đua - Khen thưởng của Trường CĐBT	Quyết định số 285/QĐ-CĐBT ngày 22/5/2025	Trường CĐBT
Tiêu chí 7.5	1	H7.07.01.05	Hồ sơ viên chức	Hồ sơ viên chức	Phòng TCHCTH

	2	H7.07.04.01	Quy định về Đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị trực thuộc và VC, NLĐ của Trường	Quyết định số 944/QĐ-CĐBT ngày 13/11/2023	Trường CĐBT
	3	H4.04.03.01	Hồ sơ đánh giá xếp loại chất lượng VC, NLĐ năm 2025		Phòng TCHCTH
	4	H3.03.02.01	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026		Phòng Khảo thí & ĐBCL
	5	H7.07.01.04	Báo cáo kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng năm 2025		Trường CĐBT
Tiêu chí 7.6	1	H7.07.06.01	Quy trình tuyển dụng nhân sự	31/7/2023	Trường CĐBT
	2	H7.07.06.02	Quy trình Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý	31/7/2023	Trường CĐBT
	3	H7.07.06.03	Hồ sơ bổ nhiệm cán bộ quản lý		
	4	H3.03.02.01	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026		Phòng Khảo thí & ĐBCL
Tiêu chuẩn 8					
Tiêu chí 8.1	1	H8.08.01.01	Ảnh khuôn viên Trường		Trung tâm TT- TV -TB
	2	H5.05.06.01	Bản thống kê diện tích toàn Trường		Phòng TCHCTH

	3	H8.08.01.02	Ảnh chụp phòng làm việc Khoa Sư phạm		Trung tâm TT- TV -TB
	4	H8.08.01.03	Ảnh chụp các phòng học lớp Mầm non		Trung tâm TT- TV -TB
	5	H8.08.01.04	Ảnh chụp phòng thực hành Âm nhạc		Trung tâm TT- TV -TB
	6	H8.08.01.05	Ảnh chụp Phòng Thực hành Mầm non		Trung tâm TT- TV -TB
	7	H8.08.01.06	Báo cáo thống kê tình trạng thiết bị trình chiếu, phòng máy phục vụ, năm học 2025-2026		Trung tâm TT – TV - TB
	8	H8.08.01.07	Biên bản kiểm kê		
Tiêu chí 8.2					
	1	H8.08.02.01	QĐ thành lập Trung tâm Thông tin - Thư viện - Thiết bị của Hiệu trưởng Trường CĐBT	Quyết định số 16/QĐ- CĐBT ngày 10/01/2023	Trường CĐBT
	2	H1.01.01.02	Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường CĐBT	Quyết định số 717/QĐ- CĐBT ngày 08/09/2023	Trường CĐBT
	3	H8.08.02.02	Hình chụp phòng thư viện CS1		Trung tâm TT –TV -TB
	4	H8.08.02.03	Hình chụp phòng đọc CS2		Trung tâm TT –TV -TB
	5	H8.08.02.04	Giới thiệu tổng quan Thư viện Trường CĐBT		Trung tâm TT –TV -TB

	6	H8.08.02.05	Thống kê diện tích thư viện		Trung tâm TT –TV -TB
	7	H8.08.02.06	Phần mềm thư viện điện tử Vebrary		Trung tâm TT –TV -TB
	8	H8.08.02.07	Hình máy tính tra cứu thư viện		Trung tâm TT –TV -TB
	9	H8.08.02.08	Tài khoản thư viện VC, NLĐ và HSSV		
	10	H8.08.02.09	CSDL tài liệu giấy (in)		
	11	H8.08.02.10	CSDL tài liệu số		
	12	H8.08.02.11	Lưu trữ băng đĩa và NCKH-SKKN tại phòng đọc thư viện CS2		Trung tâm TT –TV -TB
	13	H8.08.02.12	Hình chụp Kệ Lưu trữ Khóa luận tốt nghiệp tại thư viện CS1 phòng đọc thư viện CS2		Trung tâm TT –TV -TB
	14	H8.08.02.13	Quy trình phục vụ bạn đọc	QTPVBD_29_TT.TTTVT B	Trung tâm TT – TV - TB
	15	H8.08.02.14	Hướng dẫn tra cứu bộ sưu tập số		Trung tâm TT –TV -TB
	16	H8.08.02.15	Hướng dẫn tra cứu tài liệu giấy		Trung tâm TT –TV -TB
	17	H8.08.02.16	Quy chế hoạt động Thư viện của Trường	Quyết định số 369/QĐ- CĐBT ngày 23/6/2025	Trường CĐBT
	18	H8.08.02.17	Danh mục sách theo chuyên ngành đào tạo		Trung tâm TT –TV -TB

	19	H8.08.02.18	DM sách tham khảo bản số (ebook) trên thư viện số và DM sách tham khảo ngành mầm non		Trung tâm TT –TV –TB
	20	H8.08.02.19	Biên bản nhận sản phẩm NCKH/SKKN		Trung tâm TT –TV –TB
Tiêu chí 8.3		H8.08.03.01	Hình ảnh chụp trang thiết bị trong phòng học, thực hành		Trung tâm TT –TV –TB
	1	H8.08.03.02	Kế hoạch triển khai thực hiện chuẩn hóa dữ liệu các cơ sở và tập huấn phần mềm PMT – EMS Trường CĐBT	Quyết định số 58 /QĐ-CĐBT ngày 15/5/2023	Trường CĐBT
	2	H8.08.03.03	Tổng hợp các phần mềm quản trị trong hoạt động trường		Trường CĐ Bình Thuận
	3	H1.01.01.04	Website Trường	https://tcdtb.edu.vn/	
	4	H1.01.01.02	Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường CĐBT	Quyết định số 717/QĐ-CĐBT ngày 08/09/2023	Trường CĐBT
	5	H8.08.03.04	Quy trình quản lý thiết bị dạy học	QTQLTBDH_28_TT.TTT VTB	Trung tâm TT –TV –TB
	6	H8.08.03.05	Nhật ký phục vụ thiết bị dạy học	Năm 2025	Trung tâm TT –TV –TB
	7	H8.08.03.06	Biên bản kiểm kê tài sản cố định và công cụ dụng cụ - Thiết bị dùng chung năm 2024	Năm 2024	Trung tâm TT –TV –TB
	8	H8.08.03.07	Báo cáo thống kê tình trạng thiết bị trình chiếu, phòng máy phục vụ các năm học	Báo cáo số 54/ BC-TTTVTB ngày 01/8/2025	Trung tâm TT –TV –TB

	9	H8.08.03.08	Đăng ký mua sắm tài sản	07/TTTTVTB ngày 05/02/2025; 79/ GDĐX- TTTTVTB ngày 02/10/2025	
	10	H8.08.03.09	Sổ theo dõi mua sắm sửa chữa	Năm 2025	Trung tâm TT –TV -TB
	11	H8.08.03.10	Báo cáo kết quả khảo sát tình hình sử dụng Thư viện và thiết bị dạy học của Trường		Trung tâm TT –TV -TB
Tiêu chí 8.4	1	H8.08.01.01	Ảnh khuôn viên Trường		Trung tâm TT- TV -TB
	2	H5.05.06.01	Bản thống kê diện tích toàn Trường		Phòng TCHCTH
	3	H8.08.04.01	Ảnh chụp (google map) vị trí các cơ sở của Trường		Trung tâm TT – TV - TB
	4	H8.08.04.02	Báo cáo công tác triển khai phong trào toàn dân bảo vệ ANTTQ và xây dựng Trường đạt chuẩn an toàn ANTT năm 2025		Trường CĐBT
	5	H8.08.04.03	Kế hoạch công tác PCCC và cứu nạn, cứu hộ năm 2025	Kế hoạch số 04/KH- CĐBT ngày 16/01/2025	Trường CĐBT
	6	H8.08.04.04	Kế hoạch Triển khai hoạt động hưởng ứng Ngày môi trường thế giới và tháng hành động vì môi trường năm 2025	Kế hoạch số 62/KH- CĐBT ngày 29/5/2025	Trường CĐBT

	7	H8.08.04.05	QĐ thành lập các Đội PCCC, CNCH Trường CĐBT	Quyết định số 813/QĐ-CĐBT ngày 02/10/2023	Trường CĐBT
	8	H8.08.04.06	Bảng phân công VC, NLĐ trực Lễ Quốc khánh 2/9	Công văn số 341/CĐBT-TCHCTH ngày 22/08/2025	Trường CĐBT
	9	H8.08.04.07	Kế hoạch tổ chức khám sức khỏe đầu khóa cho HSSV năm thứ nhất, Năm học 2025-2026	Kế hoạch số 118/KH-CĐBT ngày 06/10/2025	Trường CĐBT
	10	H8.08.04.08	Ảnh chụp phòng Y tế		Trung tâm TT – TV - TB
	11	H5.05.02.02	Kế hoạch Tổ chức đối thoại giữa Hiệu trưởng với HSSV, NH 2025-2026	Kế hoạch số 128/KH-CĐBT ngày 31/10/2025	Trường CĐBT
Tiêu chuẩn 9					
Tiêu chí 9.1	1	H9.09.01.01	Quyết định thành lập Phòng Khảo thí & ĐBCL	Quyết định số 10/QĐ-CĐBT ngày 10/01/2023	Trường CĐBT
	2	H1.01.01.02	Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐBT	Quyết định số 717/QĐ-CĐBT ngày 08/9/2023	Trường CĐBT
	3	H9.09.01.02	Kế hoạch xây dựng và vận hành hệ thống BĐCL	Kế hoạch số 15/KH-CĐBT ngày 08/3/2023	Trường CĐBT
	4	H9.09.01.03	Quyết định thành lập Hội đồng Tư vấn về xây dựng và vận hành HTBĐCL	Quyết định số 182/QĐ-CĐBT ngày 08/3/2023	Trường CĐBT
	5	H9.09.01.04	Quyết định Ban hành Quy chế về vận hành hệ thống thông tin BĐCL	Quyết định số 856/QĐ-CĐBT ngày 18/10/2023	Trường CĐBT
	6	H9.09.01.05	Quyết công bố Hệ thống Bảo đảm chất lượng	Quyết định số 887/QĐ-CĐBT ngày 24/10/2023	Trường CĐBT

	7	H9.09.01.06	Kế hoạch đánh giá nội bộ Hệ thống Bảo đảm chất lượng	Kế hoạch số 108/KH-CĐBT ngày 18/9/2025	Trường CĐBT
	8	H9.09.01.07	Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ Hệ thống Bảo đảm chất lượng	Báo cáo số 106/BC-CĐBT ngày 21/11/2025	Trường CĐBT
	9	H9.09.01.08	Kế hoạch ĐBCL năm 2025	Kế hoạch số 02/KH-CĐBT ngày 09/01/2025	Trường CĐBT
	10	H9.09.01.09	Danh sách viên chức phụ trách Hệ thống Bảo đảm chất lượng	Ngày 13/3/2023	Trường CĐBT
	11	H9.09.01.10	Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành GDMN - Năm 2025	Kế hoạch số 107/KH-CĐBT ngày 18/9/2025	Trường CĐBT
	12	H9.09.01.11	Quyết định Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành GDMN	Quyết định số 573/QĐ-CĐBT ngày 09/9/2025	Trường CĐBT
	13	H9.09.01.12	Báo cáo Kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành GDMN - Năm 2025		Phòng Khảo thí & ĐBCL
Tiêu chí 9.2	1	H4.04.02.03	Kế hoạch thực tập sư phạm năm thứ 2 ngành GDMN trình độ cao đẳng, hệ chính quy năm học 2024 - 2025	Kế hoạch số 154/KH-CĐBT ngày 27/11/2024	Trường CĐBT
	2	H4.04.02.04	Kế hoạch thực tập sư phạm năm thứ 3 ngành GDMN trình độ cao đẳng, hệ chính quy năm học 2024 - 2025	Kế hoạch số 155/KH-CĐBT 27/11/2024	Trường CĐBT
	3	H4.04.03.02	Quy định đánh giá các nội dung thực tập sư phạm tại cơ sở thực tập đối với ngành sư phạm, bậc cao đẳng, hệ chính quy	Quyết định số 688/QĐ-CĐBT ngày 09/10/2025	Trường CĐBT

	4	H9.09.02.01	Quyết định Thành lập Ban Chi đạo thực tập sư phạm ngành GDMN trình độ cao đẳng, hệ chính quy - Năm học 2024 - 2025	Quyết định số 1032/QĐ-CĐBT ngày 25/11/2024	Trường CĐBT
	5	H4.04.02.06	Báo cáo hoạt động tổng kết dạy và học năm học 2024-2025	Báo cáo số 90/BC-CĐBT ngày 23/10/2025	Trường CĐBT
	6	H4.04.02.05	Báo cáo tổng hợp kết quả thực tập tốt nghiệp ngành GDMN năm học 2024-2025	Báo cáo số 51/BC-CĐBT ngày 17/6/2025	Trường CĐBT
Tiêu chí 9.3	1	H1.01.01.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành cao đẳng, trung cấp chương trình đào tạo ngành GDMN, áp dụng từ K23	Quyết định số 545/QĐ-CĐBT ngày 11/7/2023	Trường CĐBT
	2	H4.04.02.03	Kế hoạch thực tập sư phạm năm thứ 2 ngành GDMN trình độ cao đẳng, hệ chính quy Năm học 2024 - 2025	Kế hoạch số 154/KH-CĐBT ngày 27/11/2024	Trường CĐBT
	3	H4.04.02.04	Kế hoạch thực tập sư phạm năm thứ 3 ngành GDMN trình độ cao đẳng, hệ chính quy Năm học 2024 - 2025	Kế hoạch 155/KH-CĐBT ngày 27/11/2024	Trường CĐBT
	4	H4.04.03.02	Quy định đánh giá các nội dung thực tập sư phạm tại cơ sở thực tập đối với ngành sư phạm, bậc cao đẳng, hệ chính quy	Quyết định số 688/QĐ-CĐBT, ngày 09/10/2025	Trường CĐBT
	5	H4.04.02.05	Báo cáo tổng hợp kết quả thực tập tốt nghiệp ngành GDMN năm học 2024-2025	Báo cáo số 51/BC-CĐBT ngày 17/6/2025	Trường CĐBT

Tiêu chí 9.4	1	H9.09.04.01	Quy trình Giảng dạy	QTGD_11_P.ĐT ngày 31/7/2023	Phòng Đào tạo
	2	H6.06.01.03	Quy trình Đánh giá kết quả học tập của HSSV	QTĐGKQHT_09_P.ĐT, ngày 31/7/2023	Phòng Đào tạo
	3	H6.06.03.01	Quy chế Đánh giá kết quả học tập ngành GDMN, trình độ cao đẳng, đào tạo theo tín chỉ	Quyết định số 845/QĐ-CĐBT ngày 17/10/2023	Trường CĐBT
	4	H4.04.02.06	Báo cáo hoạt động tổng kết dạy và học năm học 2024-2025	Báo cáo số 90/BC-CĐBT 23/10/2025	Trường CĐBT
	5	H9.09.04.03	Thông báo Kết quả Hội thảo khoa học năm học 2024 -2025	Thông báo số 07/TB-KSP ngày 18/3/2025	Khoa Sư phạm
	6	H6.06.01.07	Báo cáo kết quả khảo sát Lấy ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về môn học, mô-đun, Học kỳ I, Năm học 2024-2025	Báo cáo số 24 /BC-CĐBT ngày 25/03/2025	Phòng Khảo thí & ĐBCL
	7	H5.05.02.02	Kế hoạch Tổ chức đối thoại giữa Hiệu trưởng với HSSV, NH 2025-2026	Kế hoạch số 128/KH-CĐBT ngày 31/10/2025	Trường CĐBT
Tiêu chí 9.5	1	H9.09.05.01	Quy định Hoạt động khảo sát các bên liên quan về chất lượng đào tạo của Trường CĐBT	Quyết định số 203/QĐ-CĐBT ngày 20/3/2023	Trường CĐBT
	2	H9.09.05.02	Quy trình Quy trình Lấy ý kiến phản hồi của các bên có liên quan về CLĐT	Ngày ban hành: 15/4/2025	Phòng Khảo thí & ĐBCL
	3	H9.09.05.03	Kế hoạch khảo sát các bên có liên quan về CLĐT - năm 2025	Kế hoạch số 17/KH-CĐBT ngày 25/02/2025	Trường CĐBT
	4	H3.03.02.01	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các		Phòng Khảo thí & ĐBCL

			bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026		
	5	H5.05.02.02	Kế hoạch Tổ chức đối thoại giữa Hiệu trưởng với HSSV, NH 2025-2026	Kế hoạch số 128/KH-CĐBT ngày 31/10/2025	Trường CĐBT
	6	H9.09.05.04	Biên bản Chương trình đối thoại giữa Hiệu trưởng với HSSV, NH 2025 - 2026	31/10/2024	Phòng CTCT & QLHSSV
	7	H9.09.05.05	Thông báo kết luận họp giao ban các tháng		Phòng TC- HC - TH
	8	H4.04.02.06	Báo cáo hoạt động tổng kết dạy và học năm học 2024-2025	Báo cáo số 90/BC-CĐBT ngày 23/10/2025	Trường CĐBT
Tiêu chí 9.6	1	H1.01.01.02	Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐBT	Quyết định số 717/QĐ-CĐBT ngày 08/9/2023	Trường CĐBT
	2	H9.09.01.01	Quyết định thành lập Phòng Khảo thí & ĐBCL	Quyết định số 10/QĐ-CĐBT ngày 10/01/2023	Trường CĐBT
	3	H9.09.05.01	Quy định Hoạt động khảo sát các bên liên quan về chất lượng đào tạo của Trường CĐBT	Quyết định số 203/QĐ-CĐBT ngày 20/3/2023	Trường CĐBT
	4	H9.09.05.02	Quy trình Quy trình Lấy ý kiến phản hồi của các bên có liên quan về CLĐT	Ngày ban hành: 15/4/2025	Phòng Khảo thí & ĐBCL
	5	H9.09.05.03	Kế hoạch khảo sát các bên có liên quan về CLĐT - năm 2025	Kế hoạch số 17/KH-CĐBT ngày 25/02/2025	Trường CĐBT
	6	H3.03.02.01	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026		Phòng Khảo thí & ĐBCL

	7	H5.05.02.02	Kế hoạch Tổ chức đối thoại giữa Hiệu trưởng với HSSV, NH 2025-2026	Kế hoạch số 128/KH-CĐBT ngày 31/10/2025	Trường CĐBT
	8	H9.09.05.05	Thông báo kết luận họp giao ban các tháng		Phòng TC- HC - TH
	9	H4.04.02.06	Báo cáo hoạt động tổng kết dạy và học năm học 2024-2025	Báo cáo số 90/BC-CĐBT ngày 23 tháng 10 năm 2025	Trường CĐBT
	10	H9.09.06.01	Quy trình Điều chỉnh, bổ sung chương trình khung đào tạo	Ngày ban hành: 15/4/2025	Phòng Đào tạo
	11	H2.02.02.03	File nén các đề cương chi tiết môn học của K23 đã được duyệt tính đến thời điểm đánh giá	Tổng hợp từ tháng 12/2024 đến thời điểm đánh giá	Khoa Sư phạm, Phòng ĐT
Tiêu chí 9.7	1	H9.09.07.01	Quy trình Xây dựng và lựa chọn chương trình đào tạo	QTXDCTĐT_20_P.ĐT Ngày 31/7/2023	Phòng Đào tạo
	2	H9.09.06.01	Quy trình Điều chỉnh điều chỉnh và bổ sung chương trình đào tạo	QTCSCCTĐT_21_P.ĐT Ngày 31/7/2023	Phòng Đào tạo
	3	H9.09.01.06	Kế hoạch đánh giá nội bộ Hệ thống Bảo đảm chất lượng	Kế hoạch số 108/KH-CĐBT ngày 18/9/2025	Trường CĐBT
	4	H3.03.02.01	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026		Phòng Khảo thí & ĐBCL
Tiêu chuẩn 10					

Tiêu chí 10.1	1	H10.10.01.01	Quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng ngành GDMN Hệ chính quy - Năm 2025	Quyết định số 429/QĐ-CĐBT ngày 04/8/2025	Trường CĐBT
	2	H10.10.01.02	Bảng thống kê tỷ lệ đầu vào, thôi học, tốt nghiệp, có việc làm		Phòng Đào tạo
	43	H10.10.01.03	Đơn xin thôi học		Phòng Đào tạo
	4	H10.10.01.04	Đơn xin tạm ngừng học		Phòng Đào tạo
	5	H10.10.01.05	Các Quyết định thôi học hàng tháng (năm 2025)		Phòng CTCT & QLHSSV
	6	H4.04.02.06	Báo cáo hoạt động tổng kết dạy và học năm học 2024-2025	Báo cáo số 90/BC-CĐBT ngày 23/10/2025	Trường CĐBT
Tiêu chí 10.2	1	H9.09.01.01	Quyết định thành lập Phòng Khảo thí & ĐBCL	Quyết định số 10/QĐ-CĐBT ngày 10/01/2023	Trường CĐBT
	2	H1.01.01.02	Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐBT	Quyết định số 717/QĐ-CĐBT ngày 08/9/2023	Trường CĐBT
	3	H9.09.05.01	Quy định hoạt động khảo sát các bên có liên quan về chất lượng đào tạo	Quyết định số 203/QĐ-CĐBT ngày 20/3/2023	Trường CĐBT
	4	H3.03.02.01	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026		Phòng Khảo thí & ĐBCL
	5	H10.10.01.02	Bảng thống kê tỷ lệ đầu vào, thôi học, tốt nghiệp, có việc làm		Phòng Đào tạo

	6	H4.04.02.03	Kế hoạch thực tập sư phạm năm thứ 2 ngành GDMN trình độ cao đẳng, hệ chính quy Năm học 2024 - 2025	Kế hoạch số 154/KH-CĐBT ngày 27/11/2024	Trường CĐBT
	7	H4.04.02.04	Kế hoạch thực tập sư phạm năm thứ 3 ngành GDMN trình độ cao đẳng, hệ chính quy Năm học 2024 - 2025	Kế hoạch số 155/KH-CĐBT ngày 27/11/2024	Trường CĐBT
	8	H5.05.05.04	Kế hoạch Tổ chức “Ngày hội việc làm” năm 2025	Kế hoạch số 42/KH-CĐBT ngày 04/4/2025	Trường CĐBT
Tiêu chí 10.3	1	H9.09.05.01	Quy định hoạt động khảo sát các bên có liên quan về chất lượng đào tạo	Quyết định số 203/QĐ-CĐBT, ngày 20/3/2023	Trường CĐBT
	2	H9.09.05.03	Kế hoạch khảo sát các bên có liên quan về CLĐT - năm 2025	Kế hoạch số 17/KH-CĐBT ngày 25/02/2025	Trường CĐBT
	3	H3.03.02.01	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026		Phòng Khảo thí & ĐBCL